

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 56 — I - 5 - 1961

1.— Chân-Lý lịch sử	Nguyễn-Vỹ	8 — 9
2.— Điện mưa xoe của đồng bào Thái	Cao-Chu	10 — 13
3.— Những bức thư tình (truyện ngắn) . . .	Mỹ-Khanh	14 — 18
4.— Từ chối (thơ)	Diệp-thanh-Tú	19
5.— Sự tập bưi hoa	Nguyễn-Đoàn	20 — 22
6.— Ngọc Hân Công chúa, vợ vua Quang-Trung	Nguyễn-Triệu	23 — 26
7.— Những người đàn bà lòng danh	Tân-Phong	27 — 31
8.— Buồn thời gian (thơ)	Thanh-Nguyên	32
9.— Đục long cán gậy (truyện ngắn) . . .	Nguyễn-đức-Dũng	33 — 36
10.— Tại sao Quán chủ Anh còn bền vững mãi	Dermot Morrah	37 — 40

11.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	41 — 46
12.— Quận He, vùng-vẫy tám năm tại Bắc Hà	Hồ-thị-Hồng	47 — 57
13.— Nhân vật xuân thu	Thiếu-Sơn	58 — 63
14.— Đêm xuân trôi (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt	64
15.— Ba cô gái trên miền Bắc cực (truyện ngắn quốc tế)	Đặng-hữu-Hỗ	65 — 75
16.— Đời sống danh nhân thế giới ; Charlie Chaplin	Tân-Phong	76 — 80
17.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	81 — 84
18.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	85 — 92
19.— Một giấc mơ hoa	Duyên-Hồng	93 — 98
20.— Nha Trang du ký	Nguyễn-Vỹ	99 — 103
21.— Alala (truyện dài rút ngắn)	Trần Chu	104 — 111
22.— Thơ lên ruột	Tú-Be	112 — 113
23.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	114 — 120
24.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	121 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lại cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

✱ Bài lại cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

CHÂN - LÝ

LỊCH - SỬ

CHÂN-lý lịch-sử chỉ có một. Ở mỗi giai đoạn của đời sống quốc-gia và dân-tộc, có những sự kiện cụ-thể xảy ra, liên-tục từ nhân đến quả, ràng buộc nhau cấu-tạo hiện-tại, và chuẩn-bị tương lai. Lịch-sử là một định-mệnh. Những nhân-vật đóng các vai trò nổi bật lên trong một thời gian nào đó, bất luận anh-hùng hay phiến-loạn, chiến-thắng hay bại-vong, đều tất cả là những nghệ-sĩ của một tấn-tuồng đã sắp sẵn trong bàn tay của Thượng-Đế.

Nghĩa là lịch-sử không phải do người làm ra, mà là một hóa-hợp của các yếu-tố thiên nhiên, mà người ta gọi là xã-hội, chính-trị, kinh-tế — theo một tiến-trình bất-di bất-dịch. Phải thêm vào đó nữa cái thành phần tâm-lý và địa-lý, nhân-lực và thiên-lực.

Tuy nhiên, nếu người không phải chính là động-co sáng-tác lịch-sử, người lại không muốn đóng vai trò hoàn-toàn thụ-động. Ta ưa nhận xét, phê-bình, suy-luận. Nhận-xét đúng, phê-bình vô-tư, suy-luận xác-đáng, thì lịch-sử là một bài học kinh-nghiệm bổ-ích và quý-giá xiết bao.

Từ mấy muôn đời trước, qua mấy muôn đời sau, Hérodote, Tite-Live, Tư-mã-thiên, còn là những bậc Thầy của nhân-loại.

Nhưng tựu-trung, Lịch-sử của nhiều dân tộc thường bị xuyên tạc, biến-thể, giả-mạo, đến đôi có thể thành ra sai lạc hẳn.

Lịch-sử thường bị phản-bội bởi những kẻ bất-lương đã chà đạp trên chân-lý Lịch-sử mà dám mệnh danh là « sử gia », là « chính-trị gia », là thành phần « Văn-hóa Học-thuật ».

Lão-tử nói đến di-hại của « Văn-hóa giết người », chính là loại Văn-hóa nhồi sọ kia vậy.

Socrate uống thuốc độc chết vì không chịu theo văn-hóa nô lệ của bọn Quý-tộc Athènes.

Kho-tàng Sử-sách của Việt-nam ta rất là nghèo nàn. Nhưng không phải nghèo nàn một cách tuyệt-vọng. Qua hai nghìn năm chỉ vốn-ven còn lại không quá một trăm pho Sử. Tuy nhiên, chúng ta còn có thể truy-cứu các nguồn-gốc sử-liệu của Trung-Hoa, Nhật-bản, và từ thế-kỷ XIV, XV về sau của các sử-gia Tây-phương.

Những ai đã nghiên-cứu cặn kẽ các sử-sách của ngoại-quốc, ngay bên cạnh ta như của Trung-Hoa chẳng hạn, đều phải buồn rầu, thất-vọng cho kho Sử của Nước nhà. Phải thú nhận rằng chúng ta chưa biết gì nhiều về các sự kiện lịch-sử, văn-hóa, xã-hội của các Triều-đại Việt-nam. Những điều chúng ta biết, qua một số sách quá ít ỏi còn để lại, chỉ là những tài-liệu sơ-sài thiếu-thốn, không xứng đáng với gia-tài văn hiến đáng lẽ phải đồ-sộ mênh-mông của một Dân-tộc văn-minh và hùng hậu không đến nỗi kém cỏi hơn các Dân-tộc khác ở Á-Đông. Đã vậy, một vài kẻ viết sử còn xuyên-tạc cả chân-lý, che đậy những thực-tế, thêu dệt những truyền-ký, chỉ có mục-đích tăng bốc những uy-quyền đương thời, nịnh hót của Vua quan, đề-cao một vài ưu-điểm, hủy bỏ các hiện-tượng có thể tổn hại các cấp chuyên quyền.

Còn lịch-sử của dân-tộc, ấy mới là Lịch-sử chân chính, thì không ai đếm xỉa đến. Chúng ta không cần truy-tội những kẻ đã xúc phạm Lịch-sử và làm nhơ nhuốc Lịch-sử. Tự họ đã bị Lịch-sử kết án. Nhưng chúng ta đừng noi gương những kẻ, hoặc ngoan-cổ hoặc vô-tình, đã nhầm mất tin theo vài ba mớ Lịch-sử giả-hiệu trống rỗng chân-lý, do một bọn sử-gia của Vua chúa thời xưa viết nịnh theo uy-quyền.

Một ngày nào đó, khi chúng ta có đầy đủ phương-tiện, chúng ta sẽ cần phải viết lại một bộ Lịch-sử chân chính của dân-tộc Việt-nam. Chúng ta cần phải phục-hồi địa-vị của Lê-đại-Hành, Hồ-quý-Ly, Mạc-dăng-Dung. Minh xác lại chính-trị của các triều-đại Gia-long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, và của bao nhiêu triều-đại khác nữa mà còn rất nhiều cuộc âm-mưu hại nước hại dân chưa được đem ra ánh sáng.

Chúng ta phải phân-tách sự kiện Lịch-sử để tìm ra SỬ THẬT và SỬ GIẢ, SỬ TRUNG, và SỬ NỊNH, Sử của bạo quyền và Sử của Nhân-dân.

N. V.



KHÓC CỤ

THÚC - GIÀ

- ★ Mây phủ sông Hương núi Ngự-Bình,
Thôi, đã che khuất bóng Văn-tĩnh !
Câu thơ điệu cò càng thêm hiêm,
Khúc hát thời xưa khó lựa thành ;
Dở mấy phong thư mà gặt lệ,
Ngắm vài bức ảnh đến tàn canh.
Bao giờ khuây-khoả niềm thương nhớ ?
Thúc-Già thì-ông có thấu tình ?
Phù-giang PHAN-THẾ-ROANH (Sai-gon)

- ★ Còn đâu Thúc-già nữa, ông ơi !
Một giấc nghìn thu vắng bạn rồi !
Đức-trạch hoàn-toàn đời ít kẻ
Văn-chương lỗi lạc tiếng nhiều nơi.
Mây un đỉnh Ngự cơn sầu vương
Nước chảy giòng Hương giọt lệ rơi
Cách trở đường đời ba tấc đất
Còn đâu Thúc.Già nữa, ông ơi !

Thăng-Phượng TRẦN-ĐỨC-TRÌNH
(Hương - Bình Thi - xã)
100 Phan-bội-Châu Huế

- ★ Một nén hương rặng lễ diều
Xưa kia bác cháu tâm đà hiểu.
Bâng-khuông nghĩa bạn, khóc từng già,
Giãn-giỏi tình con, than liễu yếu.
Đình Ngự bơ-thờ gió sớm qua,
Giòng Hương lững-thững trăng khuya chiếu.
Từ đây cửa động khóa then mây
Mặc khách tao-nhân thơ vắng điệu !

Mục-tử BỬU-ĐÔNG
(Hương-Bình Thi-xã, Huế)

- ★ Văn-dàn vang tiếng bấy lâu nay,
Bỗng chốc từ trần nghĩ ngán thay !
Cuộc thế đã đành cười lẫn khóc,
Mộng đời thôi hết tỉnh cùng say.
Duyên văn luống nặng vì non nước,
Bút pháp thêm rầu với cỏ cây.
Tiếng ngọc lời vàng giờ vắng nhĩ !
Nhớ ai ai nhớ có ai hay.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÁY (Gia-định)

- ★ Vị Nguyên-sứ Tao-dàn Hương-Ngự
Bỗng Xuân này phê chữ : chia tay !
Anh thơ kỷ - niệm còn đây
Mà Thi-ông đã chơi mây xa rồi !
Quán phù sinh giờ thôi trống ghế
Mặc non sông với bể dâu kia.
Túi thơ bầu rượu đi về
Đi về cái chốn chốn quê muôn đời.
Đề từ đây im hơi lặng tiếng
Tê lòng ai khi viếng Thần-Kinh
Còn đâu Thúc-Già Tiên-sinh
Sóng Hương lướt sóng, non Bình say trắng !
Muôn vãn tiếc... nói năng chi nữa
Sao Văn-tĩnh rục-rở, lặn rồi
Một đi, thôi thế là thôi -
Dẫu văn thơ mãi với đời còn duyên !

TUƠNG-PHỔ

Ký sau : ● Văn-diệu Thúc gia hương linh, của HƯƠNG-BÌNH-THI-XÃ
● Khóc Cha, của T. N. HỸ-KHUƠNG



điệu múa xoè

của đồng bào THÁI



★ CAO-CHU

LỊCH-sử nghệ-thuật nhảy múa của đa phần các dân - tộc trên thế-giới đều bắt nguồn từ tự nhiên, trong cuộc sinh - hoạt mà ra. Riêng đối với dân tộc thiểu số miền núi, bước đầu từ ý-thức tiêu-khiển đã dần dần đóng - góp vào sự cúng tế thiêng - liêng của dân tộc. Cùng một đà tiến-hóa chung ấy, cũng như nền văn học, nghệ - thuật múa của Thái cũng uớt lệ phong phú và có từ lâu đời. Họ đáng hãnh - diện với mấy nghìn năm lịch-sử của họ.

ĐIỆU MÚA XÒE

Trong quá trình phát - triển, vũ điệu Thái đóng-góp vào việc cúng tế rất nhiều, trong những ngày *SĒN HƯU*, *SĒN BAN* nhất là lễ Giỗ tổ (*kín pang then*) của Thái-trắng, tục ăn măng uống rượu mỡ đầu cho sự làm việc hàng năm (*kín kháu no*) của Thái đen. Thường thường thì sau ngày làm việc mệt nhọc, nhất là hội hè, những ngày đầu xuân, họ tha-hồ vui chơi nhảy múa suốt ngày suốt đêm, có khi kéo dài từ ngày này qua ngày khác.

Đến đây cũng nên bàn sơ-lược về hình thức múa của họ. Có thể chia làm 2 loại : Múa cổ truyền và múa biểu-diễn.

● **MÚA CỔ TRUYỀN** (*xòe vòng*) : mang hình-thức của đại chúng có tác dụng làm tiêu tan sự mệt nhọc sau ngày làm việc, gây phấn khởi cho ngày mai và kết chặt tình tương thân tương-ái giữa mọi người. Do đó, loại múa này thường được thể hiện ở một nơi công - cộng, quanh đồng lửa, vò rượu, hay quanh một gốc cây Ban. (2) Ý-thức từ đại chúng, trong cái nghĩa hợp quần, tiêu khiển, nên thu hút hầu hết mọi thành phần già trẻ trai gái. Ở đâu có tiếng trống

là có người tham dự, không kể xa-xôi cách trở. Cho nên múa cổ-truyền từ hình thức đến nội-dung đều lành mạnh vui tươi. Về động tác các điệu múa cổ truyền rất đơn giản. Do tự nhiên mà có, nên hình thức phát sinh cũng giống hầu hết các dân tộc khác, trong buổi đầu. Riêng về nghệ-thuật ,văn điệu luyện, uớt át đã thể hiện đủ các sắc thái của dân-tộc. Nếp sống bình dị chất phát đã dẫn họ vào thú vui duy-nhất, do đó vấn đề múa hát được phổ cập sâu rộng và gây thành một tập quán ưa thích trong dân-tộc.

● **MÚA BIỂU DIỄN** : có người dựa vào múa cổ truyền, thêm tính chất sáng - tạo đặt ra nhiều điệu múa mới để biểu-diễn. Tất nhiên trong sự lớn mạnh, một nghệ-thuật được trau dồi, phải phát - triển, Do đó, nội dung phong phú hơn trước. Múa biểu diễn vừa thành hình, gặp ngay đối tượng vua chúa của phong kiến, nên biến thành thứ tiêu khiển riêng cho giai cấp thống trị Từ ấy, từng đội múa hát được thành lập để phục vụ một thiểu số có tiền bạc, quyền-lực. Tính chất đơn thuần ngày xưa dần dần bị pha trộn hoàn-cảnh

ĐIỆU MÚA XOÊ

khách quan, do đó đã mất đi nhiều ý-nghĩa của nội dung điệu múa. Có thể nói, lúc bấy giờ múa biểu diễn chỉ tiến triển trên mặt hình thức và kỹ-thuật, về nội dung đã thụt lùi quá xa, với bản chất sẵn có của nó. Hãy xem nhận xét ấy có đúng không, qua lời của điệu múa *Tang Tsa*. Xin tạm dịch sau đây:

*Mừng vua quan quý hơn ngàn hoa
Xin phép các quan được vui sướng
Xin phép các quan được vui mừng
Các em xin vui lòng hôm nay
Gái xòe chúng em xin hầu hạ
Xin hầu các quan và họ hàng các quan...*

Tuy vậy, phải nhận rằng loại múa biểu-diễn đã ở vào trình độ khá cao về hoàn chỉnh hình tượng và nghệ-thuật. Về hình thức mỗi vũ điệu sẽ tùy theo nội dung mà diễn biến, để làm nổi bật từ sắc thái một. Trong phạm vi có hạn định, nên loại múa này chưa được phổ biến sâu rộng, chỉ phát triển ở một vài địa phương có đầy đủ hoàn-cảnh thuận tiện của người Thái - trắng như Phong-thổ, Quỳnh nhai, Lai châu...

Cũng như các bộ môn văn-nghệ khác, vũ điệu Thái đã hiện lên một cách đậm đà cái phong cách sinh hoạt lành mạnh và trữ tình; qua thời gian sinh-sản và hình thành trong lòng dân tộc, của quá trình tiến triển và sáng tạo. Múa Thái rất phong phú, từ những động tác, đường nét, đến các đạo cụ, được sử dụng như khăn, quạt, nón, quả nhạc tính (một thứ đàn làm bằng quả bầu). Mỗi điệu múa lại chia làm nhiều loại. Ví như múa khăn, là múa xung quanh cây Ban thì gồm có: *xòe xe cộ, xòe cộ tạo lam, xòe khò hưa, xòe tạp lao, xòe tang tsa...* Các loại khác cũng vậy, riêng về nội dung và hình thức biểu - diễn lại không giống nhau, giữa các dân - tộc Thái - đen và Thái - trắng. Có một điểm chúng ta thấy đặc biệt là hầu hết các điệu múa của các dân tộc khác, thường bị lệ thuộc và chi phối vì đạo cụ; ở đây múa Thái chẳng những không chi phối, lệ thuộc mà còn tăng thêm sự uyển chuyển của các đường nét thân thể, chân tay. Ai đã từng xem qua những điệu *kéo khan* (múa khăn) *pung cúp, úp cúp* (múa nón) — *xòe tay chiến* (múa nhạc) — *vĩ san, vĩ đôi*

(múa quạt) thì thấy thể hiện khá đầy đủ về nhận xét trên. Dưới mắt một người xa lạ, chắc chắn sẽ thấy hay đẹp thật, nhưng rất khó bắt chước. Điều ấy — chính là sắc thái cá biệt của nghệ thuật nhảy múa Thái.

Ở một dân tộc coi trọng phụ nữ như Thái, thêm vào những điều kiện sinh hoạt dành phần nhẹ nhàng cho đàn bà, nghệ thuật múa Thái đã có cơ hội thuận lợi phát triển đầy đủ khả năng, tạo nên một phong cách độc đáo. Do đó, múa Thái biểu dương được đúng với nếp sống nhẹ nhàng và tính chất tình cảm ướt lệ của người phụ nữ Thái. Nam giới ở đây là những người gánh vác nặng nhọc về sinh hoạt hằng ngày. Nếu tham gia, những buổi hội hè, họ chỉ đóng vai trò đánh đàn giữ nhịp. Người phụ nữ Thái xem việc múa hát là việc đương nhiên của

họ, có trách nhiệm trước dân bản.

Ai đã có dịp đọc *«Tàn chy xiết xuong»* (3) hoặc *«sóng chy son sao»* (4), với ngót mấy nghìn câu thơ tình cảm trong sáng, sẽ cảm thấy cũng ướt lệ trữ tình như qua bộ môn vũ Thái..

(1) *Xòe*: tiếng Thái có nghĩa là múa

(2) *Cây Ban*: là một thứ cây có hoa trắng, nở vào mùa xuân, ở Tây Bắc, tượng trưng sắc đẹp người con gái.

(3) *«Tàn chy xiết xuong»* Bản tình ca Thái — có nghĩa là những lời yêu đương, bóng bẩy giữa trai gái Thái.

(4) *«Sóng chy son sao»* = có nghĩa là những lời đưa tiễn dặn dò người yêu.



* NGÀY THƠ

Cô thư-ký đi trễ, ông giám-đốc bảo:

— Đáng lẽ cô phải đến hồi 8 giờ.

Cô thư-ký ngày thơ, hỏi lại:

— Dạ thế hả? Thưa ông, hồi 8 giờ có chuyện chi lạ sao?



★ Phan-thị Mỹ - Khanh



O N mười năm không gặp nhau, chị Sâm và tôi nói chuyện suốt cả buổi chiều. Toàn

là ôn lại những kỷ niệm cũ thuở hai chúng tôi còn là nữ sinh, nhắc lại những người bạn xưa, hoặc đã khuất, hoặc hiện còn mà sống tha phương đây đó. Chợt giờ tập ảnh cũ, chị Sâm buồn buồn hỏi tôi :

— Mỹ biết chị này chứ ?

Tôi cố lục tìm trong ký ức vẫn không nhớ ra cái dáng người thanh thanh, đôi mắt đen trong sáng, mái tóc quăn tự nhiên lòa xòa trước vầng trán rộng.

— Em xin chịu — Tôi vừa đáp vừa cúi nhìn ảnh kỹ một lần nữa.

— Chị Lê ở chợ Mới Tỉnh ấy mà. Chị không có học một lớp với bọn mình thành thử Mỹ không quen chứ sao. Nhưng giữa chị và tôi, tình bạn trở nên thâm thiết sau một câu chuyện... chẳng biết nên gọi là câu chuyện gì, cho đến ngày nay chị đã nằm dưới lòng đất sâu mà tôi vẫn còn nhớ mãi...



Mẹ tôi hồi ấy vốn có buôn bán với bác Cả — mẹ chị Lê — nên trong thời gian học ở trường tỉnh, tôi trọ tại nhà chị. Chị Lê mười chín, lớn hơn tôi hai tuổi và đương trông coi một ngôi hàng xén nhỏ trong chợ tỉnh. Bác Cả lấy cố chị là con đầu, bắt ở nhà tập tành buôn bán từ năm chị lên mười hai, nên mực học của chị chỉ vừa biết đọc sách in và ghi tiền thiếu đủ của khách hàng. Người chị Lê không đẹp lắm nhưng có những nét thanh tú uyển chuyển đáng yêu. Tánh tình chị lại điềm đạm dễ thương, không chua ngoa cái lối con gái nhà buôn, và cái điểm tôi thích nhất ở chị là thực tình với bạn.

Một buổi trưa, tôi còn nhớ rõ ràng gần đến độ nghỉ hè, tôi đi học về, thấy chị Lê có vẻ khác mọi ngày. Hình như chị có điều gì vui trong lòng nên luôn luôn tôi bắt gặp chị mỉm cười và khi chị sai bảo các em, giọng chị trở nên ngọt ngào hết sức. Cơm xong, tôi lên gác học bài. Dưới nhà, bác Cả bận mua bán và mấy đứa em chị Lê tình nghịch chẳng vừa nên bác dành cho tôi một phần căn gác hẹp để làm chỗ học tập cho yên tĩnh. Tôi đương nghiền ngẫm một bài vật-lý thì chị Lê đã lên

tự bao giờ, tiến đến sau lưng tôi. Chị đặt tay nhẹ nhẹ trên vai tôi, khiến tôi giật mình. Thấy chị, tôi không khỏi ngạc nhiên vì thói quen, không khi nào chị đến vào giờ tôi học bài. Ý chừng chị cũng đoán được lý do sự ngạc nhiên của tôi, nên chị bảo :

— Sâm có rảnh không ? Giúp chị cái này rồi chị đèn ơ.

Xong câu ấy, đôi gò má chị ửng hồng, mắt chị nhìn xuống sàn gác tránh cặp mắt tôi, dáng điệu có vẻ thẹn thùng. Nhớ lại sự khác thường của chị trưa nay, tôi linh cảm biết đó là chuyện gì rồi. Tôi vờ như không để ý đến sự giữ gìn của chị cốt dấu bác Cả, tôi nói to :

— Việc gì quan trọng không... chị ?

Chị vội vàng ra hiệu bảo tôi nói nhỏ rồi lần tay vào túi áo cánh rút ra một chiếc phong bì màu xanh lơ, thơm ngát nước hoa. Bằng một giọng trầm trầm, chị tâm sự cùng tôi : Đã mấy tháng nay anh Đình con ông Vĩnh-Hưng bán tạp hóa ở đầu phố yêu chị mà chưa dám ngỏ lời. Ngày ngày anh đi học, qua lại trước cửa, thường nhìn chị rất lâu và hôm nay chị nhận được bức thư này. Xem ý chị cũng cảm anh Đình lắm ; trong khi kể chuyện với

tôi, đôi mắt chị long lanh, chớp chớp, sáng lên một chút gì ao ước. Rồi chị đi vào mục đích :

— Bây giờ nhờ Sâm viết cho cái thư trả lời, mình học kém quá không biết đường viết, anh ấy cười chết.

Tôi vội từ chối :

— Chịu thôi, ai lại chị bắt em viết hộ thư tình. Biết nói thế nào được hết ý chị ?

Chị năn nỉ :

— Thì em cứ xem thư anh ấy đó, liệu liệu mà viết.

Tôi không muốn làm chị buồn, vì đối với chị, từ thuở quen nhau đến giờ, tôi chưa khi nào phạm một điều méch lòng chị, nên tôi đành nhận lời. Ấy, chính vì sự suy nghĩ non nớt của tôi hồi ấy mà sau này xảy ra câu chuyện đáng tiếc khiến tôi ân hận mãi. Thế rồi cái thư tôi viết giúp chuyển đi — bằng cách nào tôi cũng không biết và cũng không cần biết — một hôm sau đã có thư trả lời. Chị Lệ sung sướng đem lên gác khoe với tôi. Lúc bấy giờ, tôi cũng cảm thấy sung sướng, cái sung sướng hồn nhiên của kẻ đã làm cho người khác sung sướng, của kẻ đã thấy được cái công trình của mình, chứ tuyệt nhiên không có ý gì khác. Bức thư chữ viết đều đều nét, đẹp

và sáng sủa tỏ ra anh Đình có hoa tay. Lời thư đúng đắn, có vẻ chân thành và âu yếm hứa hẹn với chị Lệ một cuộc tình duyên tốt đẹp vĩnh viễn.

Hơn một tháng qua, tôi vẫn làm cái kẻ viết giúp thư tình cho chị Lệ mà không hay rằng trong lòng tôi đã có sự đổi thay, Tội nghiệp, chị Lệ đối với tôi thân yêu hơn trước, nói cho đúng hơn, xem tôi là một ân nhân đáng quý. Chị săn sóc tôi tỉ mỉ từng miếng ăn, giấc ngủ, đến cái áo cái quần. Những khi tôi đi học về trễ, mâm cơm để phần tôi bao giờ cũng thơm mát và do tay chị sắp đặt. Lắm lúc tôi mãi vui chị em hay bạn học bài thi, chị đem áo quần tôi ủi giúp rồi cẩn thận xếp vào vali cho tôi. Chị hết sức chiều chuộng tôi như một người chị đối với em nhỏ, cho đến một hôm kia...

Cho đến một hôm kia, lòng tôi đã có sự đổi thay từ bao giờ, tôi không hề hay biết. Chỉ biết rằng mỗi lần thư gửi đi là tôi bồi hồi mong chờ thư Đình, như chính tôi là người trong cuộc. Đọc thư, tôi run run cảm động vì những lời âu yếm tha thiết mặc dù những lời đó không phải để nói với tôi. Chao ôi, sao hồi ấy tôi không nhận thấy

những cảm-xúc của tôi là vô duyên, là tro trên. Đầu thư bao giờ cũng khởi bằng giòng chữ nắn nót rất hoa mỹ : « Em Lệ mến yêu ». Đã có một lần, ngồi một mình với bức thư Đình mở trước mắt, tôi thì thầm : « Giá đời lại là Em Sâm nhỉ » và, với cây bút trên tay, tôi chần vờ đưa mũi ngòi bút trên chữ L, nhưng rồi tôi rút tay lại và gục đầu xuống bàn : « Ta đã yêu Đình rồi ư ? Có thể như thế được không nhỉ ! » Nhưng nét mặt dịu hiền của chị Lệ hiện ra trước mắt khiến tôi xua đuổi những ý nghĩ đen tối. Rồi tôi lại lấy giấy bắt đầu viết thư, tuy rằng lần viết này, tâm hồn tôi không còn bình thản như lần đầu tiên nữa.

Một buổi chiều, chị Lệ ở chợ về, dúi vào tay tôi một mảnh giấy nhỏ :

— Đem lên gác rồi chị lên sau.

Tôi vừa bước lên thang gác, vừa giờ mảnh giấy ra xem, chỉ vồn vện có mấy chữ :

« Em Lệ — Anh mong mỗi được gặp em chiều chủ nhật tới, lúc 4 giờ tại cầu Sắt xóm Mới. Em đừng đề anh chờ lâu nhé. Có nhiều chuyện muốn nói. Yêu em. Anh : Đình »

Chị Lệ theo tôi, thì thầm :

— Em trả lời giúp là chị xin đúng hẹn.

Tự nhiên, một nỗi bức dọc xâm chiếm hồn tôi. Tôi vụt vùng vằng, xông giọng trước đôi mắt ngạc nhiên mở rộng của chị :

— Chuyện của chị chị biết, việc gì đến tôi !

Nói xong, tôi biết mình trót lỡ lời, vội cố lấy vẻ tươi tỉnh :

— Đưa chị chơi, em bạn học bài, không có thì giờ.

Chị năn nỉ :

— Chút xíu thôi mà ! Rồi chiều chủ nhật em đi với chị !

À, ra chị xem tôi bé bỏng lắm, chị dỗ tôi như dỗ một đứa trẻ, lòng tự ái tôi nổi dậy. Nửa thật nửa chơi tôi bèn lờm chị :

— Anh chị đi tâm sự mà có em theo thì mất thú còn gì ?

Chị Lệ mỉm cười rồi xuống nhà, không đọc thấy trên mắt tôi ít nhiều mĩa mai chua xót khi thốt ra câu nói.

Chiều chủ nhật đến, cố nhiên là chị Lệ đi một mình đến nơi hẹn, tôi nằm nhà, âm thầm với nỗi đau khổ riêng. Lúc chị về, nhìn nét mặt chị hân hoan, tôi ngấm ngấm cảm tức. Tối hôm đó, nhiều lần chị có vẻ như muốn thuật câu chuyện hẹn hò cho tôi nghe, song tôi lạnh lùng lảng tránh. Có lẽ cứ chỉ tôi đã làm chị

áy náy, ngỡ là tôi có điều gì phật ý chẳng. Chị lên gác, ngồi cạnh tôi, vỗ vỗ :

— Sầm hình như có điều gì không được vui ? Tối nay viết giùm chị cái thư nữa nhé !

Tôi buồn rầu đáp :

— Mai em về quê rồi, nghỉ hè từ hai ba hôm nay kia.

Chị nhìn tôi, chưng hửng :

— Nghỉ hè rồi sao ? À, mà em có hứa ở lại đi chơi biển với chị.

Tôi vẫn giữ nét mặt lầm lì như cũ:

— Em không đi biển nữa, sợ mẹ ở nhà mong.

✱

Rồi tôi cương quyết về quê ngay hôm sau, mặc dù tôi còn có thể ở lại năm mười hôm nữa. Mấy tháng hè qua, tuy không có dịp ra tỉnh, tôi đoán chắc mối tình hai người đương độ nồng thắm say sưa. Ngày tựu trường tôi vui vẻ trở lại nhà bác Cả. Không-khí đồng quê và việc học hành đã làm cho lòng tôi dịu hẳn. Tôi quên được những tư tưởng đen tối bởi mối tình vô lý chớm nở trong tôi ngày nào. Nhưng những điều tôi đoán về chị Lệ và anh Đình thì sai cả. Chị Lệ không còn vui tươi như trước. Chị ít nói chuyện và người chị cũng sút đi. Bác Cả cho rằng tiết trời quá nóng không hợp

với chị, khuyên chị đi khám bệnh và uống thuốc. Chị chỉ vâng dạ qua loa. Nhưng rồi tôi cũng rõ chuyện, do chị kể lại : Trong thời gian tôi không viết thư nữa, Chị Lệ tự viết gởi đi một vài lần mà không thấy trả lời. Một tối chị đi chơi phố, thấy anh Đình, nhưng anh có ý lẩn tránh. Rồi từ đấy bất tin anh. Có kẻ nói anh đỗ Trung học rồi, đi Saigon học. Chị Lệ hết hy vọng từ đấy.

Tôi chợt thương chị Lệ vô cùng. Mặc dù trong câu chuyện, chị tỏ ý chê anh Đình bạc bẽo, nhưng tôi thông cảm mối tình sâu đậm của chị đối với người yêu và nhất là chị thực tình không may nghĩ ngờ tâm sự tôi độ ấy. Chị cũng không hề trách tôi đã không giúp chị tận tình trong cuộc tình duyên với Đình.

Những năm về sau này, càng gần gũi chị, tôi càng hết sức mến chị, duy trì tình bạn càng ngày càng thắm thiết để một phần nào nhẹ bớt niềm ân hận mãi mãi ray rứt tôi.

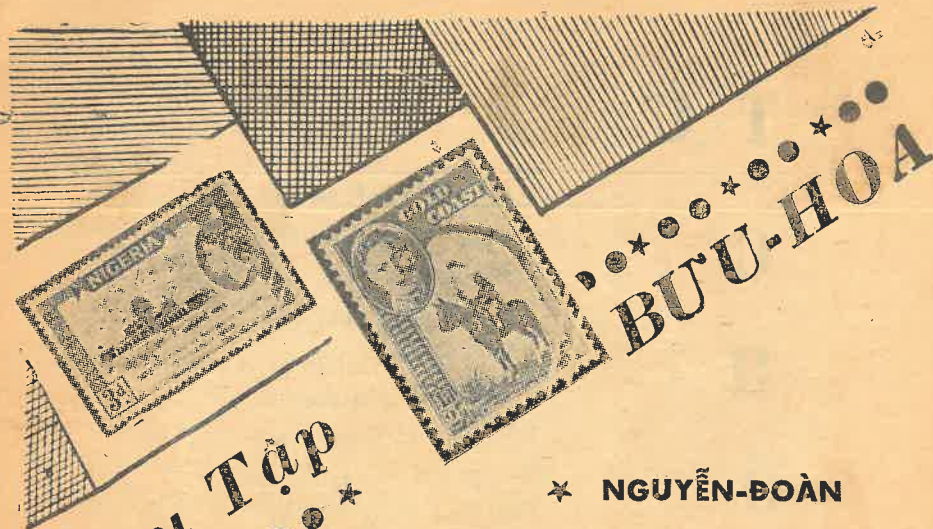
Cho đến mười năm qua, cuộc đời biến đổi, tôi vừa nghe tin chị Lệ chết ba năm về trước, nhưng bức ảnh này còn ở nơi tôi là hình dáng chị và câu chuyện ngày xưa không bao giờ xóa nhòa trong tôi được.

T Û C H Ố I



Thôi anh về đi anh,
Tìm nhau chi cho khổ
Cuộc đời như năm mộng
Còn đâu nữa ngày xanh !
Thôi anh về đi anh
Vì đời anh còn đẹp
Vào làm chi ngõ hẹp
Đường tăm tối quanh co.
Thôi anh đừng hẹn hò
Một cuộc tình lạnh ngụi
Thôi anh đừng đeo đuổi
Một ảo ảnh xa-xôi
Khi lòng người giả-dối,
Còn gì nữa, than ôi !
Đời em nay hết rồi
Không như ngày xưa cũ
Thôi anh đừng ấp-ủ
Một hình bóng mong manh,
Đã tan-tành đồ vớ
Còn đâu nữa mộng lành.
Thôi anh về đi anh
Tìm nhau chi cho khổ
Cuộc đời như năm mộng
Còn đâu nữa ngày xanh !

DIỆP-THANH-TÚ (Huế)



Sưu Tập



NGÀY 6
tháng 5
năm 1840,
chiếc tem
đầu tiên in
hình Nữ-
hoàng Vic-
toria giá 1
penny của

Anh-Quốc đã mở đầu cho sự tiến
triển nền bưu-hoa trên thế-giới.

Nhận thấy lợi ích của tem thư,
nhiều nước khác đua nhau áp-
dụng. Năm 1847, 2 chiếc tem
Mỹ in hình cổ Tổng-thống
Washington (giá 5 cent.) và hình
ông Franklin (giá 10 cent.) ra
đời. Đến năm 1849, ở Pháp,

★ NGUYỄN-ĐOÀN

sở bưu-diện đã bắt đầu bán ra
các loại tem thư cho công chúng.

Sự tiến-triển của bưu-hoa mỗi
ngày mỗi tăng lên. Các nước trên
thế-giới càng ngày như càng gần
nhau hơn. Đồng thời một thú
giải-trí của nhiều người được
xuất hiện : đó là việc sưu tập
những tem thư đã dùng rồi. Môn
giải-trí này cũng phát sinh ra ở
Anh-quốc. Theo với tem thư,
việc sưu-tầm tem cũng sinh sôi
nảy nở mạnh, lan dần sang nhiều
quốc gia khác.

Ngày nay
đâu đâu cũng
có các nhà sưu
tập. Từ miền
Alaska giá lạnh
đến chốn rừng
già của đất



SƯU TẬP BƯU HOA

Phi - Châu, ta cũng có thể tìm
thấy được những người say-mê
thích thú sưu tập tem.

Theo một số thống kê gần đây,
ở Pháp có lối 12 triệu nhà sưu
tập, ở Mỹ vào khoảng 60 triệu
người. Riêng V.N. thì chưa có
ai thống-kê. Con số chắc cũng
không nhỏ. Thỉnh thoảng qua
báo chí, chúng ta thường nghe
nói đến những cuộc bán đấu giá
những bộ tem sưu tập, hay những
tem quý, trị giá từ vài trăm ngàn
đồng đến vài triệu đồng V.N.
Nói đến những nhà sưu tập bưu-
hoa quốc-tế, ta không thể nào
quên được những vị sau đây :
như cố tổng thống Hoa - kỳ
Franklin. Roosevelt, phế - đế
Ai-cập Farouk, bá tước Philippe
de Ferrari. Các bộ sưu tập của các
vị trên trị giá ngày nay hàng tỷ
bạc V.N.

Thú giải trí này không phải
là dành cho các nhà tỷ phú hay
triệu phú không thôi, mà cho tất
cả các bạn, không phân biệt giàu
nghèo, tôn giáo, chủng-tộc, miễn
là có ý thích, say mê về tem.

Nhiều người nghe đến những
số tiền to, nên hăm hở sưu tầm
tem với hy-vọng sau này sẽ trở
thành giàu có, nhờ những tem

quý hiếm. (Như tem Victoria
phát hành năm 1840 tại Anh, giá
lúc bấy giờ là 1 penny, nhưng
ngày nay trị giá trên 2 triệu đồng
mỗi chiếc ; chiếc tem đầu tiên của
đảo Guinea trị giá hiện giờ trên
4 triệu đồng...)

Tuy nhiên đó là những trường
hợp đặc biệt. Hàng ngàn hàng
vạn người sưu tập tem, chỉ mới
có 1 hay hai người được may
mắn gặp tem quý. Đầu phải ai
cũng sưu tập tem rồi sau trở nên
giàu được cả. Mục đích của sự
sưu-tập tem không phải là
làm giàu, mà chính là để
được giải trí trước nhất, và trong
sự giải trí đó lại được dịp học hỏi
mở mang kiến thức của mình. Đó
mới là điều quan trọng, có thể nói
là điều tâm niệm của các nhà sưu
tập.

Ngày trước, khi tem được in
ra, ai ai cũng biết đến tem qua một
ý nghĩa thông thường : trả bưu-
phí cho việc gửi thư từ. Nhưng
dần-dần xuất-hiện ra thú tiêu-khiến
"chơi Tem" «làm collection Tem»
và Tem thư bắt đầu đóng vai trò
đặc-sứ thông-tin mang nền văn hoá
lịch sử, những tin tức liên hệ của
quốc gia này đến quốc gia khác.

Nhiều nhà triệu phú bỏ tiền

sang Phi-Châu sản bản, được nhìn thấy nhiều sinh vật lạ lùng của đất Phi-Châu. Bạn không có điều kiện để được thưởng thức tận nơi, song bưu-hoa của các quốc-gia trên thế giới cũng đã làm thỏa mãn bạn. Từ những vật nhỏ xíu như con kiến, con ong, con dế, con bọ hung đến các loại thú dữ như hổ, báo, sư tử, voi, đều được trình bày qua tem thư. Ở ngoại quốc có nhiều hiệu buôn tem sẵn sàng làm vừa lòng các bạn ngay. Họ lựa ra từng loại bạn ưa thích: loại tem về sinh vật, về tiến bộ của hàng không, các vị tổng-thống... Họ để sẵn trong các bao nhỏ từ 50 đến 100 chiếc mỗi loại.

Những danh lam thắng cảnh cũng được trình bày qua tem thư. Nước Mỹ hãnh diện về những tem in hình tượng thần Tự Do, nước Pháp với những khung cảnh thơ mộng với tháp Eiffel. Nước Việt chúng ta cũng đã góp mặt cùng các bậc đàn anh. Năm 1951 sau khi thu lại chủ quyền, Sở Bưu Điện Việt-Nam phát hành nhiều loại tem trưng-bày các thắng cảnh của Việt Nam.

Đó là loại tem in hình Hồ Hoàn-Kiểm của đất Ngàn Năm Văn vật; in hình Huế, chốn Thần

kinh với khung cảnh trầm lặng của núi Ngự sông Hương; in hình Đà-Lạt với thác Gougah, tượng-trưng cho một nơi nghỉ mát tốt nhất nước Việt, và đền kỷ niệm ở Saigon, v.v...

Ngày 7-7-1957, nha Bưu Điện phát hành loại tem Cao Nguyên với 3 chiếc tem in hình một mái nhà của đồng bào Thượng và 2 chiếc tem in hình đàn Voi. Ngày 16-2-59 loại tem in hình Viện Bảo Tàng Saigon ra đời.

Ngày 7-9-59 loại tem in hình Dinh Độc-lập được phát hành với mục đích giới thiệu cùng các quốc gia bạn vừa kỷ niệm lần thứ 5, ngày Dinh Độc-lập được trao trả về Việt-Nam.

Qua mấy loại tem trên, nha Bưu Điện V.N. đã giới thiệu cùng các nhà sưu tập ở thế giới biết những danh lam thắng cảnh của đất Việt. Những việc xảy ra trên thế giới, những biến cố, hay tiến bộ về khoa-học cũng được đề-cao qua các loại tem thư để truyền đạt đến nhiều người trên thế giới. Cho nên số người thích sưu tập tem càng ngày càng đông lên. Điều này chứng tỏ tình thần hiếu học của con người — hiếu học ngay trong khi giải trí. Thú sưu tập bưu hoa quả là một thú giải trí có ích lợi.

NGỌC - HÂN

CÔNG CHÚA

vợ của Vua QUANG-TRUNG

sau còn làm vợ

Vua GIA-LONG nữa sao ?

* NGUYỄN TRIỆU

TRONG tạp chí «Bách-Khoa số 99, ra ngày 15-2-1961 có bài về «Lăng hoàng-đế Quang-Trung» tác-giả, ông Nguyễn-thiệu-Lâu, có viết như sau đây :

Ngọc-Hân Công-chúa, con gái vua Lê và là Hoàng-hậu hay quý-phí của Hoàng-đế Quang-Trung được tha tội chết và tuyên vào hầu hạ Hoàng-đế Gia-long ở trong cung.



Vua GIA-LONG

Các bạn đọc quốc-sử tất đã thừa rõ một danh-nhân trong nữ giới về cuối Lê : Ngọc - Hân Công-chúa, con gái vua Hiến-tôn, vợ vua Quang-Trung.

Về văn-học, bà bả đáng vào bậc tài-nữ, nhất là văn quốc-âm lại có đặc-sắc lắm, coi bài văn-tế khóc vua Quang-Trung, các báo đã lục đăng, xiết bao tình-nghĩa, cảm-khái lâm-li, thực là một áng văn có giá-trị đáng ghi vào văn-học-sử nước nhà.

Má hồng dù xương trắng danh thơm còn ghi lại sử xanh, nhưng có một điều rất quan-hệ, người sau không chịu lưu-tâm xem xét, trong chỗ vô tình, đã buộc cho Bà một cái ô-danh : « *Nhất kính chiếu lương Vương* » nghĩa là một tấm gương chiếu hai vua, người ta bảo sau khi vua Quang-Trung thăng-hà, nhà Tây - Sơn mất, bà lại về châu vua Gia-long.

Về điều «vu-hãm» này trong các chính-sử hay giả-sử không thấy ở đâu nói đến, chỉ là câu nói miệng, không biết từ ai bịa ra và mọc ra từ lúc nào ? rồi kể nói người nghe, cũng tin là có thực, chẳng những bọn vô học tầm thường, đến cả các bạn sĩ-phu cũng nghe sao tin thế, cho

cũng như truyện « *Nhất kính chiếu tam Vương* », nói về bà Lê-phỉ đời nhà Lê. Rồi cũng đặt bút viết thêm vào tiểu-sử của bà.

Khi tôi mới được nghe câu ấy, lòng riêng không khỏi hoài-nghi, vì một vị vua như Gia - long không bao giờ lại làm một điều lụy đến thịnh-đức như thế.

Sau nữa, ta cũng nên xét đến nhân-phẩm của bà Ngọc-Hân. Là một người có tài học, có kiến-thức dầu đã được sinh - trưởng vào nơi lá ngọc cành vàng, nhưng gặp hồi quốc-biến, phải ở vào một cảnh-ngộ bao xiết nỗi chua cay, có lẽ trong lòng bà lúc nào cũng mang một nỗi oán hờn, đã nếm chán những nỗi đắng cay chua chát ở trong đó rồi còn há hê gì mà còn lại bước vào tròng nữa. Phương chi lại là kẻ thù của bạn tình thâm, còn mặt nào lại thờ cho được.

Các bạn nếu đã đọc qua bài văn tế của bà khóc vua Quang - Trung thì có thể chứng tỏ lòng đau đớn của người đã thâm-tình không khi nào lại chịu thất-tiết, này đây nghe lại mấy câu :

*Hang sâu vang tiếng thương bi,
Kẻ sơ còn thể hướng gì
người thân.*

*Cảnh tình ấy bao phen chua chát,
Mạch sầu tuôn ai tát cho vơi,
Càng trông càng một xa vơi,
Tấm lòng thăm thiết chín trời
biết chẳng.*

*Chữ tình cảnh trời cao đất rộng,
Nỗi đoạn trường càng sống càng
đau.....*

Mấy điều kể trên là xét về lẽ phải, về tâm-lý, sau đây tôi lấy ngay một sự thực, có thể tin là xác đáng để chứng điều « *nhất kính chiếu lương vương* » kẻ vô tình hay hữu ý vu-hãm cho bà.



Cùng vì một sự tình cờ, có một lần chúng tôi đi xem hội Lim trên Bắc Ninh, ghé chơi làng Phú - Ninh phủ Từ-Sơn, quê-hương bà NGUYỄN-THỊ-HUYỀN tức CHIÊU - NGHI HOÀNG - THÁI-HẬU vợ vua LÊ-HIẾN TÔN, và là mẹ đẻ bà Ngọc-Hân Công chúa, được mấy cụ kỳ-lão kể cho nghe tiểu-sử Bà Chiêu-Nghi. Do đó, cũng có nói về thân-thể Bà Ngọc-Hân... Thì ra, sau khi nhà Tây-Sơn mất, bà NGỌC-HÂN đem 2 con về ẩn trốn một nơi trong tỉnh Quảng-Nam, người con trai đổi tên là TRẦN-VĂN -

ĐỨC, con gái là TRẦN-THỊ NGỌC-BẢO, còn chính bà cũng trá xưng là vợ goá của một người lái buôn ở Bắc, gặp loạn, chồng bị giết, không nơi trông cậy mẹ con phải bơ vơ... Nhưng không được bao lâu, chân-tướng của mấy mẹ con bà bị bại-lộ, bị bắt giải tỉnh rồi điệu về Triều-Đình, bị « tam ban triều điển » xử-tử cả. Bấy giờ bà mới 30 tuổi, Ngọc-Bảo 13 tuổi, và Đức 10 tuổi.

Chẳng những thế, sau khi ba mẹ con bà đã bị giết, bà Chiêu - Nghi cho người đi lấy thi-thể con cháu về chôn ở làng và lập đền thờ. Vài năm sau, vì sự ghen-ghét nhau của bọn cường-hào trong làng cáo-giác nhau với triều-đình là công nhiên xây lăng và đền thờ « *ngụy hậu* » (chỉ bà Ngọc-Hân, vợ vua Quang-Trung nhà Tây - Sơn, nên gọi là *ngụy*) rồi triều - đình giáng-chỉ trị tội những kẻ cường-hào đã làm việc ấy.. và phá hủy đền, đào lăng lấy xương ba mẹ con bà Ngọc-Hân quăng xuống sông.

Xét xem sự-thực kể trên, thì bà Ngọc-Hân quả đã giữ toàn được tiết trong giá sạch rõ ràng là một vị liệt-phụ xứng đôi với vị cái thể anh-hùng, bỗng đâu bị lời vu-

hăm, tuổi vàng bà có biết cũng phải chau mày nghiêng rặng.

Nghưng xét câu chuyện « nhất kính chiếu lưỡng vương » cũng không phải là không có, họ đã đem buộc vào bà Ngọc-Hân, chỉ vì một người đàn bà, cũng cùng một cảnh-ngộ như bà lại cùng ở làng Phù-Ninh nên mới dễ khiến cho người nhận lầm.

Nguyên cũng hồi đó, họ Nguyễn làng Phù-Ninh cũng có một người con gái có nhan sắc xinh đẹp, tên là NGUYỄN-THỊ NGỌC BÌNH được kén vào làm cung-nữ vua Cảnh-Thịnh (con vua Quang-Trung) mới được vài năm, nhà Tây-sơn mất bà Ngọc-Bình trốn về làng cất tổ đi tu, dầu đã đem thân ẩn chốn âm-mây nhưng cái nhan sắc của Bà vẫn có tiếng đồn đi khắp

nơi. Một vị quan đại - thần liền dụ Bà đem tiến cho vua Gia-long nói là bà Ngọc-Bình có quý-tướng : trong mình tự có mùi thơm, không hề hương hoa phấn sáp mà đứng đâu người chung quanh cũng thấy có thoang-thoảng mùi thơm mát dịu...

«Nhất kính chiếu lưỡng Vương» sự thực là thế, Ngọc-Hân với Ngọc-Bình giống nhau một chữ, làm cho người đời sau vụng xét, người trước mang oan, thật đáng cười và cũng đáng giận.

Không hiểu giáo-sư N. T. L. căn-cứ sử-liệu nào đã giảng : Ngọc-Hân công-chúa con gái vua Lê và là Hoàng-hậu hay quý-phi của Quang-Trung được tha tội chết và được tuyển vào hầu Hoàng-đế Gia-long ở trong cung?



Hôm ông Winston Churchill ăn mừng lễ sinh-nhật 82 tuổi, một người thợ nhiếp ảnh còn trẻ nhưng coi bộ ốm yếu, hãnh diện nói với ông :

—Thưa Cụ, cháu mong rằng cháu sẽ được vinh dự chụp hình cho Cụ mừng Cụ ăn mừng 100 tuổi.

Ông Churchill cười hóm hỉnh bảo :

— Chỉ sợ cậu không sống được đến chừng đó thôi !

B.T.

12.— Những NGƯỜI YÊU của

NAPOLÉON



I
DÉSIRÉE
CLARY



(Tiếp theo P.T. 55)



NAPOLEON

liệt-hôn với
Joséphine
vì ái tình,
nhưng cũng
vì tham vọng.

Địa-vị của Joséphine, một quý-
phụ giàu-sang ở Thủ-đô, với sắc
đẹp lộng lẫy và quý-phái, quyn-
rủ Napoleon hơn là một cô gái ở
tỉnh, dẫu cô này hiền-lành chắt-
phác hơn. Viên Thiếu-tướng trẻ
tuổi, đang mơ chuyện cao xa,
hy vọng nhờ Joséphine vận-động
với vị Chủ-tịch Chính-phủ Cách
mạng, Barras, bạn thân của nàng,
để cho chàng được lên Trung-
tướng tư-lệnh bộ đội viễn-chinh
Pháp sang đánh giặc ở Italie.
Và chàng được toại nguyện.

Nghe tin Napoleon đã thành-
hôn với Joséphine, Désirée Cla-
ry gởi cho người vị-hôn-phu
bạc-tình một bức thư ngầy-thơ
sau đây :

« Anh đã cưới vợ rồi thật ư ?
Thôi thế là Désirée đau-khổ này
không còn hy-vọng gì được yêu anh
nữa, được nhớ anh nữa ! Từ nay,
em chỉ còn một chút an-ủi, là biết
rằng anh sẽ tin chắc nơi mỗi tình
chung-thủy của em : chung-thủy với
anh, rồi chết ! Em sẽ cho anh thấy

rằng em sẽ trung-thành mãi với lời
thề-nguyên... Giữa lúc anh đang
tận-hưởng hạnh-phúc, em mong rằng
anh đừng quên Désirée... Anh nên
thương-hại cho số phận của nó... »

Được thư này, Napoleon
thành - thực hối - hận và đau
xót lắm. Ông biết rằng Désirée
vẫn yêu ông tha-thiết, nhưng vì
hoàn-cảnh chính-trị, khiến ông
chọn lựa Joséphine, ông đành
chịu vậy, không thể trở lại với
người yêu cũ. Nhưng ông quyết
thể nào cũng tìm cách nâng-đỡ
Désirée. Ông tự hứa sẽ xây dựng
cho Désirée một tương-lai rực-
rỡ, sẽ đưa nàng lên một địa-vị
xứng-đáng, sẽ giới-thiệu nàng cho
một vị Tướng sĩ có danh-vọng.
Ông liền sắp đặt gả Désirée cho
Thiếu-tướng Duphot, trẻ tuổi,
đẹp trai, chỉ-huy dưới quyền của
ông. Hai bên đã ưng-thuận nhau
rồi. Désirée sắp-sửa làm lễ thành
hôn với vị-hôn-phu mới, thì,
rủi thay cho số phận của nàng,
Duphot bị tử trận ngày 28.12.
1797 !

Désirée khóc suốt mấy tháng.
bỏ ăn bỏ ngủ !

Lúc bấy giờ, nhờ có Napo-
léon mà anh ruột của ông, là
Joseph Bonaparte, được làm
Đại-sứ Pháp ở Tòa-thánh Roma
(La-Mã) bên cạnh Giáo-Hoàng
Pie VI. Vợ của Joseph, Julie
Clary, là chị ruột của Désirée.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LÒNG DANH

Ở nhà anh rể và chị ruột, Dési-
rée được an-ủi, vỗ-về, và làm
quen với nhiều nhân-vật thân-
cận của Tòa Đại-sứ. Joseph
giới-thiệu với cô em vợ (đáng lẽ
cũng là em dâu !) một viên
Thiếu-tướng khác, bạn thân của
ông, là Bernadotte.

Thiếu-tướng Bernadotte lớn
hơn Napoleon 5 tuổi, trước kia
ở dưới quyền của Napoleon, sau
làm Đại sứ Pháp ở Vienne.
Bernadotte nổi tiếng là một vị
Võ-quan cương-quyết và cứng-
rắn, thường chống-chọi Napo-
léon. Désirée chưa được quen
biết Bernadotte nhiều, nhưng
đang lúc buồn rầu thất-vọng,
được anh rể và chị giới thiệu
là nàng nhận lời ngay. Hôn lễ
cử hành ngày 17-8-1798 tại
Paris, do Joseph là anh của
Napoleon, và Lucien là em, làm
chứng. Được tin này, Napoleon
hối-tiếc chứ không vui mừng,
vì bấy giờ ông mới nhận thấy
Joséphine có tính nết lẳng-lơ,
không đứng-đắn chân-thật bằng
Désirée Clary. Ghen và buồn,
Ông chỉ gởi về Joseph một câu
chúc mừng cho Désirée ngắn-
ngủn như sau : « Tôi chúc Dési-
rée có hạnh-phúc với Bernadot-
te. » Désirée, hiểu ngầm rằng Na-

poléon vẫn còn yêu mình.

Napoléon lên chức Đại-tướng,
với những chiến-công oanh-liệt
ở Italie, ở Egypte... Cả Âu-
Châu, Phi-châu, Cận-đông, đã bắt
đầu ghê sợ vị anh hùng của Cách-
mạnh Pháp, đem quân đến đâu
là thắng đến đó, và thắng những
trận oai hùng nhất của Lịch-sử.

Bernadotte ganh ghét bậc anh
tài được lòng danh bốn bể, và
tìm cách làm hại Napoleon, nhưng
Désirée Clary, cô vợ trẻ, đẹp,
ngoan-ngoãn của ông, dùng lời
lệ-dụ-hiến khuyên-lơn và can-
gián, không cho ông hành-động
một điều gì có thể cản trở sự-
nghiệp và thanh-danh của người
yêu-cũ. Ở Egypte về, Napoleon
gây cuộc đảo-chính, rồi được
tôn lên ngôi Hoàng-đế nước
Pháp. Bernadotte căm giận hết
sức, nhưng nghe lời vợ, ông
cũng không phản-đối, để mặc
Napoleon tha hồ làm mưa làm
gió, rung động cả các ngai vàng
Âu-châu.

Một năm sau lễ thành-hôn,
Désirée sinh được con trai.
Chiều theo ý vợ, Bernadotte xin
Napoleon làm cha đỡ đầu cho đứa
nhỏ. Napoleon vui-về nhận lời
ngay, và đặt tên cho con trai đầu



BERNADOTTE

lòng của Désirée là Oscar, lấy tên một nhân-vật của Thi-sĩ Ossian mà Napoléon mến phục. Hơn nữa, lên ngôi Hoàng-đế xong, Napoléon liền tặng cho vợ chồng Bernadotte (nói tặng cho Désirée thì đúng hơn!) một lâu đài tráng-lệ đáng giá 400.000

quan, và thăng chức Bernadotte lên làm Thống-chế.

Désirée Clary sung-sướng và hân-hiến được Napoléon cất nhắc, từ một cô hàng vải ở tỉnh lên làm bà Thống-chế ở Thủ-dô, và được Hoàng-đế luôn luôn săn sóc đến. Tuy vậy, Désirée không thích ra vào Cung điện của Napoléon vì nàng vẫn ghen ghét Hoàng-hậu Joséphine. Hễ ai nhắc đến tên Joséphine, thì Désirée bĩu môi, nói: « Cái-con-mẹ già ấy chỉ làm khổ Hoàng-đế! »

Năm 1805, Thống-chế Bernadotte được lệnh chỉ huy một quân đoàn ở Austerlitz. Chiến-công của Bernadotte không được rực-rỡ lắm, nhưng Napoléon cũng ban thưởng ông, và tặng ông chức Hoàng-tước Vương-quốc Ponte Corvo.

Năm 1810, Hoàng đế Napoléon ký sắc-lệnh bổ Thống-chế Bernadotte làm Phó Vương ở Rome, với lương tháng hai triệu Pháp-kim. Bernadotte sắp sửa cùng vợ đi nhậm chức mới thì có một việc lạ lùng xảy ra

Vua Charles XIII nước Suède (Bắc-Âu) già sắp chết, không có con trai nối ngôi, gửi thư xin Napoléon Hoàng-đế cho ông

một người kế vị. Quốc Hội Suède cũng đồng thanh gọi lời cầu khẩn ấy. Napoléon liền cử Bernadotte lên ngôi Vua Suède. Trong thâm tâm của ông, ông muốn cho Désirée Clary, người yêu cũ, được chức Hoàng-hậu. Thế là ngày 20-5-1810, nhờ uy-quyền của Napoléon, Bernadotte được Quốc-Hội Suède chính-thức tôn lên ngôi Quốc-Vương, kế vị Vua Charles XIII, và Désirée Clary làm Hoàng-hậu nước Suède.

Tiền Bernadotte và Désirée ra đi, Napoléon còn tặng cho hai vợ chồng một triệu Pháp-kim, và phong chức tước cho người anh ruột của Désirée ở Marseille.

Désirée chỉ ở Stockholm, thủ-đô Suède, một thời gian ngắn, rồi trở về Paris. Nơi đây, Hoàng-hậu Désirée có người chị ruột là Julie, vợ của vua Joseph, cũng được Napoléon cho làm Hoàng-hậu xứ Espagne.

Désirée chỉ thích ở Paris, ăn chơi thỏa thích. Mãi đến năm 1823 Hoàng-hậu mới chịu đến

Stockholm để dự lễ cưới của Thái-tử Oscar, con trai trưởng của bà. Rồi từ đó, bà ở luôn xứ Suède.

Năm 1844, Bernadotte chết. Thái-tử Oscar lên kế vị. Hoàng Thái-hậu Désirée còn sống 15 năm nữa, thọ được 80 tuổi.

Bà vẫn nhắc đến Napoléon mãi mãi, và mỗi lần bà lấy ra khoe với mọi người những bức thư tình cũ kỹ của chàng trung-úy Napoléon Bonaparte gửi cho bà ở Marseille hồi còn 18 tuổi thì đôi mắt bà sáng rực hẳn lên, nét mặt bà hồng-hào lên, bà nở nụ cười hân-hiến, cất giọng nói dè-mê:

— Tôi không bao giờ quên rằng tôi là mối tình đầu tiên của Napoléon, và mối tình trong sạch nhất của Hoàng-đế!

Vua nước Suède hiện nay là Gustave V, là cháu ba đời của Hoàng-hậu Désirée Clary và quốc vương Bernadotte, do Napoléon đặt lên ngai vàng xứ ấy, từ năm 1810.

KỲ SAU: Joséphine.

BUỒN THỜI GIAN



*Làm sao nhẩn với non sông,
Bao nhiêu thương nhớ bên lòng ngồn-ngang.*

*Làm sao giữ giở trăng vàng,
Mối sầu tha - thiết đậm ngàn xa xôi,*

*Ngập lòng tôi, ngập hồn tôi.
Nghiêng nghiêng gổt chiếc, chia phôi giọt sầu.*

*Vườn xưa, mộng cũ là đâu ?
Phồn hoa lạc bước vào sâu cõi buồn.*

*Rèm sương lồng lộng tơ buông,
Tà toi trước gió muôn muôn hoa lòng.*

*Chờ mong... tôi vẫn chờ mong...
Hững-hờ xuân rụng theo giòng thời gian.*

THANH-NGUYỄN

ĐỤC

LONG

C
H
U
Y
Ệ
N

CÁ N GÂY

N
G
Ã
N

LỊCH - SỬ

★ NGUYỄN-ĐỨC-DŨNG

SÁNG hôm ấy đường về
làng Đông - nhị rộn - rịp.
Người ta lo đón rước bà Tiệp-Dư
họ Trần ở phủ chúa Trịnh về
thăm quê.

Mấy tên chức việc trong làng
lăm lăm con roi trong tay, chực
đét vào mông mấy anh dân chạ
chạp cà-rà khiêng trống, chiêng
đứng chực hai bên lề đường.
Quan huyện nằm cẳng đi coi sóc

việc chuẩn bị tiếp rước.

Chả mấy khi bà Tiệp-Dư họ
Trần về thăm quê, nên dân chúng
nô nức đi xem đông lắm.

Nửa buổi, mặt trời lên ngang
mang tai, ánh nắng rất như tát
vào mặt người xem hội, xa xa cò
xí hiện ra đặc cả quảng đường.

Bà Tiệp - Dư đã về gần đến l

*

Bà Tiệp-Dư ngồi kiệu trông rất
oai vệ, đi gần đến làng thì một
giọng hát trong trẻo từ bên vườn
chè vọng ra ; giọng hát lúc trầm,
lúc bổng, nghe du-dương lạ.

Bà Tiệp - Dư dừng kiệu phán
hỏi, thì một tên chức việc thưa :

— Bẩm lệnh - bà : ấy là tiếng
hát của cô Huệ, con gái nhà họ
Đặng đang hái chè, trên đồi.

Bà Tiệp - Dư cho đòi đến hỏi. Một người con gái áo vải đến quỳ mọp thưa :

— Bẩm lệnh-bà tha tội ! cha con mắc lo việc tiếp rước lệnh-bà, nên còn phải lên thăm coi vườn chè. Không hay lệnh-bà đi tới..

Bà Tiệp-Dư cho nàng đứng dậy, khi nhìn kỹ dung nhan người con gái, bà bảo kẻ tả hữu :

— Người con gái này đẹp, có tướng tốt lắm, nhà họ Đặng thật có phước.

Bà ngắm nghía một lát rồi quay sang hỏi thị-Huệ:

— Con muốn theo ta về kinh hầu hạ ta không ?

Thị Huệ cúi đầu :

— Bẩm, lệnh-bà thương, con đâu dám từ, nhưng ngặt vì con còn cha già không ai phụng dưỡng.

— Được, ta sẽ nói chuyện với cha con.

Rồi lệnh-bà truyền cho kiệu đi thẳng. Đoàn tùy-tùng bấy giờ có thêm thị-Huệ khép nép cắp rổ chè theo sau.

Theo lệnh bà Tiệp - Dư, ông thân sinh thị-Huệ phải bằng lòng để con mình vào kinh hầu hạ bà. Nhà họ Đặng tuy nghèo nhưng vốn là nền nếp nho - phong, mẹ thị-Huệ mất sớm, ông chỉ có mỗi

một đứa con gái, lần sau cũng rớt thi hương, ông quay về an phận dạy dỗ con gái ở nhà. Thấy con tính tình mỗi ngày mỗi khác ; càng lớn thị-Huệ càng đẹp, yếu điệu, nét na. Ông mỉm cười chờ đợi tương lai của con gái sẽ ra sao thì hôm nay ông phải gượng gạo lay bà Tiệp-Dư tiễn thị-Huệ lên đường về kinh.

Còn thị-Huệ, nàng cũng lay cha, kín đáo kéo vạt áo dài lau nước mắt ra đi.

Ông thân sinh thị-Huệ khi tiễn xong quay trở về, người trong làng chạy tới thăm ; kể cho là ông có phước, người bảo là về kinh sẽ khổ sở, chỉ có ông là thờ đại thườn thượt không nói không rằng chi cả.

Tối nay chúa Trịnh Sâm ngự giá đến thăm bà Tiệp-Dư họ Trần. Người thuộc hạ bà lo sửa soạn cuộc nghênh đón. Trời mới sẩm tối mà đèn lồng đã rực rỡ từ cổng đi vào dinh. Cỏ hoa như cũng muốn vui vẻ chào đón Chúa.

Xong tiệc trà, bà muốn làm vui lòng Chúa nên truyền vũ - nữ múa đề Chúa ngự lãm. Mười mấy vũ-nữ thướt tha theo nhịp kèn như rồng bay phượng múa trước mắt

chúa Trịnh - Sâm.

Dứt nhịp kèn, từ người một từ từ đi qua trước ánh đèn Chúa ban thưởng. Đến lượt một vũ-nữ kia đi qua, Chúa cho dừng lại và nhìn rất lâu vào người này rồi truyền ban thưởng rất hậu.

Chúa Trịnh tươi cười quay sang bà Tiệp-Dư :

— Ái Khanh vui lòng đề...

Chúa cười ha hả, bà Tiệp-Dư cúi đầu : Dạ !

Chúa Trịnh-Sâm truyền lui giá và cho luôn người vũ-nữ kia theo kiệu, bây giờ đến lượt bà Tiệp-Dư họ Trần thờ dài, vì người vũ-nữ ấy chính là Đặng-thị-Huệ.

Chúa Trịnh-Sâm say mê thị-Huệ, vì ngoài sắc đẹp lộng-lẫy ra nàng còn biết nuông chiều Chúa. Cô gái áo vải vườn chè năm nào nay đã nghiêng nghiêng thành bà quý phi trong phủ Chúa.

Một năm sau, nàng sinh con trai đặt tên là Trịnh Cán. Lúc bấy giờ thái-tử Trịnh-Tông đã xa ở đông cung rồi. Từ ấy thị-Huệ dùng tất cả khôn-ngoa của mình để xen vào việc triều đình. Ngoài thì lo kết phe đảng với Quận Huy, Hoàng-dinh-Bảo, trong thì xui Trịnh-Sâm làm việc này việc nọ, đem pha Trịnh-Tông, cốt ý

muốn con mình sau này sẽ giữ ngôi chúa.

Chúa Trịnh càng ngày càng già, lại nghe lời thị-Huệ cũng muốn cho Trịnh - Cán nối ngôi chúa nên tìm cách ghét bỏ Trịnh-Tông.

Chúa lâm bệnh, càng ngày càng yếu, cả triều thần lo lắng. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, chúa Trịnh bồng Trịnh Cán giao cho Quận Huy đề nhờ Quận Huy phò lên ngôi Chúa.

Chúa Trịnh qua đời ! Một mặt thị-Huệ lo phát tang, một mặt cùng quận Huy phò Trịnh Cán lên ngôi.

Lúc bấy giờ gần kinh thành, cứ mỗi chiều, lũ mục đồng ngồi ngao nghể trên lưng trâu về thôn và cùng cất tiếng hát :

Đục còn thì giữ lấy tông,

Đục long, cán gây còn mong nối
gi

Bấy giờ Cán còn nhỏ, mọi việc triều chính đều do mẹ và quận Huy trông coi. Dần dần Huy chuyên quyền, các quan sẵn bất bình việc bỏ con cả lập con thứ nên theo về cả phe Trịnh-Tông. Tự nhiên, Đặng-thị-Huệ và quận công Huy bị cô lập.

Quận-Huy ra vào phủ chúa, lâu lại thông dâm với thị-Huệ nên triều thần lại không phục và ra sức chống đối.

✱

Một đêm hè oi-bức, Quận Huy đang mơ màng trên lầu thì có tiếng quân reo hò và lửa cháy ở phía đông kinh thành. Huy liền xách gươm chạy ra thì bốn phía kiêu binh nổi dậy bao phủ thành trì.

Cuộc đảo chính đã được sắp đặt từ lâu mà quận Huy vì hồng hách, kêu căng chẳng để phòng chi cả.

Bốn phía quân reo hò, kéo đến phủ chúa bắt Trịnh Cán giam vào

ngục rồi kéo đến bao vây dinh quận Huy. Huy biết không chống cự nổi nên từ trên lầu nhảy xuống tự vận.

Quân lính phò Trịnh Tông lên ngôi (tức là chúa Trịnh Khải), thị Huệ may thoát được ra ngoài thành. Nàng gặp cha nàng đến thăm, thị Huệ không tiếp, bảo cha hãy quay về, rồi mỉm cười tự hủy hoại thân thể mình.

Chao ôi ! Sắc đẹp của người con gái vườn chè đã làm khuynh đảo cả triều-đình chúa Trịnh và làm đầu dây mối nhợ cho loạn kiêu-binh sau này.



✱ Chánh sách lòng-khùng

Năm 1957, tình-hình ở Cận-đông rất trầm-trọng. Do-Thái kéo quân sang đánh Ai-cập. Anh và Pháp cũng đồ-bộ trên đất Ai-cập. Nga đe-dọa nhảy vào vòng chiến. Lúc bấy giờ, Bộ Quốc-phòng Mỹ đánh điện-tín tối-mật cho viên Tư-lệnh chỉ huy Hạm đội Mỹ ở Địa trung hải, bảo phải sẵn sàng để đánh. Viên Tư lệnh gửi điện-tín trả lời : « Đã sẵn-sàng, nhưng đánh ai ? »

Vì lúc bấy giờ Mỹ lòng-khùng, hăm dọa cả Do-Thái, cả Ai-cập, Anh, Pháp, Nga, không biết ai là kẻ thù của mình !

Tại sao QUÂN-CHỦ ANH còn vững bền mãi đền THẾ KỶ 20 ?

✱ DERMOT MORRAH
(LONDON)



Đ ! A vị và chức vụ của Nữ-Hoàng Elizabeth II trong mỗi quốc gia trong Liên-Hiệp Anh tùy thuộc nơi lòng ngưỡng mộ của dân chúng các quốc gia ấy và biến đổi sắc thái tùy quan niệm từng quốc gia. Tuy thế không thể nào hiểu được địa vị và chức vụ của ngài nếu không căn cứ vào ý nghĩa nền quân chủ đã nảy nở tại quần đảo Anh-Quốc.

Tại Anh-Quốc, Nữ-Hoàng tiêu biểu cho đời sống của toàn quốc. Đối với dân chúng, Nữ-Hoàng và Hoàng-Tể tượng trưng cho chân thiện mỹ. Dưới mắt họ Nữ-Hoàng đại diện cho sự thịnh vượng hiện tại, những trang sử oai hùng của quá khứ và niềm hy vọng trong tương lai, vì ngài thuộc vào dòng máu của ba-mươi thế-hệ vua chúa và sau này con cháu ngài sẽ nối ngôi ngài. Lý do ấy khiến dân chúng lo cho ngài những nghi thức trọng thể mỗi khi có lễ lạc.

● Lãnh đạo đời sống của Quốc Gia.

Nữ-Hoàng không những chỉ lãnh đạo đời sống của toàn quốc gia, ngài còn dẫn đầu cho mọi khía cạnh trong cuộc sống ấy nữa. Ngài

là nguồn gốc của danh dự và công bình ; vị chỉ huy tối cao của quân lực ; người nâng đỡ khoa học kỹ thuật, thể thao, các công cuộc từ thiện và tất cả những hoạt động xứng đáng cho toàn dân. Và vị Chính-phủ là ngành hoạt động chính-trị trong cuộc sống của quốc gia, ngài đương nhiên đứng đầu chính phủ tuy rằng bộ máy nhà nước do các tổng trưởng, điều khiển — trên nguyên tắc thì những tổng trưởng là những người giúp việc cho ngài. Ngài cũng triệu tập và đứng đầu Quốc hội là viện lập pháp.

Hạ Nghị Viện của ngài do dân chúng bầu ra và ngài có bốn phận chọn các tổng trưởng trong số các Nghị viện được viện tín nhiệm. Như vậy Nữ-Hoàng ít khi xử dụng đến quyền cá nhân tự quyết — mặc dù lúc nào ngài cũng được thỉnh cầu tham gia ý kiến, có quyền khích lệ hoặc khuyến cáo các tổng trưởng. Nhưng những người cầm quyền lực thật sự trong tay phải cung kính ngài. Như thế họ luôn luôn được nhắc nhở rằng bản chất của quyền lực không phải có khả năng vô giới hạn, mà phải phụ thuộc vào cuộc sống của toàn dân mà ngài là người đại diện.

● Liên hệ cá nhân

Cái quan niệm hoàng-gia đại diện toàn dân mà chức vụ trong bộ máy chính quyền chỉ là một phần nhỏ, được các công dân Anh mang đi truyền bá trong lúc họ di cư qua những xứ cách sông cách bể trong mấy thế kỷ vừa qua ; và trong những quốc gia mới mà dân Anh — xưa kia hay ngày nay — chiếm đa số cái quan niệm ấy còn giữ nguyên những nét đại cương. Trong mỗi quốc gia ấy, chức vụ chính thức của hoàng gia đặt vào tay vị Toàn Quyền, đại diện cho cá nhân Nữ-Hoàng. Việc chỉ định vị Toàn quyền này phải tùy thuộc vào ý kiến chính phủ sở tại. Nhưng vị Toàn Quyền không dính dấp gì đến sự trung thành gần như thiêng liêng mà dân chúng của quốc gia ấy chỉ dành riêng cho Nữ-Hoàng mà thôi. Và chính khi dâng sự trung thành của họ lên Nữ-Hoàng, chứ không phải vị đại diện của ngài, dân chúng mới cảm thấy họ phát biểu được dân tộc tính của họ.

Mỗi khi Nữ-Hoàng có dịp thăm viếng Gia-Nã-Đại, Úc-Đại-Lợi, hay Tân-Tây-Lan, ngài tự nhiên giữ chức vụ đại diện xã-hội của Ngài trong cuộc sống của dân chúng nước ấy chẳng khác gì Ngài giữ địa vị đó tại Anh-Quốc vậy.

Trong những cuộc viếng thăm như vậy, thường thường vị Toàn Quyền rút lui vào hàng thứ yếu sau khi chào mừng Nữ-Hoàng xong và chính Ngài chiếm chỗ của vị Toàn Quyền trực-tiếp tiếp xúc với các tổng trưởng tại nước ấy. Trong lúc Nữ-Hoàng du lịch vòng quanh thế giới năm 1953 — 1954, các chính phủ Gia-Nã-Đại, Úc-Đại-Lợi và Tân-Tây-Lan xếp đặt triệu tập một khoá họp mới của Quốc hội nhân khi Nữ-Hoàng đến viếng để Ngài có dịp ngự lên ngôi khai mạc khoá họp theo đúng nghi thức cổ truyền tại điện Westminster, với một diễn văn phác qua đường lối chủ trương của chính phủ. Trong mỗi dịp lễ Quốc-Khánh cho một quốc gia trong Liên-Hiệp Anh mới dành quyền độc lập Nữ-Hoàng đôi khi cử một nhân vật trong hoàng tộc có huyết hệ gần nhất với ngài để đại diện Ngài khai mạc phiên nhóm đầu tiên của Nghị Viện nước ấy.

● Những sự biến cải mới

Năm 1949, một sự biến đổi mới xảy ra trong khối Liên-Hiệp Anh khi Ấn-độ trở thành một nước cộng hoà độc lập và được

nhận làm một hội viên trong Khối Liên Hiệp. Hồi Quốc và Ghana nay đã thành hai nước cộng hoà nằm trong khối Liên Hiệp. Mã Lai, một nước quân chủ riêng biệt, vẫn phụ thuộc vào khối Liên-Hiệp, Quần đảo Chypre, nay đã là một nước cộng-hòa độc-lập, vừa rồi cũng đã xin gia-nhập vào khối Liên Hiệp Anh.

Các nước trên đây hoặc đã hoặc sẽ được miễn cho sự bó buộc trung thành thiêng liêng đối với hoàng gia với sự đồng ý hoàn toàn của các hội viên quân chủ trong khối Liên-Hiệp vì các hội viên này hiểu và tôn trọng quan niệm của dân chúng các nước ấy. Vì không phải gốc người Anh,

dân các nước ấy không thể nào quan niệm Nữ-Hoàng là hiện thân của ý nghĩa quốc gia của họ như dân Anh được. Trong một nước cộng hòa, Nữ-Hoàng không phải là Quốc Trưởng, cũng không phải là một phần tử của gia đình quốc gia được; ngài không đứng đầu và cũng không phải là một thành phần của chính phủ.

Mặc dù thế, các nước ấy đã yêu-cầu được nhận làm hội viên của khối Liên-Hiệp Anh, và tham dự vào các vụ thương nghị với các nước nhìn nhận Nữ-Hoàng là Quốc-Trưởng. Trong mỗi nước ấy ngài mang nhiều chức vụ khác ngoài chức vụ «Trưởng Khối Liên Hiệp Anh».



★ Hình ảnh ngây thơ...

Lạ hội Huệ :

— Sao anh Thanh đã đính-hôn với chị, rồi lại cưới vợ khác?

— Anh ấy bảo vì anh ấy muốn giữ mãi mãi nơi em hình ảnh một người yêu còn ngây thơ trong-trắng...

★ Bộ ngực của Marilyn Monroe

Trong quyển Hồi-ký của Marilyn Monroe, có một đoạn, Ngôi sao màn bạc Mỹ kể như sau đây, lúc nàng còn đi học :

• Một hôm tôi chỉ mặc áo len để đi học. Đến trường, ai nấy đều trở mắt nhìn tôi y như là tôi có hai cái đầu ở trên ngực...

TUẦN,

chàng
trai
nước
Việt

1910★1960

● NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo PT số 55)

S UỐT ba tháng trời, cậu Lê-văn-Thanh không dám gặp mặt cô Nguyễn-thị-Hội. Chàng xấu-hổ vì một thanh-niên Nho-học thuộc lòng chữ-nghĩa của Thánh Hiền, đầu óc đầy những câu sách của Khổng-tử, Mạnh-Tử mà phải chịu thua một cô con gái học A, B, C...! Chàng lại tức giận vì cô Ba mới viết được chữ Quốc

DẪN-CHÚ'NG LỊCH-SỬ
VỀ XÃ-HỘI HIỆN-ĐẠI

ngữ đã « làm phách », khoe chữ Quốc-ngữ với chàng, và còn thách đố chàng nữa.

Nhưng bây giờ chàng sắp trả được mối hận, và quyết lấy cho được cô Ba Hội về làm vợ. Nếu

không lấy được cô, thì chàng sẽ « ở vậy » suốt đời. Chàng thanh niên Nho-sĩ thật không dễ chữ Quốc

ngữ học dễ quá, chỉ 3 tháng là đọc được, viết được, trả lời được bức thư của cô con gái đẹp «chim sa cá lặn» kia.

Nhưng bức thư viết rồi mà chàng không biết làm sao gởi đến tận tay người thực-nữ.

Mãi nửa tháng sau, nhân có lễ tế Thần hôm Rằm tháng Bảy rất long trọng ở Đình làng, và ban đêm có đốt pháo bông, chàng mới có cơ-hội gặp cô Nguyễn-thị-Hội.

Trước sân đình đông nghẹt những thanh niên thiếu nữ kéo đến coi «Múa Đèn» tung-búng rộn rịp. Tất cả thanh niên ở hàng

phố ngay tại tỉnh lỵ, cũng như ở các xóm thôn quê lân cận, đều mặc áo dài đen, đầu đội búi tóc và chít khăn đen, trông chàng nào cũng đạo mạo, nho-nhã. Ai nấy đều lễ phép, «dạ dạ, thưa thưa». Có nghịch ngợm chẳng nữa thì cũng chỉ lên lút nỏ đùa với nhau, dõn cợt kín đáo, không dám cười to, nói lớn.

Lê-văn-Thanh được cử vào đoàn «Lễ Sanh», là đoàn thanh niên được lựa chọn độ 12 người, mặc áo rộng xanh, đầu đội mũ chun mang hia, được hân-hạnh, tham gia nghi lễ tế Thần. Cô Nguyễn thị Hợi đứng chen trong đám các cô gái chưa chồng hoặc có chồng, và các bà già, trẻ con, say mê coi múa đèn. 12 chàng «Lễ Sanh» tay cầm đèn «bánh ú» và đèn «hoa sen» phất bằng giấy mỏng đủ màu, vừa múa vừa bước đi chậm rãi, nhẹ nhàng, theo nhịp kèn nhịp trống, với những điệu bộ ly kỳ, huyền bí, học tập từ lâu, trông rất là đẹp mắt.

Hết canh một (vào khoảng 8 giờ) thì xong lễ Múa Đèn, đến lượt đốt Pháo bông. Lê văn Thanh đã cởi lễ-phục trao trả lại làng, và được thành-thời ra ngoài đường, trước cổng đình, coi đốt pháo bông. Chàng len lỏi trong các

đám phụ nữ đứng hoặc ngồi từng nhóm, tụm năm tụm ba chung quanh đám đất trống. Chàng cố tìm cho được cô Ba Hợi. Cô đứng một mình bên gốc cây sầu-đâu trên lễ đường, tay dắt đứa em trai của cô, 6 tuổi. Lê văn Thanh nhận được bóng dáng của cô, mừng quá đỗi, nhưng chưa dám đến gần. Cô Hợi vừa liếc thấy chàng, liền ngoảnh mặt ngó chỗ khác, vờ như không để ý đến «cậu Bốn Thanh».

Nhờ có bóng tối, và cô Hợi đứng dựa vào gốc cây sầu-đâu, xa chỗ đông người, nên không ai trông thấy rõ. Lê văn Thanh bạo dạn, nhưng vẫn rụt rè, bước... bước... bước nhẹ nhàng... Còn cách xa cô Hợi độ một khoảng dài. Chàng không dám tiến tới nữa. Chàng chỉ sợ cô Ba Hợi la làng, hoặc cất tiếng «chửi ông-bà ông-vãi» thì mắc cỡ cho chàng biết bao nhiêu!

Thiếu nữ thời bấy giờ, đối với bọn con trai lân-la chọc ghẹo, nhất là các cậu lì lợm, nếu được nàng ưa thì nàng lặng lẽ nghe lời ong bướm, hoặc đối đáp dịu dàng, tình tứ. Còn nếu cô gái không ưa mà chàng cứ đeo theo gạ gẫm thì thế nào chàng cũng bị cô ấy chửi ngay cho một trận, hoặc

la làng la xóm rùm lên, Chàng trai xấu hổ, chỉ có nước rút đi một mạch.

Lê văn Thanh do dự, vì biết cô Hợi chưa bao giờ tỏ vẻ thương yêu chàng. Nhưng chàng lấy cớ là trả lời bức thư Quốc-ngũ của nàng gửi 3 tháng trước, nên chàng tiến đến... bóng cây sầu-đâu.

Chàng lễ phép chấp hai tay, khẽ cúi đầu chào theo tục lệ xưa:

— Thưa cô Ba đứng chơi.

Nàng quay lại, cũng chấp hai tay, cúi đầu đáp lễ:

— Dạ, thưa cậu Bốn.

Chàng liền moi trong túi áo cụt mặc dưới chiếc áo dài, bức thư mà chàng định trao nàng. Đó là một «tờ giấy Tây» gấp lại làm tám, không có phong bì, chỉ được cột lại bằng một rẻo lá chuối xanh. Chàng cầm thư trong tay, nói:

— Thưa cô Ba, hồi tháng Tư cô Ba có gửi tôi một lá thư bằng chữ Quốc-ngũ. Ngày tháng như thôi đưa, tính đi tính lại thế mà nay đã bốn tháng rồi. Sẵn hôm nay tôi gặp cô đây, đó cũng là cái duyên tao ngộ, xin gửi lại cô lá thư hồi âm, dám mong được cô đề cập mắt xanh đến, thì thật là vạn hạnh.

Cô Nguyễn thị Hợi mỉm cười.

làm thính. Cô mắc cỡ, cúi đầu, không dám ngó chàng trai. Lê văn Thanh chìa thư ra:

— Xin quý nương nhận cho, tôi rất lấy làm thâm cảm.

Cô Ba Hợi, vẫn cúi mặt, bảo:

— Cậu muốn đưa gì, cứ đưa thẳng em tui.

Lê văn Thanh nhét gói thư vào bàn tay cậu em, tên là Tý, nhưng Tý ngó chị:

— Cái bánh, hay cái gì đây, chị Ba?

Cô Hợi cười, không đáp. Lê văn Thanh nói tiếp:

— Thưa cô Ba, thầy Từ-Tư có nói rằng: «*Tự thành minh vị chi tính, tự mình thành vị chi giáo, thành tắc minh hỹ*», là nhờ thành thực mà sáng tỏ, ấy là tính, nhờ sáng tỏ mà thành thực, ấy là học. Hễ thành thực là sáng tỏ, hễ sáng tỏ là thành thực. Thưa cô, tôi xin thề với thần thánh, ma quỷ, là tôi giữ một tấm lòng thành thật, tôi cũng dám mong cô giữ được một niềm sáng tỏ.

Cô Nguyễn thị Hợi chưa muốn trả lời vội và cũng chưa muốn nói chuyện gì với cậu Bốn Thanh. Vì trước hết cô muốn xem chàng

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

nói gì trong bức thư của chàng.

Cô bảo :

— Cậu Bốn đề tui về nhà coi thư, rồi tui trả lời cậu Bốn.

— Chùng nào cô Ba trả lời ?

— Hồng biết. Tui rảnh thì tui trả lời.

— Vậy thì mỗi ngày cô đi chợ buổi sớm mai, có tôi chờ cô ở bụi tre Thôi-kèn.

Cô Hợi làm thính. Cậu Thanh cũng không dám đứng đó lâu.

Cây pháo bông «Bát-Tiên» vừa nổ sáng rực nửa lừng trời, giữa tiếng reo mừng của trẻ con. Công chúng đàn ông cũng như đàn bà, đều trầm trồ khen ngợi, nhưng không vỗ tay ầm ĩ, không hoan hô náo nhiệt như công chúng ngày nay.

★

Cả giầy phố Cửa Bắc, và cả làng Chánh-lộ ở ngay tỉnh lỵ, không ai ngờ cậu Bốn Thanh học trò chữ Nho của ông Tú Phong, bây giờ lại cắp vở đến trường Nhà nước, học chữ Tây ! Ai hỏi : Tại sao ? thì cậu trả lời : Tại Nhà-Nước Đại - Pháp bắt - buộc. Không đi học thì bị tù.

Nhưng không đúng thế đâu. Trước đây, trong tỉnh ai cũng biết rằng cậu học chữ Quốc-ngữ

(học lên) là tại cô Ba Hợi. Nhưng bây giờ không ai biết rằng cậu đi học chữ Tây, — học công khai, làm « lặc-léo-mê-dông-lô », cũng là tại cô Ba Hợi !

Cuộc tình-duyên âm-thầm lén lút của nàng và chàng đã khấn-khít bởi một lời « Thệ-hải Minh Sơn », ở bụi-tre Thôi-Kèn, cách cửa Bắc độ ba trăm thước, không biết từ hồi nào. Nhưng có điều chắc-chắc, là cô Ba Hợi 16 tuổi, con gái ông Bá-Hộ, một nhà giàu nhất ở phố cửa Bắc, không muốn cậu Bốn Thanh học chữ Nho nữa. Cô thấy thời thế đã đổi thay, có mấy người Nho-sĩ trong tỉnh đã bỏ bút lông, cầm bút sắt, đã học trường Nhà-nước không bao lâu, nay đã làm Thầy Giáo, làm Thông-ngôn, thầy Ký-lục, được ăn lương Nhà-nước, được địa-vị sang trọng, được chức Bát-phẩm, Thất-phẩm của Vua ban. Cô yêu cậu bốn Thanh, nhưng cô chỉ bằng lòng làm vợ của cậu với một điều-kiện nhất-định, là người yêu của cô phải đi học chữ Tây ở trường Nhà-nước, phải thi đậu làm thầy Thông, thầy Ký. Đôi trai-gái thề - thốt với nhau trong lúc

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

Trường Nhà-Nước, — gọi là «Trường Sơ-học Pháp — Việt» đang lúc nghỉ hè, niên - khóa 1911-1912.

Thằng Chuột, từ nay tên chính thức là Trần-anh-Tuấn, hết kỳ nghỉ Hè, đã được lên «Lớp Ba». Nó đi khoe với mọi người là nó học «Cua ê-lê-măng-te», và cuối niên-khoá nó sẽ đi thi bằng-cấp «Tuyên-sanh». Nó đã 11 tuổi, nói tiếng Tây «bông-bốc».

Ngày nhập học, chàng thanh-niên Lê-văn-Thanh, vẫn để búi-tóc trên đầu, vẫn bịt khăn đen, mặc áo dài đen, chân mang guốc, cặp hai quyển vở và cây bút sắt, cây bút chì, thước gạch, bình mực túp, bèn lên đến trường. Đây là một mái trường lợp tranh, vách tường bằng phen tre quét vôi, nền tô xi măng. Ông Đốc, người Việt Nam, đã già, nói tiếng Hà-Tĩnh, bảo cậu :

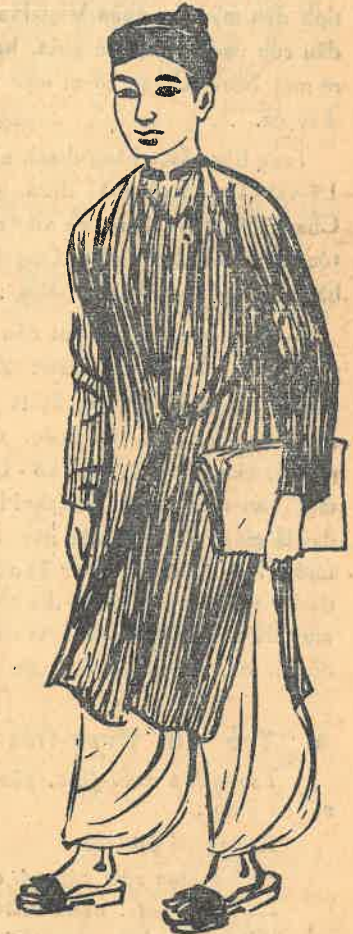
— Trưa nay về nhà, cậu phải cúp tóc ca-rê, bỏ cái búi tóc kia đi, và đừng bịt khăn... Chiều nay cậu cúp tóc rồi, Nhà-Nước sẽ cho cậu một cái mũ trắng để đội.

Chàng khúm núm, chấp hai tay, cúi đầu :

— Dạ. Bẩm Quan lớn, con

xin tuân lệnh Quan lớn.

Quan Đốc dắt cậu xuống lớp Năm, giao cậu cho Thầy giáo. Quan Đốc và các Thầy giáo đều



Chàng nho sĩ Lê-văn-Thanh năm 1910.

mặc áo dài Việt-Nam, nhưng đầu cúp rẽ giữa, chân mang giày Hạ.

Tất cả các Thầy công-chức làm việc cho Nhà-Nước ở trong tỉnh đều mặc áo quần Việt-Nam, đầu cúp ca-rê, hoặc rẽ giữa, hoặc rẽ một bên. Không có ai mặc đồ Tây cả.

Trưa hôm ấy, chàng thanh niên Lê-văn-Thanh về nhà thưa với Cha. là ông Xã Quý, về việc cúp tóc. Ông Xã không chịu. Ông đập bàn, đập ghế, la hét om sòm :

— Con có cha, như cái đầu có tóc. Theo phong tục nước An-Nam, con phải để tóc, ấy là để thờ Cha mẹ, ấy là có hiếu. Cắt tóc đi, cũng như là từ bỏ Cha mẹ. Tao theo sách Thánh-Hiền dạy lễ giáo từ xưa tới nay của nước An-Nam như thế. Tao đây đã 50 tuổi, ông Nội và bà Nội mầy đã quá vãng rồi, mà tao còn để búi tóc, để giữ đạo làm con cho

trọn chữ Hiếu. Huống chi ngày nay tao còn sống, mẹ mầy còn sống, mà mầy lại cắt cái búi tóc bỏ đi sao được? Chiều mầy vô trường thưa với Quan Đốc-học như thế.

Nói xong, ông Xã ngồi khóc ròng rã. Chàng con trai, Lê-văn-Thanh, cũng khóc nức nở. Bà Xã, ở dưới bếp chạy lên, nghe câu chuyện của chồng vừa nói, cũng ngồi xuống ngạch cửa, khóc hu hu. Ông Xã nói tiếp, với giọng tức tối :

— Làm con, có cái búi tóc ở trên đầu để thờ Cha kính Mẹ, mà cắt bỏ đi, thì còn gì là Cha con, Mẹ con nữa ? .. Mầy mà nghe lời người ta cắt bỏ cái búi tóc, thì thà là tao nhảy xuống giếng tao tự-tử !

Ông lại khóc to lên, hu ! hu ! hu !...

(Kỳ sau tiếp)



* Trẻ em thực-thà

Trong lớp mẫu-giáo, giờ tập viết, bé Liên 4 tuổi, nói chả chót với cô giáo :

Không có bút chì.

— Cô giáo sửa câu nói của em cho có lễ phép :

— Phải nói : «tôi không có bút chì»

Nhưng bé Liên chợt thấy cô giáo đang cầm cây bút chì trong tay liền trả lời :

— Cô nói dối em, cô có bút chì đó, chứ bộ !

QUẬN HE

(Nguyễn - hữu - Cầu)

VÙNG VÂY TÁM NĂM

tại Bắc - Hà

(Tiếp theo P.T. số 55)

* HỒ THỊ HỒNG

CÁC TRẬN ĐÁNH GIỮA QUẬN HE VÀ CÁC TƯỚNG TRỊNH (I)

* Tháng 6, Nguyễn-hữu-Cầu, giặc vùng Hải-dương, cướp huyện Thanh-hà. Hoàng-công-Kỳ cùng Hoàng-ngũ-Phúc đánh phá được Ch. b. XXXIX, 32.

NĂM quý-hợi (1743) Hữu-Cầu cướp xã Lão - phong (huyện Nghi-dương, Hải-dương). Thủy đạo đốc-binh Trịnh-Bảng đem binh thuyền tiến đánh. Cầu cho

10 chiếc thuyền ra cự địch, rồi vờ thua chạy. Trịnh-Bảng đuổi đến cửa Giai-môn (Nghi-dương) Cầu rút vào bến Cát-bạc (Nghi-dương). Gặp gió mạnh, thủy triều cuốn cuộn, Cầu dùng thuyền

(1) Các trận đánh dẫn ở đây đều căn cứ theo cuốn 'Việt-sử thông giám cương mục, và những chữ, ví dụ. Ch. b. XL, 4 tức là :

Chính biên XL và tờ thứ 4, trong cuốn Việt-sử thông giám cương-mục. Chỗ ngăn chúng tôi để nguyên, đoạn nào dài chỉ tóm lược mà thôi.

nhỏ tấn công, thuyền quan quân lớn khó chống đỡ, phải ghé vào bờ phía đông. Hơn 100 thuyền chiến của Cầu kéo ủa đến, quan quân vỡ tan. Trịnh-Bảng bị hơn 10 vết thương và bị bắt. Sử chép «Bảng chịu mạng không ngớt mồm rồi chết».

— Từ đây thanh thế lừng lẫy, Cầu xưng Đông-đạo Thống quốc Bảo-dân Đại-tướng quân, kiên cố ở mạn Đồ-sơn, Vân-đôn.

Trịnh-Doanh sai Hoàng-công-Kỳ lĩnh đạo bộ binh ở Hải-dương. Trần-Cảnh chỉ-huy thủy binh lãnh mưu kế tiến đánh Hữu-Cầu. Sau đó Công-Kỳ lại thống lĩnh luôn quân Trần-Cảnh và các đạo quân của Đốc-lãnh Vũ-tá-Liễn, gồm binh thuyền 29 cơ, nghiêm hạn nhật Kỳ tiến quân càn quét. Công-Kỳ dâng tờ khai rằng «Giặc nương vào núi, dựa vào biển làm nơi kiên cố; và lại nước biển khi lên khi xuống không nhất định, muốn phá Đồ-sơn, không tranh chiếm địa lợi trước là không được. Vậy xin giữ quân thủy của đội Tứ-trạch lại để phòng bị việc điều khiển» Trịnh-Doanh y cho. Công-Kỳ cùng tướng thủy đạo là Nguyễn-dăng-Hiền tiến đánh; Hữu-Cầu bại trận chạy ra biển. Công-Kỳ đuổi theo,

Đăng-Hiền dẫn đại quân về kinh.

Ch. b. XXXIX, 33.

— Sau đó, Cầu thấy Yên-quảng sơ-hở nên lại trở về chiếm Đồ-sơn, cướp phá vùng Đông-nam, không ai cự nổi. Cầu cướp huyện Thanh-hà, vây Hoàng-công-Kỳ luôn mấy tuần. Kỳ cầu cứu về kinh. Hoàng-ngũ-Phúc đốc lãnh lính kỳ đạo đi cứu, đến huyện Vĩnh-lại thì bị chặn đứng.

Trong khi đó, Tán-lý Vũ-khâm-Lân lập kế rồi nhân đêm thừa lúc Cầu bận chẹn đường Ngũ-Phúc, kéo quân ra sông Ngư-dại (thuộc xã Ngư-dại, Thanh-hà, Hải-dương) rồi về đóng ở sông Tranh (xã Tranh-xuyên, huyện Vĩnh-lại, Hải-dương) hợp cùng Ngũ-Phúc tiến đánh, phá được quân Hữu-Cầu.

* «Hoàng-ngũ-Phúc vây Nguyễn-hữu-Cầu ở Đồ-sơn, Hữu-Cầu đi gấp đến Kinh-bắc đánh chiếm được trấn-thành».

Ch. b. XL, 4.

Hoàng-ngũ-Phúc vây Cầu ở Đồ-sơn. Cầu phá vòng vây đi gấp đến Kinh-bắc đóng ở làng Thọ-xương (huyện Bảo-lộc, Bắc-giang). Quân đóng từ Quế-nham đến Khuê-kiều (Yên-thế, Bắc-giang) có đến vài trăm thuyền

chiến, đóng kè gỗ và đắp lũy hai bên bờ sông để giữ. Trấn thủ Trần đình Cầm từ Thiết-sơn (Yên-dũng, Bắc-giang) tiến đến Trại-thị (xã An-ninh, Yên-dũng) thì bị đánh bại, phải lui về giữ Thị-Cầu (huyện vũ-giang, Bắc-ninh) Hữu-Cầu đuổi đánh, Đình-Cầm lại thua chạy, Cầu chiếm được trấn thành Kinh-Bắc, đốt cháy doanh trại, Đình-Cầm cùng Đốc đồng Vũ-phương-Đề bỏ ẩn tín chạy. Tin báo về kinh lúc nửa đêm, triều đình sai vệ-binh ra đóng ở Xạ-trường (huyện Thọ-xương), xã Tân-can (huyện Từ-liêm), xã Nhân-mục (huyện Thanh trì) và cầu Yên-quyết (tức cầu Giấy) để phòng bị. Hoàng-ngũ-Phúc được tin cũng kéo về Vũ-giang.

(Ch. b. XL, 5)

* Tháng 7, mùa thu, Hoàng-ngũ-Phúc và Trương-Khuông thu phục được thành Kinh-bắc».

Ngũ-Phúc tiến đến Vũ-giang, Trịnh-Doanh sai người quả rằng: «Bọn người đi đánh dẹp hơn một năm, tiến sát đến Đồ-sơn năm sáu tháng mà phòng bị sơ ngộ, để đưa giặc hung hãn dòi khỏi sào huyệt; rồi lại 7, 8 ngày sau mới đuổi theo, để cho đồ

đảng của giặc xâm phạm một cách đột ngột, làm kinh sợ náo động cả lòng người. Như thế có xứng đáng với người làm tướng giữ ngoài biên trấn không? Nhà người phải cố nghĩ tự mình hết sức để chuộc tội lỗi trước».

Sau đó Trịnh-Doanh nhận được tờ khai của Ngũ-Phúc bèn cho Côn-quận-công Trương-Khuông giúp Ngũ-Phúc tiến đánh. Hữu-Cầu bỏ Kinh-bắc chạy. Quan quân chia 5 đạo đuổi theo.

— Trương-Khuông theo đường Yên-dũng đánh mặt tiền.

— Nguyễn-trọng Thân đánh phía tả mặt trước.

— Vũ-tá-Liễn đánh phía hữu mặt sau.

— Lê-Lệ đánh phía tả mặt sau.

— Hoàng-ngũ-Phúc chặn ngang hông để cản đường trốn của Cầu. Lại có các đại thần thân-tín của họ Trịnh làm Giám quan.

Trận này có đến 10 đại-tướng, 64 liệt-hiệu và 12.700 binh-sĩ tham chiến, về phía binh triều, và dân gian đem hiến quan quân «gạo một vạn» được Trịnh Doanh khen ngợi.

(Ch. b. XL, 6)

★ «Tháng 11, Trương-Khuông đánh nhau với Nguyễn - hữu-Cầu ở Ngọc-lâm (Yên dũng) bị bại trận. Đinh-văn-Giai lại bị bại trận ở Xương-Giang, đều cho triệu về, bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc làm Thống lãnh bắc đạo, trấn-thủ Kinh bắc, kiêm trấn-thủ Hải-Dương.»

Trương-Khuông có tiên-phong là Trịnh-Phương, bị Cầu cho quân già yếu ra dử cho vào nơi hiểm trở ; quân Cầu đánh binh - triều tan tác. Bốn đạo quân còn lại tự tan vỡ. Thế lực Cầu lại nổi như cồn. Tin do «đài-phong-hỏa» (nơi Chúa Trịnh đặt chỗ đốt hỏa làm hiệu) truyền về sông Nhị. Trịnh Doanh quở và triệu Trương - Khuông về. Đinh-văn-Giai làm Thống-lãnh thượng tướng quân kiêm Đốc suất quân 4 đạo, cùng Bồi tụng Ngô-Đình Dánh (chín Tấn-lý) đi đánh Hữu-Cầu.

Văn-Giai đến nơi chưa tiến quân. Cầu dùng mẹo khích quân sĩ, quân Cầu kéo ủa đến vây chân voi của Văn-Giai. Văn-Giai chiến đấu rất dũng cảm, lại có hai con trai ở sau kéo đến giải vây, thu thập tàn binh rút lui. Trịnh Doanh được tin giận vô cùng.

Hữu-Cầu vây doanh trại Văn-Giai, Ngũ-Phúc cùng Đàm-xuân

Vực, Nguyễn-Danh-Lê kéo ba mặt đến cứu. Hữu-Cầu qua sông bỏ chạy. Văn-Giai và Ngô-Đình Dánh bị triệu về giáng 3 trật. Trịnh Doanh bổ Hoàng-ngũ-Phúc Thống lãnh đạo kinh-bắc, kiêm trấn thủ Hải-Dương, và cho Phạm-Đình Trọng làm Hiệp-trấn Hải-Dương giúp Ngũ-Phúc.

(Ch. b XL 10)

★ «Tháng 8, Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-đình-Trọng đánh phá được Nguyễn-hữu-Cầu ở thành Xương-giang. Bổ dụng Phạm-đình-Trọng làm Hiệp thống lãnh đạo đông-bắc.»

Hữu Cầu bị bại chạy ra Yên-quảng chiếm xứ Hạc-Động (huyện Nghiêm phong, Quảng-Yên) Đinh Trọng và Ngũ-Phúc ồ ạt tiến đánh, giết được tên Thông-tướng thân-tín của Cầu, lại chiếm quân nhu và ngựa chiến rất nhiều.

Mất Thông, Hữu-Cầu yếu thế bỏ trốn lẫn lút, quân lính tan tác dần.

(Ch. b. XL, 16)

Vì yếu thế, nên năm Bính-dần (1749) Hữu-Cầu phải xin hàng.

★ «Phong Nguyễn - hữu - Cầu làm tước Hưởng nghĩa-Hầu, rồi cho triệu về triều, nhưng Hữu-Cầu không đến».

Bị Đình-Trọng đuổi đánh mãi, thế lực suy tàn, Cầu sai tên Hựu đem nhiều bạc dút lót cho Đồ-thế-Giai và Nội-giám Nguyễn-phương-Đĩnh xin hàng. Trịnh-Doanh y cho và ban hiệu là Minh-đông tướng quân, tước Hưởng-nghĩa-Hầu, rồi triệu về kinh ; tướng sĩ của Cầu đều cho làm quan. Cầu không thực tâm muốn hàng nên lấy cớ bị Đình-Trọng ngăn cản tố cáo về triều. Tham-tri Nguyễn-phi-Sảng đem chỉ dụ cho Đình-Trọng hoãn việc đánh Hữu-Cầu, và dụ luôn Cầu về triều.

Phạm - đình - Trọng đáp lời Nguyễn-phi-Sảng : « Người làm tướng ở ngoài chiến-trường, có khi không chịu nhận mệnh lệnh của vua. Tôi với Hữu-Cầu không đội trời chung, tôi đã từng nói ở trước Chúa - thượng. Nay ông nhận lệnh đi chiêu hàng, tôi nhận lệnh đi giết giặc, nếu gặp thế có thể đánh được giặc, thì tôi cũng không vì cớ ông đến chiêu hàng mà ngăn ngại». Phi-Sảng nghe Đình-Trọng nói vậy thì khiếp sợ. Lúc gặp Cầu kể lại câu nói của Đình-Trọng, chuyện chưa dứt thì quân Đình-Trọng ập đến đánh úp. Hữu-Cầu cho đưa Phi-Sảng

về rồi cùng Đình-Trọng giao chiến. Bị đánh bại, Cầu bỏ trốn.

Khi ấy ở triều bọn Đồ-thế-Giai thấy Đình - Trọng cương lệnh Chúa, lại tỏ-chức quân đội hùng mạnh nên gièm pha với Trịnh - Doanh. Nhưng Trịnh-Doanh tin Đình-Trọng nên làm một bài thơ thưởng cho.

(Ch. b. XL, 20.)

★ «Tháng 9 mưa to, nước sông tràn ngập, thóc lúa bị thổi nát. Tháng 9 nhuần, Nguyễn-hữu-Cầu xâm-phạm Sơn-nam. Sai Phạm-đình-Trọng đi đánh».

Hữu-cầu không ngừng cướp phá. Hiệu-lý Nguyễn-thế-Khai được cử đến dụ Cầu triệt bỏ quân lính. Cầu không nghe, lại đến Duyên-hà (Thái-bình) tiến đánh Sơn-nam.

Trần-tướng Vũ-tá Sắt không thắng nổi Cầu, Phạm-đình-Trọng được cử đi đánh dẹp nữa, có Hoàng-ngũ-Phúc trợ lực.

(Ch. b. XL, 27)

★ « Nguyễn - hữu - Cầu xâm phạm sông Bồ-Đề. Phạm-đình-Trọng đuổi đánh Hữu-Cầu thua chạy. »

Bị Đình-Trọng đánh bại ở Cẩm-Giăng, Cầu bàn với đồ đảng:

« Ta mới bị thua, tin thắng trần đưa về, tất nhiên kinh sư không phòng bị, ta đem quân đánh úp, thế nào cũng thắng được » Bèn nhân đêm đi gấp đường, canh năm thì cho quân qua bến Bồ-Bề, nhưng đến bến thì trời sáng, Trịnh-Doanh thân chỉ huy chống cự ở mé Nam sông, lại có Phạm đình-Trọng cắt hết quân lính dưới quyền đánh đuổi. Cầu thua to, bỏ trốn.

(Sử cho rằng vì hai năm canh Thân và Tân-Dậu (1740, 1741) vùng Hải-Dương đói kém nên dân mới theo Cầu làm loạn. Vì thế Cầu mới có sức vấy vùng. Sau này dân ngày một bỏ rơi Cầu, Cầu mới đi dẫn đến chỗ bại trận.

(Ch. b. XL, 28)

★ — “Tháng 10, mùa đông, hội họp các đạo quân ở Bồ-đề».

Hữu Cầu chạy về họp với Hoàng công Chất đánh vùng Thuận Khê, Thanh quan. Trịnh Doanh toan thân đi dẹp, nhưng các tướng cản ngăn, bèn sai Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-dinh-Trọng y chức cũ kéo quân đi đánh Quân Cầu xin hàng nhiều. Cầu phải chạy trốn vào vùng nghệ-an.

★ «Tân mùi năm thứ 12 (1751) (Thanh, năm Càn-long thứ 16) Tháng Giêng, mùa xuân Phạm-dinh-Trọng bắt được Nguyễn-hữu-Cầu ở Nghệ-an ».

Ngũ-Phúc và Đình-Trọng đánh

đuổi Hữu-Cầu ở vùng đông-nam từ huyện Nam-xang (phủ Lý-nhân) đến huyện Bình-lục (thuộc Hà-Nội) đuổi qua huyện Vinh-lại vào đến huyện Phụ-Dực (Nam-Định) thì Cầu trốn vào Nghệ-an nương nhờ Nguyễn-Diên. Cầu ở đất Hương-lâm (huyện Nam-đường Nghệ-an) Phạm-dinh-Trọng đem quân vào đánh trận cuối cùng, Cầu thua vượt biển toan quay về vùng đông vì gặp sóng to, Cầu cùng mấy cựu-thủ-hạ lên bộ cướp đường mà chạy, ẩn trốn trong núi Hoàng-mai; thuộc tướng của Đình-Trọng là Phạm-dinh-Sĩ (người xã Bắc-Trạch, Châu-Định, Thái-bình) bắt được. Đình-Trọng cho đóng cũi giải về quân thứ của Trịnh-Doanh.

(Ch. b. XLI 5)

★ Lúc quân Đình-Trọng về đến Xuân-hi thì gặp Trịnh-Doanh giải Nguyễn-danh-Phượng đến nơi. Trịnh-Doanh khảo quân như ta đã biết ở trên kia.

Trận đánh này chỉ kéo dài 43 ngày, lui binh về đến kinh sư làm lễ dâng tù binh ở Thái-miếu, Hữu Cầu lập mưu vượt ngục, bị lộ chuyện liền bị giết một lúc với Danh-Phượng.

(Ch. b. XLI, 8)

Đoạn lược dẫn các trận đánh của Quận-He và các tướng của họ Trịnh ở trên, cho ta thấy sự vất vả

của triều đình thực là khôn cùng. Và ta cũng có thể căn cứ vào đó mà tạm chia các trận đánh ra xếp vào từng thời kỳ :

— Thời kỳ Hữu-Cầu thắng, lúc chưa gặp Phạm-dinh-Trọng,

— Thời kỳ Chúa-Trịnh muốn thu phục Cầu nên dung-dưỡng.

— Thời kỳ bại hoàn toàn, từ sau trận Bồ-đề cho đến khi bị bắt.

Những điều trên khiến ta không liệt Nguyễn-hữu-Cầu vào hàng một tên giặc tầm thường, và xem Cầu chỉ là một tên ngu dốt (bằng có là Cầu biết thu phục lòng dân). Tôi không có ý bênh vực Nguyễn-hữu-Cầu nhưng chỉ muốn đặt cho Cầu một địa-vị khác và minh oan cho Cầu khỏi bị mang tiếng là một tên cướp dữ tợn mà thôi. Trước khi xét về các nguyên nhân đã dẫn Cầu đến chỗ thất-bại, ta hãy đề chút thì giờ biết qua về Phạm-dinh-Trọng, địch thủ số 1 của Nguyễn-hữu-Cầu.

PHẠM - ĐÌNH - TRỌNG, ĐỐI THỦ MÀ QUẬN HE GỒM NHẤT

Trong « Nam Sử liệt truyện khảo cứu » thì : Phạm - đình - Trọng người làng Kinh - dao, huyện Giáp-sơn, xưa thuộc phủ Kinh-môn, Hải-dương. Lúc còn trẻ có khẩu chiêm răng :

Trời chẳng già đất chẳng già

Năm hồ bảy chiếu một mình ta.

Ông học giỏi và thi đỗ tiến-sĩ đời Lê-vinh-Hựu, năm ấy mới có 26 tuổi. Năm Cảnh-hưng thứ 3, đánh bắt được Nguyễn-Cừ. Sau lại bắt được Nguyễn-hữu-Cầu, được chúa Trịnh ban 4 chữ phi-bạch « văn võ toàn tài ». Vì mỗi thủ bị đào mà thân mẫu, Đình-Trọng khóc lóc, thế quyết giết được Hữu-cầu mới nghe. Trong các danh-tướng của chúa-Trịnh, Hữu-Cầu chỉ sợ một mình Phạm-dinh-Trọng mà thôi.

Đình-Trọng có lần dẹp giặc Tàu Ô ở Vân-dồn và được vua Tàu khen « Nam quốc hữu nhân ». Ông văn giỏi, võ tài, làm quan đến chức Thượng-thư Quận-công, giữ chức Đốc-suất Nghệ-an.

Ngoại thư có chép rằng : khi Đình-Trọng ở Nghệ, đi ra phố các khách-trú đều « la bái », hỏi ra thì vì Trọng giống tượng Ngũ-Hồ (Phạm-Lãi). Sau Trọng bị một cái mọt ở vai, có người khách về Tàu thấy tượng Ngũ-Hồ bên vai bị hư nát, bèn tô lại. Khi sang ta thì Trọng cũng vừa lành mọt xong ; hỏi ra nhằm vào ngày ở Tàu tô tượng thì Trọng khỏi mọt.

Lúc Đình-Trọng chết, quan Tham-tụng Bùi-huy-Bích có làm bài văn tế :

« Vị tức thấp nhi Thượng-thư, tại nhân vi tảo, tại công tác vi trì ; dĩ nhô quan vi Đốc-suất, tại nhân vi dĩ, tại công tác vi nghi... »

Nài chi hà ! Hoàng - lương nhất mộng, bệnh bất cấp y.

Triều-Đình vô di biểu, thế tử vô di chúc, phiêu nhiên viễn thị, hốt bất tư kỳ hà chi ?

Ô hô ! y hi ! Hoành-sơn vân ám ; Lệ-Hải phong xuy.

Tướng công thư khứ ; thảo mộc đồng bị.

Dịch nghĩa :

« Chưa 40 tuổi mà làm đến Thượng-thư, ở người ta thì là sớm, mà ở ông thì là muộn ; lấy nhà nho mà ra làm Đốc-suất, ở người ta thì là lạ, mà ông thì là đáng chứ chẳng lạ... Nài sao, một giấc kẻ vàng, bật ngay đi không kịp chữa. (câu này có ý ngờ là chết một cách khả nghi). Không để tờ di biểu lại triều-đình, không có lời di chúc cho vợ con, vụt vẫy lánh xa, không biết là đi đâu. Than ôi ! thương thay ! Hoành-sơn mây mờ, Lệ-Hải gió bay, tướng công thác như thế, thế thâm cả cỏ cây ! »

Lê thúc Thông
(Nam phong số 101)

Dân Nghệ-an có lập miếu thờ Phạm-đình-Trọng và có đôi câu đối như sau :

Cái thế anh hùng kim cổ thiếu
Tại nhân công đức địa thiên trường.

Người ta có sánh lòng trung của Đình-Trọng với Hưng-đạo-Vương. Như vậy, ắt Đình-Trọng xứng đáng là một tay văn võ song toàn, đứng đầu các danh-tướng đời Trịnh-Doanh, và chỉ một mình Đình-Trọng mới trị nổi Quận He mà thôi. Đình Trọng theo đuổi Quận He khắp vùng Bắc-hà và đuổi cho đến Nghệ-an mới bắt được.

Đề kết thúc bài này, tôi xin trình bày vài ý kiến riêng, về những nguyên nhân đã làm Nguyễn-hữu-Cầu thất bại. Và như thế tức là ta đã định cho Cầu một địa vị rồi.

NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA NGUYỄN-HỮU-CẦU

✱ Ngày xưa đề chỉ tất cả những người chống lại triều đình người ta đều gọi là « giặc », dù việc làm của họ hợp với lòng dân. Nghĩa là chống lại sự áp-bức, sự thối nát của giai cấp thống trị. Như

ta biết, xã-hội Việt-Nam dưới thời Trịnh-Nguyễn rất rối loạn, triều đình chia rẽ, nước không hề được yên, dân không còn biết theo vào đâu, vậy thì kẻ nào đem lại lợi quyền cho họ tất nhiên được họ hưởng ứng.

Nguyễn-hữu-Cầu không hẳn là người dốt vì khi đứng lên chống lại triều-đình biết dựa vào thế lực đa số dân nghèo. Cướp của dân giàu (hạng cường hào ác bá) chia cho dân nghèo. Cầu lại đa mưu túc trí (các trận đánh giữa Cầu với các danh - tướng họ Trịnh cho ta rõ điều này). tỏ ra hiểu biết binh - pháp. Trận đánh đêm vào Thăng-Long khiến ta không thể coi thường Cầu ; lợi dụng sự sơ phòng của quan quân khi mới thắng trận, Cầu đã suy tính chứ không phải làm liều. Nhưng cuối cùng Cầu vẫn thất bại. Ta có thể tìm ra những nguyên nhân chính sau đây :

★ DÂN ĐÃ CHÁN CHIẾN TRANH

Sau quá nhiều năm chinh chiến, dân chúng chán ghét cảnh chém giết. Hơn nữa Hữu-Cầu lại bị quan quân theo dõi, chịu mang lấy tên « giặc », không được danh chính, ngôn thuận. Chúa Trịnh

rành việc miền Nam, lại dẹp được các đảng khác, nên dốc toàn lực diệt Cầu.

● QUÂN LÍNH ÍT LUYỆN TẬP

Quân triều-đình đã nhiều mà lại thiện chiến, được nhiều tướng giỏi như Ngũ-Phúc. Đình-Trọng chỉ huy. Quân của Cầu phần nhiều là dân-binh, nên về lượng thì có mà chất thì không đáng xem là quan-trọng. Cầu lại có tính anh-hùng cá nhân không liên kết với các đảng lớn để lợi dụng họ, Cầu ở vào thế bị động luôn, như một con mồi bị săn đuổi.

● CHƯA TẬN DỤNG ĐƯỢC LÒNG DÂN

Cầu thiếu những tay tham mưu giỏi để giúp Cầu tuyên truyền rộng rãi trong dân chúng, tức là làm cho họ thấy rõ sự thối nát của giai cấp thống-trị, mà muốn thoát khỏi thì Cầu phải lật đổ lớp ấy đi.

★ GÂY HẬN THÙ VỚI PHẠM - ĐÌNH - TRỌNG

Nguyên nhân gần nhất khiến cho Cầu chóng bị thất bại là việc đào mã thân mẫu Phạm-đình-Trọng, khiến cho Đình-Trọng thù giết Cầu để báo thù. Cầu đã

làm một việc thất chính-trị. Đình-Trọng là kẻ có tài, trong tay quân-lính mấy đạo quân lại thêm thù mẹ thôi thúc, hơn nữa đi đánh Cầu là việc thuận với lý chính, trách nào Cầu chẳng bị thua.

Trên đây, chỉ đưa ra ít nguyên-nhân quan-trọng mà thôi. Chúng ta biết Nguyễn-hữu-Cầu không chỉ chống với Phạm-đình-Trọng mà còn với tất cả các danh-tướng của chúa Trịnh. Mãnh hổ nan địch quần hồ, Cầu nhiều lần bị rơi vào thế ấy nữa. Quân Trịnh lại luôn luôn chặn Cầu ở vùng Đông-nam, không cho Cầu liên-lạc với Quận Hảo, việc này khiến cho hai người mau đi đến bại trận.

KẾT LUẬN

Hữu-Cầu thất bại, tên tuổi bị sách sử nhắc nhở mãi về sau. Người ta chỉ gọi Hữu-Cầu là tên giặc cướp, nhưng ít ai chịu tìm xem tên cướp ấy đã làm những gì và ảnh hưởng của nó thế nào. Tôi nghĩ rằng nếu gọi Cầu là một tên giặc không thôi thì không đúng. Đặc giả thuyết rằng : Cầu thắng trận mãi, thì Cầu có thể thành một anh hùng chăng ? Ai có thể bảo là

không ? Theo tôi Cầu chỉ là giặc vì đã chống lại Triều-đình. Khác với các người nổi loạn lúc ấy (cướp bóc tằm thường), Cầu chuyên chặn đánh quan quân, bênh vực dân nghèo. Những trận đánh chứng tỏ Cầu hiểu binh pháp, thiện chiến, biết lợi dụng thời cơ. Suốt 8 năm trường các tướng tá của họ Trịnh nhiều phen hoảng vía. Nhiều tướng bị Cầu giết, hoặc bị giáng chức khi về triều.

Ta không thể căn cứ một cách vô lý rằng vì ngộ nghịch, vì ngu dốt mà Cầu đi làm giặc. (Biết bao tên giặc không hề ngu dốt ?). Việc làm của Cầu chỉ là tỏ rõ sự phản uất của dân chúng đối với sự thối nát của triều-đình, nếu không thế thì dân đã không giúp Cầu nhiều bận, những lúc Cầu thua trận. Câu nói sau đây của Phạm-công-Thế cho ta thấy rõ quan-niệm chữ « nghịch » (giặc) như thế nào ; Công-Thế theo Lê-đuy-Mật chống lại họ Trịnh, lúc bị bắt cười mà trả lời chúa Trịnh rằng « Đã lâu nay danh phận không rõ, lấy gì mà phân thuận nghịch » (Việt-nam sử-lược, trang 322. Thực vậy, họ Trịnh cũng chỉ là nghịch mà thôi, nhưng

vì nắm được quyền mà dân chúng phải theo. Hữu-Cầu bị gọi là giặc cũng chỉ như Nguyễn - Nhạc, Nguyễn-Huệ bị gọi là « ngụy » vậy.

Chúng ta không nên hẹp hòi mà đặt Cầu vào giặc cướp thường. Nói như thế không có nghĩa là mọi tên giặc đều có thể như Nguyễn-hữu-Cầu. Ta có thể xem cuộc nổi dậy của Nguyễn-hữu-Cầu như một cuộc khởi nghĩa, chống lại họ Trịnh, Cầu đã cho ta thấy sự phản uất của dân chúng đối với chế độ đương thời như thế nào (trong phần đầu tôi đã nêu lên), việc làm của Cầu không hoàn toàn bại. Cầu chỉ mất lòng dân quan liêu, vua Chúa, nhưng lại được lòng dân. Nếu Cầu không thất-bại, ta chưa biết sử gia sẽ

chép tên Cầu bằng danh-từ gì ?

Tôi nhớ có một cuốn sách nhan đề là « Thủy Khẩu anh hùng », mà tác-giả (tôi quên mất tên) đã biến Hữu-Cầu thành một kẻ anh-hùng. Tôi không dám nói Cầu anh-hùng, nhưng theo gót các nhà chép sử mà gọi Cầu là giặc thì tôi không thấy đúng.

Ta nên gọi Nguyễn-hữu-Cầu là kẻ không chịu sống với sự đè nén áp bức của các chúa gần cuối dòng họ Trịnh. Chỉ biết ăn chơi xa xỉ lấn áp quyền vua, giết hại tôi trung đại diện cho lớp người bị trị, Cầu vùng lên kháng-cự, mong thoát khỏi mọi ràng buộc. Không may bị bại, Cầu mới phải nhận cái tiếng « giặc » để lại đời sau mà thôi.



★ Thất-nghịệp

Thấy báo đăng Nha Thanh-tra Lao-động cần dùng hai người thư ký, một chàng thất-nghịệp đem đơn đến xin việc làm. Người ta trao anh một tờ giấy in sẵn đề khai lý-lịch, và bảo anh điền vào những chỗ trống. Nơi câu hỏi : « trước làm nghề gì ? » anh điền vào : « Làm nghề rửa chén bát cho vợ. »

B.T.

DĨNH KHẢO THÚC

★ THIẾU-SƠN

QU A N giữ ai nơi đất
Dĩnh tên là Dĩnh Khảo
Thúc là người chánh-
trực thanh-liêm, vẫn có danh
hiếu-thuận, thấy Trang - Công
đầy Khương-Thị ra đất Dĩnh
thì than rằng : « Mẹ tuy không
biết nghĩa mẹ, song con không
nên bỏ đạo con, nếu Chúa Công
làm như vậy thì hết phong-hóa
rồi ! ». Ông bèn kiếm cho đặt
ít con chim xi - hiêu, mượn có
dâng thịt rừng, xin vào ra mắt
Trang-Công. Trang-Công hỏi :
« Chim chi vậy ? » Dĩnh Khảo-
Thúc đáp : « Chim này là chim

xi-hiêu, tuy vật chi lớn như núi
Thái-Sơn mà ban ngày nó cũng
chẳng thấy, còn ban đêm thì đầu
vật mảy mún chi nó cũng thấy
rõ. Vật nhỏ thấy mà vật lớn thì
mù. Lúc còn nhỏ mẹ nó tha mời
nuôi nó. Con vật như vậy phải
bắt nó mà ăn ». Trang - Công
nghe nói làm thính, vừa lúc đầu
bếp dâng thịt dê. Trang - Công
khiến cắt một đùi cho Khảo-
Thúc ăn. Khảo-Thúc lựa khúc
thịt ngon lấy giấy gói lại giấu
trong tay áo. Trang - Công
thấy vậy hỏi thì Khảo-Thúc đáp :
« Tôi còn mẹ già, nhà nghèo,

mỗi ngày kiếm thịt rừng cho
mẹ tôi ăn, chớ chưa từng hưởng
đặng mùi ngon. Nay chúa-công
cho tôi ăn, nhưng mẹ tôi chưa
từng hưởng chút ơn vua. Tôi
tưởng đến mẹ tôi thì nuốt sao
cho vô, nên đem về nấu canh mà
dâng cho mẹ tôi ». Trang-Công
khen rằng : « Như khanh xây
cũng nên gọi là hiếu-tử đó. »
Nói rồi buồn-bực mà thở dài.
Khảo-Thúc hỏi : « Vì có chi
mà chúa công buồn như vậy ? ».
Trang-Công nói : « Khanh có
mẹ mà phụng-dưỡng dặng, còn
quả-nhơn đây giàu sang đến bậc
chư - hầu mà lại chẳng bằng
khanh ». Khảo - Thúc giả bộ
chẳng biết gì về chuyện Trang-
Công đầy mẹ khiến cho Trang-
Công phải kể ra hết thấy những
chuyện đã xảy đến cho gia-
đình và lời thề của mình :
« chừng xuống âm - phủ mới
chịu nhìn nhau ». Trang - Công
tỏ ý ăn năn buồn thảm. Khảo-
Thúc nói : « Thái-Thúc đã thác
rồi thì Khương phu-nhơn chỉ
còn có một mình chúa công là
con mà thôi, nếu chẳng phụng-
dưỡng thì có khác gì chim xi-hiêu,
như ngại về lời thề thì tôi có
kể ». Trang-Công hỏi thì Khảo-

Thúc dâng-kể : đào đất cho thấy
nước rồi cắt nhà ở dưới đó,
rước Khương - Thị tới rồi
Trang-Công xuống đó nhìn mẹ,
vừa không trái lời thề vừa nổi
lại tình mẹ con. Trang - Công
cả mừng bèn khiến Khảo-Thúc
lãnh 500 tráng sĩ ra nơi Khúc-
vĩ, gần núi Ngưu Tỳ, đào đất
sâu hơn 10 trượng, nước mạch
chảy ra, rồi gác cây cắt nhà gần
bên suối nước, lại ra mắt
Khương phu - nhơn mà tỏ ý
Trang-Công. Khương thị nghe
nói nửa buồn, nửa vui, Khảo-
Thúc rước Khương-Thị đem về
dưới hầm đất. Trang-Công cũng
leo thang mà xuống, quì lạy dưới
đất mà thưa rằng : « Ngộ-Sanh
bất hiếu, bỏ việc thăm viếng đã
lâu, xin mẹ thứ tội. » Khương-
Thị nói : « Ấy là tội của mẹ,
chớ không phải tại con. » Mẹ
đỡ con dậy, hai người ôm đầu
nhau khóc ròng một hồi, rồi
cùng leo thang mà lên khỏi hang.
Trang-Công phò Khương phu-
nhơn lên xe rồi bốn thân cầm
cương đánh xe về trào. Bá-tánh
thấy mẹ con Trang - Công dất
nhau về đều lấy tay vỗ trán mà
khen Trang-Công hiếu-thảo.

Trang-Công cảm ơn Khảo.

Thúc bèn phong cho làm đại phu hiệp với Công - Tử Yết chưởng-quân binh-quyền.



Con Thái Thúc-Đoạn là Công tôn Hoạt chạy qua nước Vệ tổ cáo bác mình đã vô đạo giết em và xin hưng binh phạt Trịnh. Vua Vệ lắm tin cho kéo binh qua hỏi tội. Trịnh Trang-Công một mặt lo ngăn giặc, một mặt biên thư cho vua Vệ để giải-thích thái-độ của mình. Vua Vệ biết rõ sự thật thì binh hai nước đã dừng-độ và quân Trịnh thắng thế. Vua Vệ một mặt ra lệnh rút quân về nước, một mặt phúc thư tạ lỗi Trang - Công. Công tôn Hoạt cô thế.

Khương-Thị sợ cho Hoạt bị giết thì Thái thúc-Đoạn tuyệt tự bèn đến năn-nỉ với Trang-Công mà xin tha tội cho Hoạt. Trang-Công một là vị lòng mẹ, hai là nghĩ rằng Hoạt không còn có thể làm gì được nữa bèn biên thư cho Vệ hầu xin cho cháu mình nương náu ở Vệ. Công-tôn Hoạt ở bên Vệ cho đến trọn đời.



Mười năm sau 3 nước Trịnh, Tề, Lỗ hội binh để đánh Hứa.

Trước khi ra quân Trịnh-Trang-Công điểm duyệt binh-sĩ, tể cáo trước tôn-miếu, hội chư tướng nơi giáo-trường và dựng cây cờ "mâu hồ" giữa ba quân. Cờ này làm bằng gấm, dài một trượng hai thước, có kết vô 24 cái lục lạc và có thêu 4 chữ lớn « Phụng Thiên thảo tội ». Cáo cờ thì cao ba trượng ba thước. Trang-Công ra lệnh : « Nếu ai cầm nổi cây cờ này mà bước đi như thường thì cho làm tiên-phong và thưởng một cái xe. » Nói chưa dứt lời thì quan đại-phu là Hà-thúc-Dinh hai tay nhổ cây cờ lên cầm chắc cứng mà đi, đi tới ba bước và lui ba bước rồi cựa lại chỗ cũ, hơi thở như thường, không có sắc mặt. Hà-thúc-Dinh vừa muốn tạ ơn và kêu người đánh xe về cho mình thì Đinh Khảo-Thúc xông ra một tay vén áo, một tay nhổ cờ rồi múa lia vùn vụt làm cho cây cờ cuốn rồi dũ, dũ rồi cuốn làm cho ai cũng phải khen phục. Trang-Công cả mừng mà nói rằng : « Thật là tướng cộp đó. Thôi lãnh xe mà làm tiên-phong. » Nói chưa dứt lời thì Công tôn Yết tự tử Đô tay chỉ Khảo-Thúc mà la lớn rằng : « Người biết múa cờ, vậy ta đây lại

không biết múa sao ? Xe ấy phải để lại đó. » Khảo Thúc một tay nắm chặt cán cờ, một tay kéo xe mà chạy như bay. Tử - Đô chạy lại chỗ để binh khí rút cây thiên-phương họa-kích mà rượt theo. Trang-Công cho người theo can gián Tử-Đô thấy Khảo-Thúc đi xa rồi thì giận lắm, thề rằng : « Ta nguyện giết nó. » Khi trở lại giáo trường thì được Trang-Công khen giỏi mà khuyên giải rằng : « Hai cộp chớ nên tranh nhau, để quả-nhân xử cho. » Vua cho Công-tôn Yết và Hà thúc Dinh, hai người hai cái xe khác.



Ba nước Tề, Lỗ, Trịnh hội binh phạt Hứa, bao vây kinh-thành nước này gât lắm. Quân dân trong thành kiên thủ luôn 2 ngày, qua ngày thứ 3, Đinh-Khảo Thúc đứng trên xe, tay cầm cây cờ "mâu hồ" nhảy tuốt lên thành. Công tôn Yết liền bắn Khảo - Thúc một mũi tên, người và cờ đều nhào xuống thành. Hà-thúc-Dinh thấy Khảo-Thúc rớt xuống ngỡ là bị quân sĩ trong thành bắn ra, bèn nổi giận chạy lại giật cây cờ,

nhảy phốc lên thành chạy giáp vòng mà hô lớn : « Chúa Trịnh đã lấy được thành rồi. » Binh Trịnh phấn chí nhảy lên thành, bửa cửa thành ra cho binh Tề, Lỗ ào vào. Vua Hứa trốn thoát qua Vệ. Trịnh-Trang-Công hậu thưởng Hà-thúc-Dinh nhưng thương tiếc Đinh-Khảo-Thúc và căm thù kẻ đã bắn lên để sát-hại một công-thần, một dũng-tướng, một người đã hàn gắn được mối tình mẫu-tử của nhà vua.



Những đoạn nói về Trịnh-Trang-Công khi nói chuyện với Đinh-khảo-Thúc, khi gặp mẹ dưới hầm, khi nể lời mẹ mà tha tội cho cháu, những đoạn đó chứng tỏ thêm rằng Trang-Công chưa thật đã phũ-phàng như Đông-Lai tiên-sinh đã nói. Về Đinh-khảo-Thúc tiên-sinh phê-bình như sau : « Nhờ lòng hiếu-thảo, Đinh-khảo-Thúc nổi danh ở nước Trịnh. Dùng một lời nói làm cho Trang-Công hồi tâm, ép Trang Công nhớ đến mẹ, điều ấy cũng khá khen. Nếu biết suy-xét lòng hiếu-thảo đến chỗ cùng tột thì sẽ thấy tòa ra khắp trời đất, đầy ngập cả bốn biển, Phàm về lý ở

trong thiên-hạ, không có gì ngoài đạo hiếu được, như vậy tại sao khi sắp đánh Hứa tranh giành chỉ một chiếc xe để tự giết mình? Đáng tiếc thay!

Lúc vấn-đáp với Trang-Công thì ôn-tồn, hiền-hậu, sao biết nhậ-nhận như vậy, còn lúc tranh-giành với Tử-Đô thì giận dữ rồi cướp giết, sao lại hung-tợn thế kia? Cũng trong thân của một người, tại sao mà trước với sau lại khác nhau dường ấy?... Đương khi cắt giã miếng thịt thì nhớ đến cha mẹ, còn trong lúc nắm kéo trục xe lại không tưởng đến cha mẹ? Như vậy, trước thì nhớ, sau lại quên, thành ra ngó thấy hình cha mẹ trong tô canh mà không ngó thấy hình cha mẹ trong «lộ xa»...

Hoặc có người hỏi: «Lúc đánh cùng nước Hứa, Đinh-khảo-Thúc quên mình leo trước lên thành, như vậy không phải là suy rộng đạo hiếu hay sao?»

Xin đáp: «Tranh xe là việc riêng, tức là bất hiếu; trèo tường lên thành là việc công, tức là hiếu. Tiếc mình là hiếu thờ cha mẹ, quên mình là trung thờ vua chúa. Nhưng trung với hiếu vào phải hai đường?...

Xưa Tả-khâu - Minh khen

Đinh-khảo-Thúc bằng mấy câu Kinh Thi: «Lòng hiếu khôn cùng chia cho đồng loại.» Nay xem lại chuyện trên, thấy bỏ cắt miếng thịt thì làm được: còn lùa bỏ trục xe lại không làm được, coi vậy thì hiếu thảo của Đinh-khảo-Thúc cũng có lúc cùng! Cảm-hóa được lòng của Trang-Công, không cảm hóa được lòng của Tử-Đô, coi vậy thì đối với đồng loại lắm khi cũng không chia sẻ được! Nếu Đinh-khảo-Thúc ngấm đi, ngấm lại vài ba lượt hai câu thì khen tặng, chẳng biết có hổ thẹn hay chăng?»

Đông-Lai tiên-sinh có lối văn thông suốt như nước chảy, mạnh mẽ như thác reo, gọi cảm, gọi tình, đưa linh hồn ta lên cao và bắt ta phải suy-nghĩ. Tiên-sinh khen Khảo-Thúc khi ôn-tồn nhậ-nhận cảm-hóa Trang-Công rồi lại chê Khảo-Thúc khi hùng-hổ giành xe với Tử-Đô để mua thù, chác oán. Theo tiên-sinh thì hiếu với cha mẹ cũng như trung với vua chúa không khác gì nhau cả. Có khi phải tiếc mình để giữ hiếu mà cũng có khi phải quên mình để giữ trung. Khi

cần phải quên mình mà lại tiếc mình tức là bất hiếu và cũng tức là bất trung. Nếu Khảo-Thúc nhảy lên tường thành mà bị quân địch giết chết thì ông đã vẹn trung mà lại còn vẹn hiếu vì ông đã tìm được cái chết xứng đáng, chết để giữ nước, giữ nhà, chết để báo-đáp quân-ân, chết để rạng danh cha-mẹ. Nhưng ông đã bị bạn đồng đội bắn lên vì ông đã gây ác-cảm với người ta, như thế là ông đã tự tìm lấy cái chết, ông đã ngó thấy hình cha mẹ trong tô canh mà không ngó thấy hình cha mẹ trong lộ-xa. Có người tự hỏi sao Đông-Lai tiên-sinh không chê Tử-Đô mà lại trách Khảo-Thúc? Con người tâm địa bản-thủ như Tử-Đô tiên sinh có thềm nói tới làm gì? Chính vì tiên-sinh thương Khảo-Thúc mà mới tiếc giùm cho Khảo-Thúc. Có điều tiên-sinh quá khắt khe và quan-niệm con người phải tận thiện tận-mỹ theo lý-trưởng của tiên-sinh.

Người một khối, người một khúc (l'homme d'une seule pièce) vất hiềm có ở thế-gian.

Con người cao-thượng cũng

có những giờ phút yếu hèn. Con người tầm-thường cũng có những giờ phút cao thượng. Chính những người được nuôi dưỡng bằng những tình-cảm thanh-cao nhiều khi cũng bị bản-năng thao túng hay bị chi-phối bởi ngoại-cảnh, ngoại-vật. Khảo-Thúc là một người con chí-hiếu nhưng lại là một dũng-tướng, ở thao-trường cũng như ngoài trận mạc thường bị khích-thích tới cực-độ và không chịu thua ai. Nếu ông chỉ biết giành xe với bạn đồng-đội mà không biết nhảy lên tường thành để phá giặc thì ông rất đáng chê. Nhưng ở cả hai hoàn-cảnh ông đều bị khích-thích thì những việc làm của ông trước sau đều chịu chung một qui-luật. Những lúc đó ông không tự-chủ được mình và ông đều không thể ôn-hoà từ-tồn như khi ông ngồi trước mặt Vua mà nói về hiếu-đạo. Điều chắc-chắn là không bao giờ ông có thể nghĩ được rằng có một thằng bạn đồng-đội hèn-hạ và khiếp-nhược như Tử-Đô.

Không nghĩ tới sự hèn-hạ của người tức là vẫn giữ cho tâm-hồn mình cao khiết.

ĐÊM XUÂN TRÔI

★ **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
(Sa-đéc)

Sương khuya vầy ngút vòm trời
Đường khô tiếng sỏi tiếp lời lang thang
Ta về hái quả trần gian
Lệ dài mỗi gót đi hoang cũng buồn
Quán khuya khép lạnh mắt hồn
Run tia sáng nhật ly còn khuya vang
Hồ rưng rưng nhớ canh tàn
Bơ vơ xe lộ kèn van sương mù
Đốt xương rắc giọng kêu sầu
Ngã ba tình cũng nhuộm màu lá rơi
Người ôm gậy khóc cuộc đời
Đêm xuân lạnh gió nằm ngoài hành lang
Phiếm trắng mỏng mảnh úa vàng
Nghe chùng trở rét ngút ngàn non xa
Thành mờ trắng giải người qua
Thuốc ngây mùi khét hồn ta loạn thẳm
Qua đêm giông nhớ trời ngăm
Đã hư vô hóa giấc nằm bên sông.

TRUYỆN NGẮN NGOẠI-QUỐC



★

G

BA CÔ GÁI TRÊN MIỀN BẮC CỰC

★ *Evelyn Berglund Shore*

● **ĐẶNG-HỮU-HỒ** dịch

TÔI 11 tuổi, chị hai
tôi 12 và đứa em gái
ít của tôi mới lên 8, khi
cha tôi bị bán thân bắt toại phải
mang vào bệnh viện và ông không
bao giờ về nữa...

Chỉ còn lại ba đứa chúng tôi
sống cùng với người mẹ trong
chiếc lều săn ở giữa miền Alaska,
về phía cực bắc, cách Fort-Yukon,
450 cây số, thành phố độc nhất
mà chúng tôi chưa được biết, nơi
đó chúng tôi sẽ tới để bán những
bộ da súc vật và mua sắm những
vật dụng cần thiết cho mùa đông.
Thành phố nhỏ nhoi, dân số chỉ
có đúng 304 người.

— Đây các con, mẹ tôi nói với
chúng tôi, giờ đây các con phải

quên các con là những đứa bé bông. Chúng ta chỉ còn trông cậy vào chúng ta mà thôi.

Chúng tôi gồm cả thầy bốn người, một người đàn bà và ba đứa nhỏ, phải kéo dài cuộc sống ở nơi miền Bắc cực cái nghề đi săn thú lấy da, cái nghề đã làm cho cha chúng tôi phải tàn tật, vì ngoài ra chúng tôi không còn biết một nghề nào khác, và cũng không biết một phương trời nào khác.

Tôi còn nhớ mãi cái kỷ-niệm đầu tiên của tôi hồi tôi mới ba tuổi, cái tuổi mà tôi chắc chắn rằng mọi đứa trẻ khác không thể nào nhớ được như tôi. Tôi đi chơi hơi quá xa căn lều và tới gần con ngòi, cách nhà chừng vài trăm thước. Ba con chó nhỏ đang đùa rón nơi dọc bờ ngòi — tôi cũng tưởng rằng đó là ba con chó con bởi vì tôi chưa hề được trông thấy những con thú khác. Tôi tới nó rón, chạy nhảy, lăn lộn trên đám cỏ với chúng.

Một chập sau, tôi trông thấy đứng sừng sững trước tôi một hình thù không lồ; một con chó đứng trên hai chân và to lớn gấp mười lần những con chó mà chúng tôi nuôi ở nhà. Con vật nhìn tôi không cự quảy. Đùa rón với lũ

chó nhỏ, tôi không hiểu nó đã nhìn tôi như vậy bao lâu, bởi vì ngay lúc đó tôi nghe thấy có tiếng gọi của cha tôi đang đi tìm tôi.

“Evelyne, Evelyne, con ở đâu?”

Con vật không lồ và ba con nhỏ vội vàng chạy trốn và biến dạng trong khu rừng rậm, còn cha tôi thì ôm ghì tôi vào lòng: “Sao con dám đi xa một mình như vậy!...”

Tôi đã nô rón với ba con gấu con dưới mắt của con gấu mẹ hoặc gấu đực, một loài rất khoẻ và rất dữ tợn.

Trong suốt thời gian những tháng mùa đông dài đằng đẵng, khi cha mẹ chúng tôi đi săn và gài bẫy, ba đứa chúng tôi, Elsie, Hazel và tôi được lệnh tuyệt đối không được ra khỏi lều hoặc những căn nhà nhỏ bằng tuyết mà chúng tôi tự xây lấy ở bên cạnh lều dùng làm nơi giải trí, chơi đồ chơi — những đồ chơi kỳ cục nhất thế giới mà chúng tôi làm bằng nước... Chúng tôi vẽ những hình con chó hoặc búp bê, những con vật khác lên trên tảng tuyết lớn rồi chúng tôi cắt chúng ra bằng chiếc lưỡi cưa thép nhỏ.

Nhưng đến khi chúng tôi biết đi, chúng tôi cũng chơi trò chơi

đi săn bằng bẫy mà chúng tôi đã làm lấy. Chúng tôi cũng bắt được những con rái cá, những con chồn trắng và, vào năm 7 tuổi, tôi có thể tự làm, cũng như chị và em tôi, một chiếc áo khoát nhỏ bằng bộ lông của những con vật mà tôi bắt được.

Một ngày, Hazel — lúc đó lên 10 — và tôi đi thăm bẫy bằng xe trượt tuyết, thì bọn chó kéo xe bỗng đứng dừng lại bên cạnh chiếc hồ nhỏ. Chúng tôi không thể làm cách nào để cho chúng tiến bước được. Núp trong tuyết, bọn chó, tai cụp xuống, kêu rên rĩ làm chúng tôi không hiểu cái gì đã làm cho chúng đột ngột dừng lại. Hazel nhảy ra khỏi xe tìm cách xoa dịu chúng thì tôi nhìn vào cánh rừng trước mặt, tôi hiểu ngay lập tức lý do đã làm cho những con chó đứng lại.

— Lẹ lên Hazel! tôi kêu to... Chó sói! Cho lũ chó quay lại mau!

Ngay lúc đó, bốn con chó sói lớn, lông màu xám, từ trong rừng nhảy ra và đứng chắn lối đi của chúng tôi. Hazel vội vàng kéo lũ chó quay đầu trở lại. Bọn vật trước đây mấy phút nhất định từ chối không chịu tiến bước, trở nên mạnh bạo một cách cuồng nhiệt

khi nhìn thấy đường về. Chúng lao nhanh kéo chiếc xe đi làm cho Hazel không kịp nhảy lên xe. Hazel còn ở phía sau xe đến vài thước và riêng tôi đã cố tận lực ghì thẳng xe lại cũng không được.

— Evelyne, Evelyne! Giữ chúng lại cho chị với! Hazel sợ hãi la lên.

Và, với một sự cố gắng phi thường, Hazel bám được sau xe. Trong khoảng mấy chục thước, Hazel bị lôi đi trong khối tuyết mềm, trong khi đó, lũ chó sói hú lên rừng rợn. Khi Hazel leo lên được bên cạnh chỗ tôi, người dính bê bết tuyết, bọn chó sói đã lao vào trong rừng rậm.

Một mùa đông, chúng tôi chợt nhận thấy trong nhà không còn chút lương thực dự trữ nữa. Mặc dù bị đau, cha tôi bắt buộc phải đi tới Fort-Yukon bằng xe trượt tuyết để kiếm lương thực. Hôm ông ra đi, trong nhà chỉ còn có một chén gạo. Bốn mẹ con chúng tôi chỉ ăn ngỗng trời bắn được cùng những con thỏ bắt ở bẫy để sống trong thời gian ông vắng mặt. Khi cha tôi về — vào khoảng mười lăm hôm sau — mẹ tôi đã kiêu hãnh dẫn ông tới tủ đựng thức ăn:

chén gạo hãy còn ở đó!

— Minh xem, bà nói, mẹ con chúng tôi vẫn để dành cho mình đó. Bây giờ tôi phải làm bánh cho mình mới được.

Vào mùa hè năm sau, sau nhiều cơn mệt nhọc quá độ, cha tôi mắc bệnh và chúng tôi phải đưa ông tới bệnh viện ở Fort-Yukon... Giờ đây vắng ông, chúng tôi phải tự tổ chức lấy cuộc sống.

Một người đi săn thú khác, trong vùng ai cũng biết tiếng, tên là John Roberts, đã già, với bộ râu rất rậm màu đỏ hoe cũng tới bán những bộ lông thú, hiểu tình trạng của chúng tôi, liền tìm mẹ tôi để nói chuyện.

— Tôi chỉ có một mình, ông ta nói, và tôi đã 60 tuổi rồi. Tôi thiết nghĩ, chúng ta nên hợp nhau để sống...

Ông già John được nổi tiếng khắp vùng Cực-bắc là người săn thú rất can đảm và rất thẳng thắn. Vì vậy mẹ tôi vui vẻ nhận lời.

Trước hôm chúng tôi vượt con ngòi bằng hai chiếc tàu đựng đầy vật thực để trở về, lại đứng là ngày sinh nhật của tôi. Tôi được 12 tuổi.

— Này con, mẹ tôi nói đúng lúc khởi hành, đây là món quà

sinh nhật của con.

Đó là một khẩu súng cạc-bin Krag 30-40 rất đẹp.

Cuộc đời đi săn thú của tôi chính thức bắt đầu với mẹ tôi, với người chị 13 tuổi, cô em gái 10 tuổi và một ông già ngoài 60. Vào mùa hè, chuyên săn thú lấy thịt và khi mùa đông tới thì bắt đầu săn thú lấy bộ lông. Chúng tôi chỉ nghỉ khi mực nước con sông «Rivière Noire» và «Rivière des Saumons» lên và xuống để mang lông thú tới Fort-Yukon bán và khi trở về, mang theo vật dụng sắm được.

Chuyến đi đầu tiên cũng có xảy nhiều chuyện. Khi còn cách nơi ở độ 100 cây số thì con ngòi bị cạn. Chúng tôi đành phải chờ đợi con nước dâng lên mới tiếp tục đi được. Chúng tôi kiên nhẫn chờ đợi vào khoảng mười lăm hôm, cắm trại trên một cồn cát có hăng hà sa số muối. Chúng không hề đề cho chúng tôi yên một phút nào.

— Chúng ta phải đốt lửa chung quanh lều vài đề xua đuổi muỗi, mẹ tôi nói. Nếu không, nơi đây sẽ trở thành cái địa ngục. Chúng ta không thể nào chợp mắt được.

— Đúng vậy, ông John nói, nhưng chúng ta phải làm cho lũ chó trước đã.

— Tại sao lại phải làm cho lũ chó trước? Hazel hỏi.

— Bởi vì, nếu không có lửa đề xua muỗi, chúng sẽ chết trong vài ngày.

Và Ông già John kể cho chúng tôi nghe tại sao ông ta mất hết đám chó khi ông ta vượt con ngòi lần đầu tiên. Nhiều muỗi đến nỗi không thể nhắm súng bắn được. Chúng hợp thành một thứ lưới rậm rạp trước mũi súng. Ông John phải đào năm cái hố cho năm con chó nằm. Mặc dầu đã đề phòng như thế, những con vật khổng lồ ấy vẫn bị muỗi quấy phá. Qua đêm đầu tiên, một con chó đã chết vì bị muỗi cắn. Hôm sau, thêm hai con nữa quì. Trong hai con còn lại, một con ông ta đã mượn của một người bạn. Đề bảo vệ con này, ông già đề cho nó nằm ngủ trong mùng với ông. Nửa đêm ông già giật mình thức giấc vì con chó đã trở điên bởi những nốt trịch của đàn muỗi những đêm trước. Con vật nước dãi chảy đầy mép, sủa dữ dội và định nhảy lên cắn cổ ông. Ông già chỉ còn kịp với khẩu

súng lục bắn chết nó. Chỉ còn một con, nhờ bộ lông dày nên đã sống sót.

Chúng tôi trải qua hai tuần lễ giữa nơi đầy mùi khói vẫn không đủ xua đuổi hẳn bọn muỗi.

Lũ chó hầu trở nên nóng nảy. Thỉnh thoảng tôi phải tháo giày, dẫn chúng đi dạo quanh. Một lần phải dẫn sáu con cùng đi, tôi đã buộc hết giày xích vào chung quanh giày nịt của tôi cho tiện.

— Cháu điên rồi, tháo giày ra ngay, ông già John kêu tôi, chúng không bị bites mồm, và nếu chúng đánh nhau, cháu sẽ bị xé ra từng mảnh đấy.

— Không thể xảy ra được với cái này, tôi vừa nói vừa dơ cao cho ông coi cái gậy lớn tôi cầm nơi tay. Cái này sẽ làm cho chúng im hết.

Nói rồi tôi dẫn lũ chó vô phía rừng, bỏ ngoài tai những lời khuyên của ông già. Chỉ trong ít phút, một trong lũ chó vì bị khó chịu bởi muỗi đốt, bắt đầu rón với con chó khác. Con thứ ba cũng bắt chước. Lập tức tôi bị ở giữa cuộc ẩu đả. Tôi vụt chúng vài gậy thiệt mạnh. Rất mạnh! Tới gậy thứ ba, chiếc gậy bị gãy đôi: chỉ còn lại nơi tay tôi một

khúc gỗ ngắn. Không còn gì để làm cho chúng im, lũ chó nhầy loạu xạ vào nhau, lôi kéo tôi vào giữa cuộc chiến đấu. Tôi cố gắng nhưng vô hy vọng khi muốn tháo những giây buộc chúng ra. Đã muộn quá rồi.

Bị sáu con chó quần thảo chung quanh tôi, tôi không còn tự do hành động được nữa. Chỉ còn một hy vọng, cố gắng lết tới chiếc gậy mà tôi vừa chột nhìn thấy cách đó độ mười thước. Tôi cũng tới nơi được nhưng cuộc hỗn chiến đã trở nên dữ dội làm tôi bị té vì vướng dây xích. Tôi bị nằm dưới bốn chó hung dữ đang nhầy chồm lên nhau một cách ác liệt. Vài phút sau, tôi cũng bị chúng cắn phải. Cố gắng một cách tuyệt vọng, tôi với tay nắm được chiếc gậy. Thế là, tôi vụt lấy vụt để vào người chúng và cuối cùng, tôi đã tái lập được trật tự. Cũng từ đó tôi luôn luôn nghe lời khuyên của già John.

Từ lúc chúng tôi trở về tới căn lều, vào trung tuần tháng tám, tôi đã bắt đầu cùng mấy chị em theo nhịp sống săn thú đã thật là của chúng tôi. Trước hết là đi săn những con hươu và caribou để có nhiều thịt dự trữ trong mùa đông. Tôi được 12 tuổi một

tháng thì tôi giết được con hươu đầu tiên. Tôi nhận thấy nó đứng cách tôi khoảng một trăm thước, đôi sừng nhẵn bóng vượt khỏi lùm cây. Tim đập mạnh, tôi nổ phát súng cạc-bin đầu tiên.

— Giỏi da, ông già John reo to, cháu giỏi lắm, cháu bắn trúng rồi.

Nhưng tôi chỉ làm cho nó bị thương mà thôi. Nó đang cố gắng đứng dậy. Ông John và tôi chạy lại phía con vật quỵ xuống.

— Kết liễu nó đi, ông John kêu to, phần cháu đây !

Tôi nhắm đầu con vật nhưng đến khi định bắn thành linh tôi bị suy nhược hẳn đi. Tất cả như nhầy múa chung quanh tôi, tôi không còn nhìn thấy mồm con vật nữa mà tôi nhìn thấy 7-8 cái mồm quay tròn trước mắt tôi.

— Già John hãy bắn đi, cháu không còn có can đảm để bắn nữa.

Rồi chính ông già đã bắn phát súng ân huệ. Nhưng rồi tôi cũng lấy lại được sự cứng rắn rất nhanh, bởi vì đối với người săn thú, dù là đàn bà, dù là cô gái chẳng nữa, không thể để cho trái tim mình quá ư đa cảm, xúc động... Và lại, con hươu đôi khi có thể

trở nên con vật nguy hiểm.

Một ngày, lúc đó là mùa hè, Elsie và tôi đang giúp mẹ để giặt quần áo thì chúng tôi nghe thấy những tiếng kêu man rợ bên cạnh cối chóc sắn. Tôi bước ra sân, phía trước căn lều để coi. Một con hươu rất lớn vừa vào tới sân và định xông thẳng vào phía cửa nhà mở. Tôi vội vàng đóng ngay cửa lại vừa đúng lúc con vật húc sừng vào cánh cửa làm rung chuyển cả căn lều. Nó làm như vậy đến hai ba lần. Những bức tường bằng những khoanh củi tồn càng lúc càng rung mạnh. Thiệt đáng buồn, Hazel đã đi săn với Ông John, còn khẩu súng thứ ba — khẩu của tôi — thì lại gác ở ngoài sân. Chúng tôi chỉ còn đành ở trong nhà chờ cho con vật mệt nhọc và bỏ đi.

Thình lình con vật trông thấy tám vải phơi trên giây kềm căng ngoài sân. Như bị quyến rũ bởi một mục-phiêu mới, con hươu lao tới và đôi sừng vướng vào giây kềm, con vật lỏng lộn giằng dứ trong đồng vải cuộn tròn. Khi nó thoát ra được, tôi rụng rời chân tay lúc nhìn thấy một trong số áo của tôi bị móc vào đôi sừng của nó. Đó là chiếc áo đẹp nhất của tôi, màu hồng chấm hoa

xanh và vàng, viền dentelle. Con vật lắc lắc đôi sừng cho rơi chiếc áo xuống, nhưng, như không thể kiên nhẫn được, nó chạy biến dạng vào trong rừng mang theo chiếc áo quần trên sừng trông như một lá cờ kỳ dị kêu phàn phật trước gió. Tôi nhẩy ra sân để nhặt khẩu súng, nhưng con hươu đã chạy quá xa rồi. Từ hôm đó, tôi đã bớt lo ngại khi giết loài hươu.

Trong những khu vực săn bắn, rất xa nơi trú ngụ của chúng tôi, chúng tôi đã làm rất nhiều «kho chứa». Đó chỉ là những loại đựng thức ăn rất lớn bằng gỗ tùng, làm rất chắc chắn để đựng những con vật đã được chặt nhỏ, để nếu buổi chiều chúng tôi không về được nhà hoặc đi săn liên tiếp nhiều ngày thì đã có thức ăn đó rồi.

Một buổi trưa, khi trở về chỗ xây trạm thức ăn nơi chúng tôi để dành hai con hươu và ba con (caribou) mà thịt của nó rất ngon và béo, chúng tôi chỉ tìm thấy một đồng củi tròn y như có một trận cuồng phong nổi lên tàn phá «kho chứa» của chúng tôi. Không còn lấy một miếng thịt. Đây đó vương vãi từng khóm lông đen.

— Con gấu rồi ! Hazel dậm

chân một cách giận dữ. Ô, thiệt là con vật khốn nạn...

Tôi chăm chú nhìn khoảng đất chung quanh chúng tôi, hình như bị đào sới.

— Nó chưa thể ăn hết được đâu, tôi nói với chị tôi. Chắc chắn là nó đã chôn một phần lớn thức ăn. Hãy chờ nó trở lại, rồi chúng ta sẽ trả thù.

Hai chúng tôi đi tìm chỗ nấp kín đáo, cách khoảng độ độ năm mươi thước. Chúng tôi đợi không lâu. Chỉ độ hai mươi phút sau, chúng tôi nhìn thấy một con gấu lớn đi lắc lư tới chỗ « kho chứa » cũ của chúng tôi. Nó đánh hơi dưới đất rồi lấy chân cào, đào lên được miếng đùi con hươu. Khi nó sắp sửa nhấm nháp thì Hazel nổ súng. Nhả vội miếng thịt, con vật lao nhanh lại phía chúng tôi. Tôi lướt tới nổ súng, con vật vẫn tiến tới. Hazel nổ phát súng thứ ba. Con vật quỵ xuống khi nó còn cách chúng tôi độ mười thước.

Khi chúng tôi không đi săn, chúng tôi chặt củi để dành cho mùa đông cùng là cắt cỏ để làm những ổ cho lũ chó, hoặc đi hái dâu để mẹ chúng tôi làm mứt.

Một buổi trưa, tôi và Elsie, khi này đã được 11 tuổi, đi hái dâu.

Bụi cây dày đặc. Em gái tôi mãi hái dâu nên đi hơi xa. Tôi không nhìn thấy nó, và bất chợt, tôi nghe thấy nơi phía rừng trước mặt, có tiếng nhai tóp tép, đều đặn.

Này Elsie, tôi nói, đừng có ăn dâu nữa và ra khỏi chỗ đó đi.

Nói xong, tôi bước lẹ về phía mà tôi tưởng là lưng em gái tôi. Ngay lúc đó, tôi thấy đứng trước mặt tôi một con gấu nâu rất lớn, cũng giống như chúng tôi, đang « hái » những trái dâu. Tôi đứng câm lặng, toàn thân run rẩy. Về phía con gấu, hình như nó cũng ngạc nhiên. Ngay lúc đó, Elsie cũng chui ra khỏi bụi cây.

— Có chuyện gì thế chị? Chị vừa nói gì vậy?

Nhìn thấy tôi đang đứng trước con gấu, Elsie rú lên. Trong ba đứa chúng tôi, vậy mà chính con gấu lại cuống cuống, kinh hãi vội lùi sâu vào trong bụi để rồi lại tiếp tục nhấm nháp những trái dâu.

Vào buổi đầu tháng 11, khi tuyết bắt đầu rơi là lúc đi đặt những bẫy thú và nhận đường đi săn. Cha chúng tôi đã tạo được một đường vòng khoảng 500 cây số mà chúng tôi phải tiếp tục khai thác và gìn giữ. Đầu tiên chúng tôi phải nhìn nhận những dấu, ghi lại những dấu trên cây nếu nó đã

bị mất, xem lại tình trạng tám căn đều săn và 12 lều vải nằm cách quãng vòng 500 cây số đường săn.

Khi mùa đông tới, Hazel và tôi, mỗi người một xe lướt tuyết có ba con chó kéo. Chị tôi đã 13 và tôi 12 tuổi. Elsie và mẹ tôi ở lại nhà. Ông già John cũng theo chúng tôi trên chiếc xe thứ ba. Xe chúng tôi chở đầy đồ bởi chuyến đi này lâu tới một tháng. Một trong những căn lều đã bị bão tàn phá, lập tức chúng tôi làm chiếc khác thay thế.

Đối với chúng tôi, chuyện đặt bẫy săn hoàn toàn là mới mẻ, vì nó cần phải hết sức tế nhị và đích xác. Đối với bọn chó sói, cáo thì cần phải đặt dọc theo lối đi những chiếc bẫy cùng với những miếng thịt hươu thay vì để mỗi nơi có dấu vết của chúng... Nhưng đối với những con chồn, con rái cá, con chồn trắng mà hầu hết trên những đồi mọc cây tùng có đầy rẫy thì chúng tôi phải tránh xa lối dấu đi.

Những chiếc bẫy cũng phải làm rất đặc biệt, với những chiếc lò xo dính vào cành cây rất mềm dẻo để khi con thú bị mắc phải nó sẽ bị treo cao khoảng 2 t 50, tránh được lũ cáo và chó sói chạm tới. Nếu khu đặt bẫy bị lũ sói quấy phá,

chúng tôi phải đặt những chiếc giày bằng thép chứ không dùng giày gai sẽ bị chúng cắn nát.

Sau khi đặt bẫy độ một tháng, chúng tôi trở lại thăm kết quả. Cuộc đi này rất phấn khởi nhưng mệt nhọc hơn lúc ban đầu. Một đôi khi, những con đường đi đều bị tuyết phủ dày hằng nhiều thước, và một trong chúng tôi bắt buộc phải đi trước xe, với đôi mảnh gỗ buộc nơi chân dùng để san phẳng mặt tuyết.

Mẹ tôi thì đi chung với Hazel và Elsie, còn tôi đi chung với già John. Lần đầu tiên, khi tôi phải mang những mảnh gỗ nơi chân, tôi có cảm tưởng như đang mang đế giày bằng chì và tôi sẽ khóc, khi lên bước trước chiếc xe nếu già John không nhìn soi bói tôi và tôi chỉ muốn ngồi bệt xuống trước xe. Khi đi tới chiếc lều đầu tiên, tôi đã làm hư một mảnh gỗ.

— Thiệt là rầy rà, ông già nói. Sáng mai, cháu phải lái xe vậy.

Tôi hiểu ngay, sáng hôm sau, khi tôi phải chỉ huy và giữ tám con chó. Thiệt là mệt lử người. Chiều hôm đó, dù mệt lả, tôi cũng phải sửa lại mảnh gỗ.

Chúng tôi đặt lại những chiếc

bầy và đều đều mỗi tuần đi thăm từ tháng 10 tới tháng tư, mang về nơi ở không ngừng những con vật đã bị lột da và thuộc từ đầu mùa xuân. Công việc chúng tôi làm không ngừng ngay khi tới lều ở, bởi vì chúng tôi còn phải nhúm lửa, thu xếp chỗ nằm và làm bữa ăn tối. Công việc càng nặng nề hơn khi số thú bầy được càng nhiều. Với những con chồn, con rái cá thì dễ mang đi, nhưng lũ cáo, chó sói thì không được.

Tôi còn nhớ một ngày mùa xuân — khi tôi 17 tuổi — một kỷ niệm không bao giờ quên được. Lần đó tôi cùng đi với mẹ tôi và Elsie. Buổi sáng, khi thức giấc, tôi vén cửa làm bằng da con (caribon) để ra ngoài lều, tôi nhìn thấy hàn thử biểu chỉ 40° dưới số không. Chưa bao giờ lạnh đến như vậy. Cũng ngày hôm đó, chúng tôi phải đi nhấc bầy ở một nơi rất xa và chúng tôi chỉ có một xe thôi.

Vào buổi chiều, trời càng lạnh kinh khủng và chúng tôi phải giải quyết một việc hệ trọng. Chúng tôi thu được tám con chó sói và hai con cáo. Làm sao kéo hết số súc vật đó trên một chiếc xe?

— Chỉ còn một cách là lột da một hoặc hai con tại chỗ, Elsie nói.

— Với nhiệt độ này ư, mẹ tôi nói. Con không điên đấy chứ? Tay con sẽ bị cứng lại.

Nhưng Elsie đã tháo bỏ đôi găng da. Tôi cũng bắt chước đưa em gái. Công việc làm mất hai mươi phút. Khi làm xong, Elsie và tôi không thể nào cử động nổi những ngón tay. Tay chúng tôi cứng lại và đỏ bầm, những ngón tay tách ra như những ngón tay của lũ hình nhân mùa rỗi. Mẹ tôi phải xỏ găng cho chúng tôi, từng ngón một rồi chính bà phải đưa xe về.

Sau một tuần lễ đi tháo bầy, phải ngủ trong lều, giữa trời lạnh, thật là sung sướng khi trở về nhà được thấy lại những chiếc giường, nhà bếp, những đồ đạc, những tấm thảm bằng da gấu, chiếc máy hát và bộ quần cờ. Chúng tôi thấy như là một chiếc lều dài nhỏ.

Một chiều, chúng tôi trở về nhà sau một tuần đi mệt nhọc, chúng tôi thấy cửa mở bung ra và trong nhà đồ đạc bị xáo trộn hết cả, y như có một vụ cướp phá. Elsie, châm đèn đèn nhìn xem những sự thiệt hại, chợt kêu lên:

— Hãy nhìn kia... Có kẻ nào ở trên giường của mẹ.

Đó là một con gấu đang nằm ngủ ngon sau khi ăn hết những hộp mứt và thức giắc bởi ánh đèn.

Không chần chờ, Hazel nã một phát súng đạn trúng giữa đôi mắt con vật, và kết liễu ngay đời nó.

Đã mười hai năm chúng tôi sống giữa miền Bắc cực, cũng như mọi người dân ông, chúng tôi sẵn những thú lấy da và bộ lông, chúng tôi bắt đầu mơ ước được sống một đời sống êm dịu, trong một bối cảnh đỡ vất vả và đỡ man rợ. Ông già John, đã 75 tuổi, không thể làm được việc gì nữa, và mẹ tôi cũng luôn luôn ở nhà. Chỉ còn lại ba chị em chúng tôi làm nghề săn thú mà thôi. Fort-Yukon với dân số 304 người, với chiếc nhà hai tầng. — bệnh viện của giáo phái Tin Lành — đã là thành phố lý tưởng của chúng tôi mà chúng tôi không ngớt mơ tới và chúng tôi tính ép buộc mẹ chúng tôi bán khu đất sẵn sẵn đi để tới đó mở một tiệm bán thịt. Chúng tôi tính, khi tôi hai mươi bốn tuổi — mùa hè tới chúng tôi sẽ để cho mẹ tôi đứng trước một việc đã rồi.

Nhưng tôi đã không có thì giờ để chờ đợi. Sau lần đi Fort-Yukon, tôi đã làm quen với một chàng thanh niên và anh ta đã gửi thư hỏi tôi làm vợ. Đó là vào

tháng hai, đúng thời gian phải đi nhấc bầy. Tôi không do dự một phút nào. Không hề nói cho ai biết, tôi lấy xe trượt tuyết và sáu con chó đi thẳng tới Fort-Yukon.

Tôi đã gặp «vị hôn-phu» của tôi đang sốt ruột đợi chờ tôi tại đây. Khi tôi quen biết chàng, hồi năm trước, chàng làm việc trong một hãng buôn chính ở địa phương.

— Em, chàng ôm ghì tôi trong tay, anh có một tin rất tuyệt diệu để cho em hay. Chúng ta có thể sống tự do được rồi.

— Nghĩa là sao? tôi áy náy hỏi.

— Với số tiền dành dụm được, anh sẽ mua một miếng đất sẵn sẵn.

Thiệt đúng là định mệnh. Tôi lấy chàng ngay ngày hôm sau. Rồi, cùng với chồng tôi, tôi không hề ngưng tiếp tục cuộc sống mà tôi đã sống và tôi sẽ tiếp tục mãi cho tới lúc chết.

Và khi mà đứa con trai lớn của tôi được 12 tuổi, tôi cũng sẽ tặng cho nó khẩu cạc-bin Krag cũ kỹ của tôi để làm quà sinh nhật của nó.

CHARLIE CHAPLIN



CHARLOT

(Tiếp theo P. T. số 55)

Những người vợ của Charlie Chaplin

Nói theo

Tưởng-số, thì
tiền - vận và
trung - vận của
Charlie Cha-
plin không
được tốt. Ông

bị khổ nhiều lần vì đàn-bà. Tuy
về công danh sự-nghiệp, tiếng tăm
nổi dậy như cồn, nhưng về tình-
duyên ông thường bị lừa gạt,
phá - hại tiền-của, mà còn bị xúc
phạm đến danh-dự nữa.

Sau khi đã sáng-tạo ra nhân-vật
Charlot trên màn-ảnh để chế-riếu
những bất-công của loài người và
những lỗi - lãng của xã - hội, và
được công-chúng khắp thế-giới
nô-nức hoan-nginh, ông liền bị
một bọn tiểu-nhân ganh-ghét và
cố - kích kịch liệt. EDNA
PURVIANCE, một thiếu-
nữ trẻ - đẹp, được Charlie
Chaplin tuyển chọn đóng vai
chính trong mấy phim của ông,

và được ông quý mến. Đóng
phim xong, ông đưa Edna đi du-
lịch trên đảo Honolulu. Cùng đi
theo ông, có người thư-ký riêng
của ông, tên là Bob Wagner. Lúc
trở về Mỹ, Bob trao ông một tập
bản-thảo mấy trăm trang do chàng
đã lén-lút viết về đời tư của ông
với cô Edna ở Honolulu. Ý cố
ý "làm tiền" ông. Charlie Chaplin
điềm nhiên xé vụn quyển bản-thảo
bản-thủ ấy vào xọt rác, và trao
cho y 2000 Mỹ-kim. Một vài tờ
báo ghét ông, biết rõ vụ ấy liền
chụp co-hội đề làm rùm lên, với
mục-dịch làm nhục ông. Thế mà ai
cũng biết rằng cậu thư-ký trẻ tuổi
trước kia bị thất-nghiệp, nghèo
đói, đã được Charlie Chaplin
đem về nuôi, cho làm thư-ký
riêng, và cho tiền bạc tiêu xài
thả cửa! Sau người ta điều-tra
ra rằng cậu thư-ký phản chủ, Bob
Wagner, sớ dĩ làm việc khôn-nạn
kia là do tờ báo của một hãng
phim cạnh-tranh, thuê tiền cậu
làm!

Kế-tiếp vụ ấy, Charlie Chaplin
còn bị nhiều vụ khác nữa: bị vu-
khống, bị làm tiền bằng cách này
hay cách khác, và bị chửi-bới!
Charlie Chaplin, vẫn điềm nhiên,
không thèm đếm-xỉa đến những
kẻ tiểu-nhân muốn làm hại mình.
và cứ tiếp tục sản-xuất những
cuốn phim hài-hước để làm cho

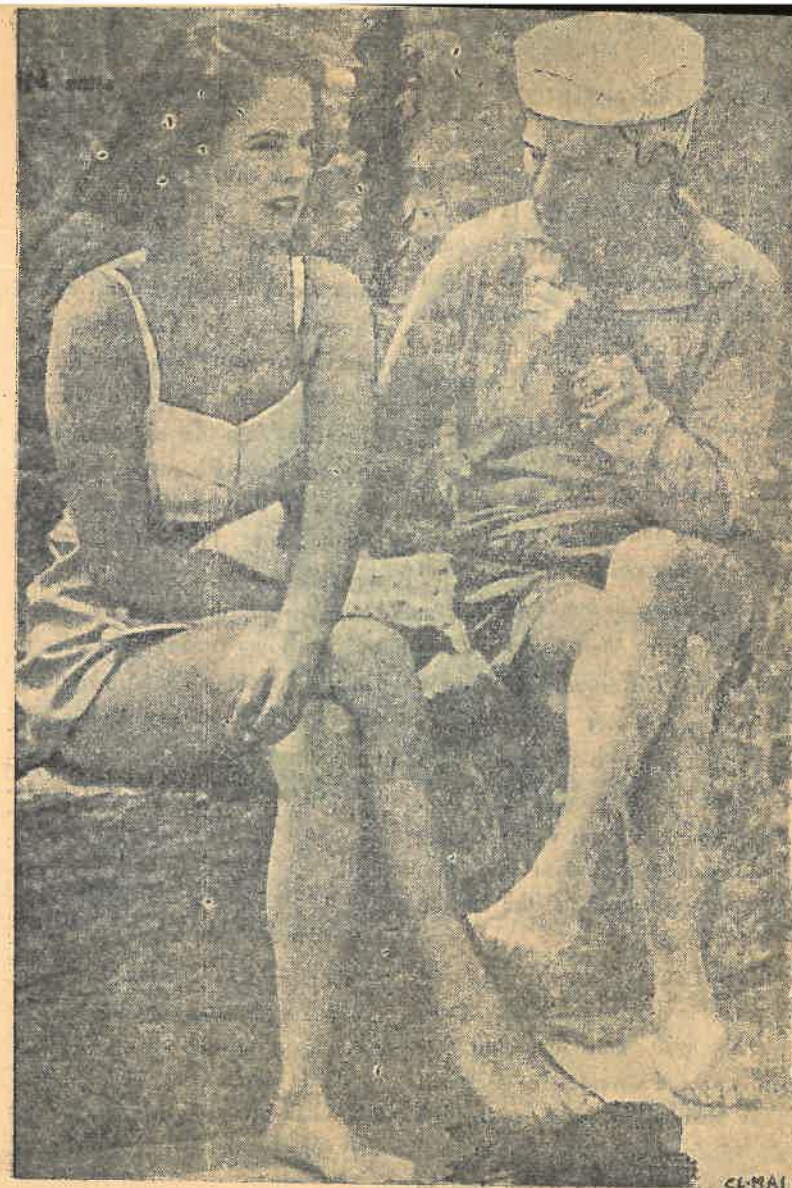
người ta cười những cái lơ-lãng của văn-minh vật-chất, và những bất công, tàn nhẫn của xã-hội loài người. Người cuối cùng làm hại Chaplin, là ADOLPHE MENJOU. Y là một anh bồi bàn trong một tiệm ăn, bỗng chốc trở nên tài-tử màn bạc, do chính Charlie Chaplin đỡ đầu và tiến-dẫn vào nghề. Nhờ Chaplin, y được chút-ít tiếng-tâm, nhưng rồi y lại trở mặt phản-bội, tố-cáo với ban Mật-vụ Bài-Cộng của Mỹ rằng Charlie Chaplin là «thân Cộng». Do đó, Charlie Chaplin bị trục xuất ra khỏi xứ Huê-Kỳ.

Không chung sống được với Edna Purviance, một thiếu-nữ trẻ đẹp mà ông đã gây-dựng nên một Minh-tinh màn-ảnh lừng-danh một dạo Charlie Chaplin đột nhiên kết hôn với MILDRED HARRIS. Nàng cũng mới có 20 tuổi, nhưng tính nết quá lãng-mạn, nên ông phải ly-dị một năm sau. Vụ ly-dị này xảy ra cũng đột-ngột như cuộc thành-hôn đã làm cho cả Hollywood vô cùng kinh-ngạc. Cũng do một hăng phim cạnh-tranh xui-giục, Mildred quyết làm quảng-cáo vụ ly-dị với Chaplin cho rầm-rộ, để nhân dịp tự đề-cao năng luôn thể. Nàng tuyên-bố với các tờ báo Mỹ nhiều chuyện bịa-đặc rất vô-lý về những tích xấu của chồng. Nhưng nàng bị đả-

kích nhiệt-liệt bởi một số đồng công chúng yêu tài-nghệ của Charlin Chaplin và tôn-trọng đời tư của ông. Và lại, ai cũng biết rằng đời tư của Chaplin không có gì xấu xa cả, chỉ những kẻ ganh-ghét, hoặc lợi-dụng làm tiền mà không được, mới tìm cách vu-khống nhà Nghệ-sĩ tài-hoa của nhân-loại. Đa số các báo đều bênh-vực Charlie Chaplin, và mỗi lần chiếu phim của ông thì công-chúng đồ-xô nhau đi coi để hoan-hô một nhân-tài của Màn-Ảnh.

Charlie Chaplin kết-hôn với PAULETTE GODDART, một Nữ tài-tử khác. Đây là người vợ thứ tư của ông. Đôi tài-tử dẫn nhau đi du-lich một tuần trăng-mật vòng quanh Á-Đông, có ghé thăm Việt-Nam. Đến Hà-nội, Charlie Chaplin được công-chúng niềm-nở đón rước.

Nhưng hạnh-phúc của đôi uyên ương Màn-Bạc chỉ bền được hai năm. Sau cuộc ly-dị, Charlie cưới OONA, con gái út của nhà Đại kịch-sĩ Anh, O'NEILL. Hồi cưới Oona, Charlie đã 60 tuổi, cô vợ trẻ 18 tuổi. Đây là người vợ thứ năm của của Chaplin, và cũng là người vợ cuối cùng, đem lại cho ông sự yên-tĩnh hoàn-toàn, và một tình yêu dịu-dàng, tha-thiết. Oona hiện còn đang sống với ông ở Suisse, và đã được 5 người con, 2 trai, 3 gái.



Charlie Chaplin với cô vợ trẻ Oona trên bờ biển

Với Oona, Chaplin trọn hưởng hạnh-phúc. Có điều lạ, là Oona, người vợ trẻ tuổi nhất của ông, lại là người đàn bà điềm tĩnh nhất, và trung-thành tận-tụy nhất với ông. Tuy đã già, năm nay Chaplin đã 72 tuổi, (Oona 30 tuổi), nhưng sức ông vẫn còn khoẻ-mạnh phi-thường. Ông có thể làm việc liên tiếp 4 ngày 4 đêm không ngủ một giây phút nào. Những cuộn phim nổi danh nhất của ông, như *Les temps Modernes*, *Le Dictateur*, *Monsieur Verdoux*, *Limelight*, *L'Emigrant*, v.v... đều do tự tay ông viết *Scénario*, dàn cảnh, đặt những bài hát, soạn bản nhạc, và làm đạo-diễn. Một mình ông bao gồm cả mọi việc, và cũng tự ông đóng những vai chính một cách tài tình không thể tưởng tượng được.

Jean-Louis Barrault đã phải bảo : « Tôi thách bất cứ một người nào khiêu-vũ giỏi nhất thử bắt chước được Chaplin lúc ông ta nhảy múa trên vỉa hè, trong phim *Le Dictateur* ! ». Ông được khoẻ mạnh là nhờ ăn rau nhiều hơn ăn thịt, nhất là ông ưa ăn cà-rốt, rau cần, củ cải trắng. Ông đánh đàn

rất hay, và chuyên môn đánh với tay trái.

Năm 1921, ông đến Paris trình phim *Le Kid*. Ông Léon Bérard, Tổng-trưởng Bộ Giáo-dục, đại diện Chính-phủ Pháp, đến dự và gần lên ngực ông tấm mẽ-day Hàn-lâm-Viện để tỏ lòng kính phục của nước Pháp đối với bậc nhân tài. Nhưng trước mặt công chúng, một Nữ - sĩ có danh tiếng là bà Cécile Sorel, nhảy lên khán đài, gỡ tấm mẽ-day quăng trả ông Tổng trưởng, vừa nói to lên : « Thưa ông Tổng-trưởng, khi người ta muốn tỏ lòng sùng tôn một nghệ-sĩ như Charlie Chaplin, thì người ta phải tặng một huy-chương lớn nhất, là Bắc - Đẩu Bội-tinh, còn không thì thôi ! Chứ một mẽ-day Hàn-Lâm-Viện chẳng xứng-dáng tí nào ! »

Cả một phòng chật-ních khán-giả đều đứng dậy một loạt, vỗ tay âm-ĩ hoan-nghehnh ý-kiến của Nữ sĩ Cécile Sorel. Ông Tổng-trưởng Bộ Giáo-dục mắc cỡ quá, chỉ biết cúi đầu xin lỗi.

TÂN PHONG

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XXVIII

Nửa kiếp phong trần

(Tiếp theo P. T. số 55)

★ THIẾU-SƠN

TÔI đã nói trước với bạn đọc là « Một đời người » sẽ chia làm 4 phần :

- 1.) Đời văn.
- 2.) Đời sống chánh-trị.
- 3.) Những năm ở chiến-khu.
- 4.) Những năm ở tù và những ngày xẽ bóng.

Tới đây tôi sẽ kết thúc phần thứ II và cũng sẽ là kết-thúc nửa kiếp phong-trần của một đời người bị lôi cuốn theo thời-cuộc.

Bài trước tôi đã nói tới tình, cảnh và tâm-trạng của những nhà văn đứng trước thời-cuộc. Tôi không dám nói về hết thấy

các nhà văn. Tôi chỉ nói về tôi và một vài người bạn cùng một cảnh-ngộ với tôi.

Chúng tôi là những con người giàu tưởng-tượng, nhiều ảo-tưởng, bất-bình vì những bất-bình của nhân-loại, bất mãn đối với trật-tự hiện-hành, ít thành-kiến, chống công-thức, yêu tự-do, chuồng tiến-bộ, hướng về tương-lai, nhưng xa thực-tế, xa nhân-dân, tự-ái, chủ-quan, muốn có thay đổi mà lại ngơ-ngàng trong những cuộc đổi thay, hay nói cách-mạng mà thật sự không phải là những con người cách-mạng.

Riêng phần tôi, nhờ gia-nhập

đảng Xã - Hội nên tự ghép mình vào một kỷ-luật và đã học tập tranh-đấu trong những năm 45, 46, 47, 48 và 49.

Cuộc tranh-đấu khi hào-húng, lúc cam-go đã thay đổi nếp sống của tôi một phần nào và đã đem lại cho đời tôi những giờ phút hăng say và những nguồn cảm mới.

Có những lúc tôi tưởng rằng tôi đang đóng một vai tưởng quan-trọng trong cuộc diễn-biến của lịch-sử và lịch-sử sau này nhứt-định sẽ phải nói tới tôi. Nhưng tôi đã lầm. Tôi không phải là người tạo nên-thời-thế mà tôi chỉ là người do thời-thế tạo nên. Tôi không phải là người đứng trước thời-cuộc mà tôi chỉ là người chạy theo thời-cuộc. Tôi đã dùng văn-chương để giải thoát linh-hồn trong khi đời tôi vẫn bị câu thúc về vấn-đề y, thực, trong khi tôi vẫn phải chứng-kiến một cách bất lực những cảnh thực-dân hà-hiếp và ngược đãi đồng-bào của tôi, những người không chịu làm cá chậu, chim lồng như tôi.

Khi đế-quốc Nhật bắt cả thực-dân Pháp tôi cũng vẫn

an-nhiên chịu đựng cảnh tái nô, dịch chủ.

Tôi chờ cho tới khi toàn dân đều đứng dậy mới lóát tót chạy theo để ủng-hộ lập trường của kháng-chiến, tôi cảm thấy chỉ là vấn-đề lương-tâm, vấn-đề tác-trách, nào có vinh dự gì đâu?

Nhưng tôi đã may mắn được ở trong một tổ-chức chánh-trị, nhờ đó mà tôi đã thấy được những cái mà nhiều người không thấy, đã nghe được những chuyện mà nhiều người không nghe, đã gặp được những nhân-vật mà nhiều người không gặp. Tôi ghi lại tất cả những gì có dính-líu xa gần với những biến-cố trong thời-gian nói trên.

Nhưng làm khán-giả trong thời-loạn không thể ngồi yên được một chỗ. Thực-dân có trăm mưu, ngàn kế và đầy đủ thế-lực để đối phó với chúng tôi. Đảng-viên bị lung-lạc, nội-bộ bị chia rẽ, hàng ngũ bị xáo-trộn, nhứt nhứt đều do thủ-đoạn của thực-dân. Caput, Hervochon là những người trong sạch không để cho họ mua chuộc thì họ kiếm thế đổi đi xa hay rút về Pháp. Georges Richard, Nosmas vốn là người của họ

thì luôn luôn kiếm cách lôi kéo những đảng-viên lương-chừng. Đảng viên Việt-Nam rút lui lần lần vì chán-nản hay vì sợ khủng bố. Trước kia, những kiến-nghị thường được toàn-thể chấp-thuận hay ít nhứt cũng được một đa số tuyệt đối. Sau này mỗi kiến-nghị thường biến thành kiến-nghị tổng-hợp (motion de synthèse) nghĩa là phản-ảnh hai khuynh-hướng khác nhau hoặc xa nhau, một đảng thì ủng-hộ kháng-chiến, một đảng thì không chống-đối giải-pháp Bảo-Đại, một đảng của cánh tả, một đảng của cánh hữu, nửa nạc nửa mỡ, nửa trắng, nửa đen, lộn-xộn, xà bần làm cho đảng-bộ ở bên Pháp cũng không hiểu nổi chúng tôi được.

Năm 1948, chúng tôi gọi được một đồng-chí Việt-Nam làm đại-biểu ở Đại-Hội Xã-Hội tại Pháp thì cánh hữu cũng gọi một đại-biểu là Georges Richard. Trước Đại-Hội hai đại-biểu của Liên đoàn Xã-Hội Nam-Việt bình-vực hai lập-trường khác nhau làm cho Đại-Hội cũng hoang-mang và Ủy-ban Lãnh-đạo cũng điên đầu.

Năm 1949, Ủy-ban lãnh-đạo

gọi một đồng-chí nghị-sĩ Liên-Hiệp Pháp là anh Savary qua tiếp-xúc với chúng tôi để tìm hiểu sự thật và nếu có thể thì chuẩn-bị một giải-pháp để đem lại hòa-bình. Anh Savary là người của phái tả lại là một người thông-minh và đầy thiện-chí nên anh đứng hẳn về phe chúng tôi. Chính tôi đã đưa anh vào khu giải-phóng, đã tiếp-xúc với Nguyễn-Bình và một số những nhà lãnh-đạo kháng-chiến ở Nam-Bộ.

Chuyến đi này đem lại những kết-quả khả-quan và chúng tôi hy-vọng rằng còn có thể đi tới nữa để thực-hiện ngưng bắn ngay từ năm 1949. Nhưng việc làm của chúng tôi rất cuộc vẫn chỉ là những việc làm không-tưởng vì thực-tế thì người ta vẫn chưa muốn hòa-bình, những lực-lượng chiến tranh còn thắng thế.

Người ta gài bẫy bắt tôi, nhờ anh Savary và đảng-bộ can-thiệp mà tôi được tự-do tạm sau một thời gian bị giam-giữ. Rồi anh Hervochon bị rút về Pháp. Rồi tôi cô-thế và phải trốn vào chiến khu. Người ta đi kháng-chiến từ đầu mùa mà tôi chờ cho tới giờ

chót mới lững thững ra đi. Tôi vẫn chỉ là người đi chậm và đi sau. Tôi không lấy đó là một điều vinh-dự. Tôi hy-vọng rằng tôi chỉ xa gia-đình độ 1, 2 năm vì nhăm cuộc chiến-tranh không thể kéo dài hơn được nữa. Ai ngờ nó vẫn cứ kéo dài và tôi đã « mắc kẹt » gần sáu năm ở những nơi rừng rậm, đồng lầy, trải qua biết bao nhiêu nguy hiểm và đã chết hụt mấy lần. Vấn-đề lương tâm lại đặt ra với tôi : Nếu rủi tôi chết thì có phải thật sự tôi đã đi tìm cái chết vinh - quang của con người kháng - chiến hay không ? Tôi đi trốn Tây mà chết chứ nào phải chết vì đánh Tây.

Nhưng dầu sao cũng nhờ những năm chung sống với đồng-bào, nhứt là đồng-bào ở miền quê Nam-Bộ mà tôi biết thêm được nhiều đức-tánh của dân-tộc Việt-Nam, những đức kiên, trinh, nghĩa, dũng và lòng ái-quốc vô-biên của đồng-bào. Tôi thấy cần phải sưu-tầm thêm tài-liệu, lựa chọn kỹ đề-tài và phải có ngày giờ để suy-nghĩ trước khi viết qua những phần sau. Vì lẽ đó mà tôi xin phép độc-giả cho tạm ngưng « Một đời người » ở đây. Tôi tạm ngưng ở khoảng năm 1948, năm tôi được 40 tuổi, đã sống được

« Nửa kiếp phong trần ». Nửa đời sau sẽ còn phong-trần hơn nữa. Nhưng tôi sẽ ráng làm cho lu mờ cái hình bóng của tôi để làm sáng tỏ được phần nào cái hình bóng thân-yêu của Tổ quốc đương chuyển mình để thay đổi số phận.



Trong bài Minh ơi ! ở Phở Thông số 55, quốc-kỳ Do Thái, thợ nhà in đã bắt nhầm màu, nay xin sửa lại cho đúng : trắng, xanh, trắng, xanh, trắng, như trên đây.

Minh ơi !

đến Cuba ! Cuba ở đâu. Minh nhỉ ?

— Cuba là một hòn đảo trong biển Antilles của Đại-Tây-Dương, ở ngay bên cạnh nước Mỹ, nước Mexique và các xứ Trung-Mỹ, Nam-Mỹ. Nó là cù lao lớn nhất trong nhóm các cù lao thuộc địa của Anh, Pháp Mỹ, Portugal,



MINH ơi, sao dạo này chiến-tranh nồ lung-tung thiên-địa thế, hả mình ?

— Có thể mới vui nhộn lên chứ,
— Ai-Lao, Congo, rồi bây giờ

rải-rác trong biển Antilles.

— Đảo ấy có lớn không ? Dân số được bao nhiêu ?

— Bề dài của nó chừng 1300 km, đại-khải vào khoảng

từ Sài-gòn ra đến Bến-Hải tính theo đường thẳng. Dân số 6 triệu rưỡi người, hai phần ba là người da trắng nói tiếng Espagnol (Ý pha-nho), lại máu da đen. Nguồn lợi độc - nhất, là Mía và Đường, bán khắp Mỹ-châu và Âu-châu.

— Cuba là thuộc-địa của nước nào, hả Minh ?

— Nó là một nước Cộng-Hòa độc-lập. Được CHRISTOPHE COLOMB khám-phá năm 1492, (chính Colomb đến đây trồng đám mía đầu tiên !) Cuba hồi đó chỉ có bọn Mọi da đen ăn thịt người, sau bị người Espagnols sang chiếm cứ (1501). Bốn thế kỷ sau, năm 1895, dân bốn xứ khởi-nghĩa do người Mỹ cầm-đầu. Chiến tranh kéo dài ba năm, người Espagnols đại bại, phải nhường Cuba cho người Mỹ, và còn trả tiền bồi thường chiến tranh đến 20 triệu Mỹ-kim (Hòa-uớc ký tại Paris kinh-đô nước Pháp, ngày 10 - 12 - 1898). Năm 1901, người Mỹ thiết-lập CỘNG-HÒA CUBA, trực thuộc Mỹ về ngoại - giao, tài - chánh và quốc-phòng. Ngày 24 - 2 - 1902 Chính-phủ Cộng-hòa Cuba thành lập, Mỹ rút hết quân-đội ra khỏi Đảo, chiếu theo hiệp-uớc ký với Chính-phủ này. Năm 1909, Mỹ giao trả độc-lập hoàn-toàn cho

Cuba. Nhưng các chính-phủ kế-tiếp không có đủ khả-năng, và để cho tình hình kinh-tế rất nguy-kịch. Năm 1933, có cuộc đảo-chính của quân-đội, do một viên Đại-tướng tên là Fulgencio BATISTA, chỉ huy. Năm 1936 viên Đại-tướng Batista bỗng dựng lên chức Đại-Tá và được bầu làm Tổng-thống Cộng-Hòa Cuba.

— Từ một viên Đại-tướng mà làm sao lên chức Đại-Tá, rồi làm Tổng-Thống được, hả Minh ?

— Phải nhìn nhận rằng Batista cũng là một gian-hùng, có tài năng, có thủ-đoạn, chứ không phải là một tay vừa. Fulgencio Batista là con một nông-dân nghèo ở tỉnh Oriente (Miền Đông Cuba). Từ thuở 11 tuổi, y làm bồi trong tiệm cà-phê, rồi xoay qua làm nghề thợ cạo tóc, thợ may, phu xe lửa, rồi 21 tuổi đi lính. Nhờ trí óc thông minh, và tính tình lanh lợi, can đảm, không bao lâu y được thăng lon Đại-tướng. Năm 1933, y mới có 32 tuổi. Chính - phủ Cộng - hòa Cuba lúc bấy giờ tỏ ra bất-lực, thanh - niên bị thất - nghiệp quá nhiều, đường và mía thì ối lại bán không được, kinh-tế què-quặt, dân-chúng lầm-tham khổ-sở, chính phủ cứ dùng quân-đội để đàn-áp riết, gây ra công-phẫn trong nhân-

dân. Viên Đại-tướng Batista được binh-sĩ ủng-hộ, liền gây ra cuộc đảo-chánh trong quân-đội. Một buổi sáng năm 1933, y và vài sĩ-quan đi thẳng đến Văn-phòng của Đại-tướng Tổng Tư-Lệnh, y chia súng lục vào ông, và bảo : « Đại-tướng ngồi đây, chẳng được tích sự gì cả. Mời Đại-tướng đi ra ! » Thế rồi y bắt giam Đại-tướng, truyền lệnh cho quân-đội chiếm đóng các dinh-thự, các cơ sở. Chỉ một buổi sáng là cuộc đảo-chính thành-công. Viên Đại-tướng Batista lên chức Đại-Tá, và được bầu làm Tổng-Thống.

Y ngồi ghế Tổng-thống Cộng-hòa Cuba được 11 năm. Công việc trôi chảy. Đến năm 1944, thế-giới chiến-tranh thứ Hai gần xong, một cuộc đảo-chính khác nổi dậy, hạ bệ y xuống và đuổi y ra khỏi xứ. Y sang Mỹ, ở tại Floride. Nhưng Batista vẫn còn tham vọng trở về cướp chánh-quyền. Y kiên nhẫn đợi 8 năm. Năm 1952 Batista với một nhóm « đồng chí » thuê thuyền vượt biển, đồ bộ thình lình lên Cuba. Cả bọn thuê một chiếc xe trực-chỉ đến trại lính Columbia. Một viên tùy tùng xuống xe, tiến đến người lính gác : « Batista về đây. Anh có chịu theo tụi tôi không ? » Người lính gác chịu, để cho xe



BATISTA

chạy thẳng vào trại. Thế là Batista lại hô-hào quân-sĩ. Cuộc đảo-chính tái-diễn, và cũng được thành công dễ-dàng như lần trước. Batista lại được bầu lên làm Tổng-Thống !

Dân chúng lạng-lẽ không nói gì. Họ sợ tù, sợ tội, sợ giết chết. Nhưng trí-thức và sinh-viên công phần. Họ nổi dậy. Ngày 26-tháng 7 năm 1953, tại Santiago, ở miền Nam Cuba, một Vị Trạng sư trai trẻ, (27 tuổi) tên là

CUBA

ở ngang bên
hông MỸ, và
MEXIQUE

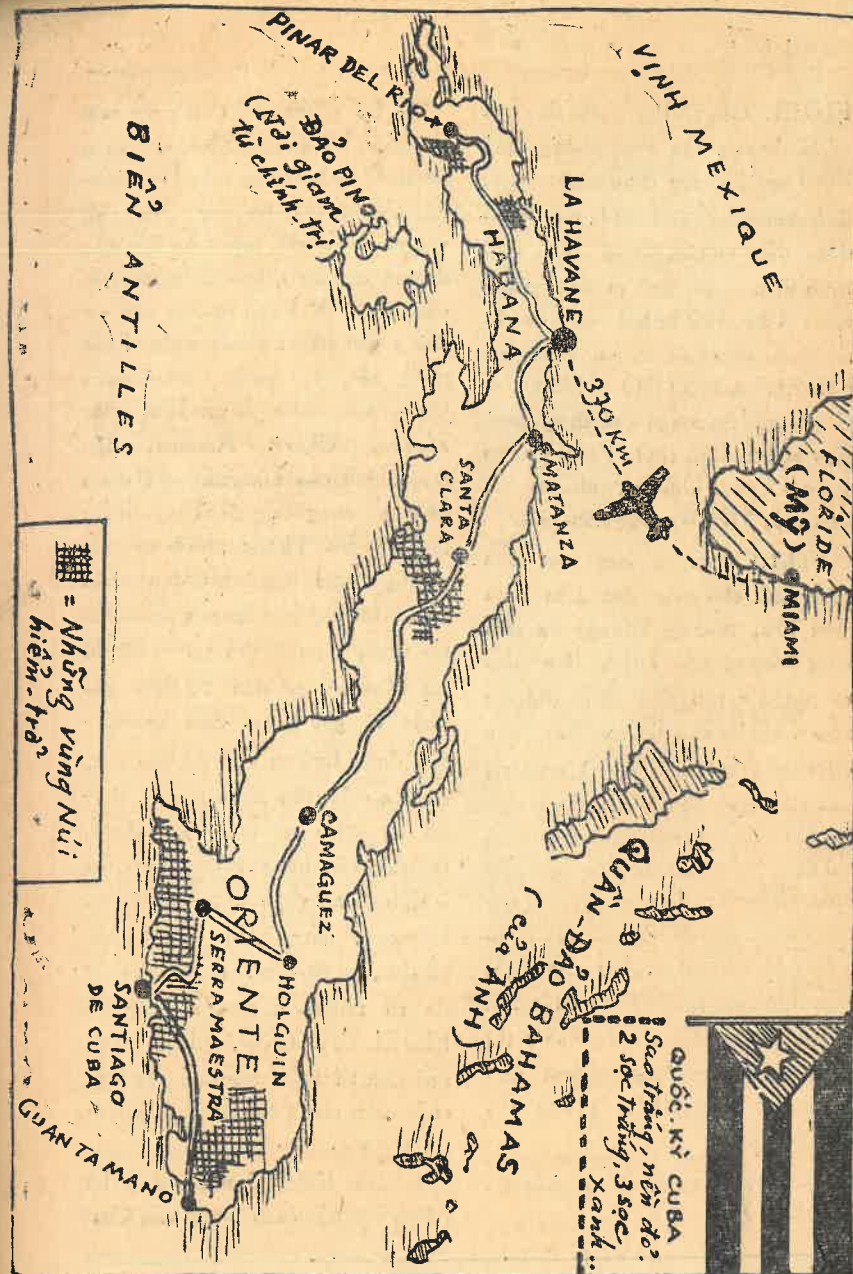
Từ MIAMI
(Floride, Mỹ)
đến LA HA-
VANE Thủ-
đô của CUBA,
đi máy bay chỉ
xa 370 km.

Bề dài của Đảo Cuba = 1300 km

Dân-số = 6.500.000 người da trắng và
da đen.

Dân-số thủ-đô La Havané = 1.500.000
người.

(Xem bản đồ Cuba)



FIDEL CASTRO, cầm đầu một số Sinh-viên Đại-học, không quá 200 người, đến định chiếm trại lính trong thành. Thật là một hành động điên-cuồng. Súng nổ. 100 Sinh viên ngã gục xuống vũng máu. Còn 100 bị bắt, bị kêu án tử hình, trong số đó có trạng sư FIDEL CASTRO. Nhờ vị Giám-mục Santiago can thiệp, nên mấy người khỏi chết. Fidel Castro bị án 15 năm khổ sai, nhưng hai năm sau, 1955, được ân-xá..

Fidel Castro là con một nhà triệu-phú, chủ một đồn điền mía rộng lớn, nhưng không ưa đời sống trường giả. Thích làm thơ và phiêu - lưu đây đó, thương người nghèo và chỉ ưa làm bạn với người nghèo, Fidel Castro rất oán ghét chế độ độc-tài của Batista. Chế độ mục-nát và tàn-bạo mà chính các nhà ngoại-giao quốc-tế cũng phản-nàn, lo ngại. Batista mở các sòng bạc lớn và các nhà chứa điểm, để kiếm tiền. Vợ của y thì thâu hết tiền lời của các cuộc Xổ Số Quốc-gia, còn em vợ của y thì độc-quyền các "máy dựng xu" đặt trước các rạp hát và các nơi cây xăng.

— Máy dựng xu là cái máy gì, hả Minh ?

— Là những cái thùng có một bộ-phận bằng máy, để có ai muốn ăn kem, hoặc uống một ly nước mía thì bỏ một hay hai đồng xu vào cái thùng đó, tự-nhiên cái máy đưa ra cây kem, hoặc ly nước mía cho mình. Batista, vợ, và em vợ của y gởi tiền nơi các ngân hàng quốc tế có hàng mấy trăm triệu. Các nhà hàng lớn, như Hilton, Capri, Riviera, đều được lệnh của Tổng-thống Batista phải mở sòng bạc để Tổng-thống lấy tiền hồ. Thuốc phiện bị cấm nhưng được bán chợ đen khắp nơi. Một nhà báo ngoại-quốc điều-tra trong năm 1955 tại Thủ-đô La Havane có đến 50.000 gái nhảy và gái điểm. Bọn trường-giả được hưởng chế-độ béo mồm, có trên mấy trăm ngàn người, tha hồ ăn chơi và ủng-hộ Batista. Nhưng còn hàng triệu nhân-dân ở tỉnh thành và thôn-quê, đói rách, khổ-cực, uất-ức, bị khủng-bố, bắt-bớ, giam-cầm, nghĩa là đại-đa số nhân - dân chỉ ủng - hộ FIDEL CASTRO, chỉ hy-vọng nơi nhà trí-thức trẻ-tuổi gây một cuộc cách mạng để lật-đổ nhà độc-tài Batista.

— Rồi Fidel Castro làm gì hả Minh ? Cuộc cách mạng của Cas-

tro có thành-công không ?

— Castro sang Mỹ và Mexique, hô-hào, cồ-dộng. Ngày 2 - 12 - 1956, ông lên về Cuba với 82 người đồng-chí, và lập căn-cứ cách-mạng tại miền núi SERRA MAESTRA, ở miền Nam Cuba. Trong 3 năm, y tổ-chức được một bộ-đội kháng-chiến quân trên 10.000 người. Dân-chúng toàn quốc đều ủng-hộ nhà cách-mạng.

Tổng-thống Batista thấy rõ nhân tâm xu-hướng về Fidel Castro, nên sắp đặt một chính-sách mị-dần mềm dịu, đợi đến mãn nhiệm kỳ vào tháng 2 năm 1959, sẽ rút lui có trật-tự, trao lại quyền hành cho Chủ-tịch Quốc-hội, là RIVERO AGUERO, Nhưng Fidel Castro quyết ra tay lập tức, không để cho Batista kịp thì giờ thực-hành ý-nguyện. Ngày lễ NOËL 1958, Fidel Castro tổng phản công. Toàn-thể nhân-dân nổi dậy, ủng-hộ ông. Cả quân-đội cũng theo ông. 6 giờ sáng ngày 1.1.1959, Tổng-Thống Batista vội vàng lên phi-cơ trốn qua Cộng-Hòa Dominicaine, xuống phi-trường Ciudad Trujillo. Dân chúng thủ-đô La Havane, cũng như khắp cả đảo Cuba, bùng mất dậy đã nghe đài phát thanh truyền tin : « Tên độc-tài Batista đã trốn



FIDEL CASTRO

thoát ! » dân ông, dân bà, con nít, ùa ra các đường phố reo mừng !..

— Minh ơi !

— Ơi.

— Fidel Castro đã thắng về

vang, và được dân chúng Cuba ủng hộ, thế sao bây giờ lại có quân đội cách-mạng nào đánh lại Castro ?

— Castro nắm chánh quyền ở Cuba từ tháng 1.1959 đến nay đã được hai năm. Nhưng Castro lại tỏ ra một chánh-sách thân Cộng mỗi ngày mỗi rõ-rệt, cho nên những phần tử chống Cộng ở Cuba lại nổi dậy đánh ông.

Ai chỉ huy đánh Fidel Castro ?

— Người chỉ-huy cuộc chiến-tranh đả-kích Castro hiện nay là Bác-sĩ JOSÉ MIRO CARDONNA, và cuộc phản-công nội-chiến đã bắt đầu hồi 6 giờ sáng ngày Thứ hai 18.4.1961. Ông là Chủ-tịch « Mặt trận Cách-mạng Dân-chủ », và chính là một người đã nhiệt-liệt ủng-hộ Fidel Castro lúc ông này chưa theo Cộng-Sản. Bộ đội « Cách-mạng dân chủ » chống Castro đã đổ bộ tại vùng Matanza. Theo các báo ngoại-quốc, những người chỉ-huy cuộc nội chiến này, hầu hết là những người đã tham-gia cuộc Cách-mạng của Fidel Castro trong những năm 1958-59.

— Theo Minh, thì ai sẽ thắng ?

— Nội-Chiến chưa chấm-dứt hẳn. Có điều chắc chắn là NGA giúp cho FIDEL CASTRO và MỸ

ủng hộ JOSÉ CARDONNA. Đây là một màn đầu gay cấn nhất của chiến-tranh Nga-Mỹ.

— Mỹ nói ủng-hộ, nhưng có ủng-hộ thật sự không? Hay lại như chiến-tranh Ai-lao, Mỹ đâu có rạch gì để chấm dứt nội chiến, giữa Vương-quốc và Pathet Lào ?

— Lào ở xa, còn Cuba ở ngay bên cạnh. Chính ông Kennedy đã tuyên-bố, hồi ông chưa lên làm Tổng-thống : « Lần đầu tiên trong Lịch-sử Mỹ, có một kẻ thù ở ngay bên cạnh Mỹ ». Nếu lần này Mỹ lại chịu nhượng bộ Nga, Mỹ không dám can-thiệp và để cho Fidel Castro tiêu-diệt quân cách-mạng của Cardonna, thì Mỹ còn mặt mũi nào nữa để nhìn người thiên-hạ ?..

— Theo Minh thì Mỹ có ra tay giúp thật sự cho Cardonna không ?

— Để xem. Như người Anh thường nói : *Wait and see* !

— Có thể vì vụ Cuba, hay vụ Lào mà chiến-tranh Nga Mỹ nổ bùng và có Thế-giới Đại-chiến thứ ba không, hả Minh ?

— Nếu Mỹ cứ nhượng-bộ thết thì Mỹ sẽ thua, khỏi có Thế-giới Chiến-tranh !

Diệu-Huyền

Một giấc Mơ hoa



★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. số 55)

★ Mồng Ba Tết — 9 giờ đêm.

Hồng muốn thử diễn tả một cái gì mới mới, là lạ.. xảy ra trong thâm tâm Hồng hôm nay. Nhưng Hồng không biết tả. Ước gì Hồng có tài hoa như các cô Nữ-sĩ ! Hồng đang cảm thấy trong tim Hồng như có cái gì hồi-hộp, nao nao..., mơ mơ màng màng, mà Hồng chả biết nó là cái gì... Hồng cầm bút ngồi ngẩn ngơ một lúc lâu, bỏ bút xuống, cầm bút lên, ngầy ngầy ngất ngất thế nào ấy ! Con tim của Duyên-Hồng hôm nay làm sao thế nhỉ ? Tim ơi ! Mi còn 'trẻ

con» quá chứ gì! Mi chưa «nhớ» à? Hay là Mi nhong nhéo với Hồng đấy, phải không? Hồng cứ chép «đại» vào Nhật ký, để ghi lại kỷ niệm Mừng Ba Tết, năm 1956... Đêm nay là cái đêm đầu tiên của mùa Xuân, con tim của Hồng làm sao cứ như vồn-vồn vơ-vơ..., vương vương như tơ... với-vội như thơ... hay dào dạt!

Cũng tại hồi 10 giờ rưỡi sáng nay Hồng đến nhà Mỹ-Thanh đấy. Trước khi ra đi, Hồng còn do dự, vì Thanh đã cho Hồng biết Thanh có người anh học Đại-học Văn Khoa đã «trông thấy Hồng một lần và khen Hồng đẹp, đẹp nhất Saigon, v.v...» Hồng ngượng lắm. Đáng nhẽ, vì thế nên Hồng không thích đến nhà Thanh, nhưng chả nhẽ ngày Tết Thanh đến mình mà mình lại không đến Thanh à? Hồng không đến, thì thế nào Thanh cũng giận, cho Hồng là kém lịch sự.

Hồng đến trước cửa nhà Thanh mà cứ rụt rè không dám vào. Cửa mở. Hồng thoáng ngó vào phòng khách không thấy có ai, Hồng toan gõ cửa thì có một người đàn ông từ nhà trong vén bức màn đi ra phòng khách. Hồng cúi đầu chào lễ phép, nhưng người ấy nhìn Hồng với cặp mắt... thế nào ấy.

Hồng càng thêm ngượng. Hồng bẽn lẽn, mắt hằn vẻ tự nhiên. Điều bộ người ấy hình như cũng bối rối. Chàng nghiêng đầu chào lại Hồng, và hơi rất dịu dàng, nhỏ nhẹ:

— Cô hỏi em Thanh?

— Dạ.

Hồng trả lời rất khe. Người ấy quay vào nhà trong, gọi:

— Em Thanh ơi!..

Chàng đứng ngay trước mặt Hồng, khe nghiêng mình:

— Mời cô vào.

— Dạ.

Mỹ-Thanh vừa vén màn trông thấy mình, thì mừng rỡ chạy ra cửa:

— Duyên-Hồng!

Thanh đưa hai tay ra nắm chặt lấy hai bàn tay Hồng, âu yếm ngó Hồng, và nói riu-ra riu-rít:

— Duyên-Hồng đẹp quá! Như nàng tiên diễm lệ!

Quây lại người đàn ông đang đứng nhìn Hồng với cặp mắt.. thế nào ấy, Thanh vui vẻ giới thiệu:

— Anh Hải, anh thứ năm của Thanh, sinh viên Đại-học Văn-Khoa... Duyên-Hồng, bạn thân nhất của em ở trường.

Không biết ngay lúc ấy đôi má của Hồng có đỏ ửng lên không, chứ Hồng thấy nóng bừng hai bên tai y như lúc Hồng vừa uống một chút rượu Sauterne.

Mỹ-Thanh chưa biết mời khách. Nàng cứ nắm tay Hồng đứng nói chuyện mãi nơi cửa, nói cười thân mật, nhưng anh của Thanh thì rất nhả-nhận, bảo:

— Em Thanh mời cô Duyên-Hồng vào phòng khách. Anh đi lấy rượu ngọt và bánh mứt nhé.

Nói xong, Hải chạy đến tủ buffet gần đấy, còn Mỹ-Thanh thì vội vàng kéo tay Hồng vào phòng khách. Đây là lần đầu tiên Hồng đến nhà Mỹ-Thanh, và cũng là lần đầu tiên được mời ngồi ghế xa-lông như người nhón. Đã thế, Hải lại dọn ra một hộp kẹo Tây, cái nắp có in hình màu Elisabeth Taylor đẹp không chỗ chê. Chàng mở nắp ra, dịu dàng bảo Thanh:

— Em mời cô Duyên-Hồng...

Xong Hải trở lại tủ, lấy 2 ly đem ra đặt trên bàn, và mỉm cười hỏi Hồng:

— Năm mới, cô uống một tý rượu ngọt nhé?

Hồng thẹn quá đi mất thôi! Lần đầu tiên, một chàng trai mời Hồng uống rượu, bảo Hồng không thẹn sao được cơ chứ? Hồng đã tự bảo thầm rằng hôm nay Hồng phải làm ra vẻ người nhón một tý, miễn là có vẻ người nhón, nhưng ô hô! bây giờ Hồng tự thấy mình vẫn còn con nít một trăm phần trăm! Hải mời mình với một giọng thành thật và thân mật, thế mà mình chẳng giả nhời lại được một câu. Mình «mắc-cổ» quá y như cầm mồm cầm miệng. Mình chỉ biết cúi đầu, cười ngượng-ngượng, có cái gì như ở trong tim trong phổi lên chặn nghẹt Hồng cổ, Hồng nói không được.

Thế mà Hải vẫn vui vẻ, niềm nở, lịch-sự hỏi lại một lần nữa :

— Cô dùng Grenadine nhé? Hay Dubonnet? Sauterne?...
 Hồng muốn phì cười ! Vì ở nhà Thầy Me cho phép chị Vân,

chị Mai và Hồng thỉnh thoảng được uống một ly Sauterne trong các buổi tiệc-tùng, mấy ngày Tết Hồng vẫn thích uống Sauterne, có ngờ đâu hôm nay Hải lại mời Hồng uống Sauterne !

Tuy thế, ở nhà thì tha-hồ uống, chứ đến nhà người ta, mình là con gái có nên uống rượu không ? Hồng chưa bao giờ hỏi Me về phép xã-giao ấy. Dù sao, Hồng nghĩ rằng hôm nay Hồng đã nhón rồi cơ mà (Hồng nhón, nên anh Hải mới mời Hồng uống rượu chứ !) Mỹ-Thanh lại ép Hồng :

— Duyên-Hồng uống... Sauterne nhé? Sauterne ngọt và thơm, tê tê cái lưỡi, thích lắm, Hồng ạ.

— Hồng sợ say...

Anh Hải cười (đàn ông sao mà cười có duyên thế !):

— Hồng không say đâu... Nếu có say, thì Hồng sẽ say một tý xíu thôi... Rượu Xuân mà !

Hải nói dứt câu, còn điểm thêm một nụ cười dễ thương lạ Hồng im lặng. Im lặng, tức là nhận lời.

Mỹ-Thanh quay lại bảo anh, trong lúc Hải đến tủ lấy rượu :

— Anh Năm lấy thêm cái ly, ngồi uống với tụi em cho vui nhé.

Hải quay lại :

— Nếu Duyên-Hồng cho phép...

Thanh ngó Hồng :

— Hồng nhé ?

Hồng mỉm cười, khẽ gật đầu với Thanh.

Với nét mặt hân-hoan, và hiền-lành, Hải rót rượu xong, nâng

ly nhìn Hồng :

— Nhân dịp tân xuân, tôi xin chúc... Duyên-Hồng một năm vui tươi rực-rỡ như hoa Hồng, và... duyên thơm ngào-ngạt như hoa Hồng.

Nói xong, Hải nâng cao ly lên, có ý chờ Hồng cùng nâng ly

Hồng ngượng hết chỗ nói, nhưng chả nhẽ cứ ngồi cảm như hén, và gục mặt mãi xuống ghế hay sao. Hồng cũng đánh bạo nâng ly, và ráng nói ắp ứng được một câu :

— Năm mới... (lần đầu Hồng không dám thân-mật xưng tên với Hải, nên chỉ nói trống không) xin chúc... anh một năm... đầy hạnh-phúc.

Hải có vẻ cảm-dộng (Hồng đoán chừng thế) nâng ly rượu lên uống mà đôi mắt... (làm sao... ấy, vẫn cứ nhìn Hồng... Thanh và Hồng cũng uống một lúc với Hải.

Mỹ-Thanh cười, nói đùa :

— Hai người chúc với nhau, coi «mùi» lắm, mà chả ai chúc em một câu nào cả.

Hải cũng cười, cầm chai rót thêm một ly cho Thanh, và 1 ly của Hải :

— Anh đã chúc em hôm Mừng-một rồi. Bây giờ anh chúc em một lần nữa nhé : Chúc em học giỏi hơn năm ngoái, hát hay hơn năm ngoái, đàn du-dương thánh-thót, mê-ly hơn năm ngoái !

— Em cũng chúc thêm anh một câu nhé : Chúc anh năm nay đầu năm gặp được người yêu, cuối năm càng yêu tha-thiết hơn, mê ly hơn hồi đầu năm !

Hồng nghe câu ấy, đoán là Mỹ-Thanh muốn ám chỉ... Hồng. Hồng then quá, lại cúi mặt xuống, làm nghiêm vẻ như không nghe. Thanh chỉ nói vậy ! Nhưng câu nói vô tình hay cố ý của Mỹ-Thanh làm cho trái tim của Hồng bỗng-nhiên như bị một làn gió thổi mạnh, nồn-nao xao-xuyến...

Hai anh em thì cười nghịch-ngợm vui-vẻ, uống cạn hết 2 ly. Hải lại rót thêm Hồng một ly, và Thanh một ly nữa :

— Bây giờ đến lượt em phải chúc Duyên-Hồng chứ !

Thanh la ầm lên :

— Ồ, như thế này thì phần em đến 3 ly cơ ? Em và Hồng đã chúc với nhau rồi...

Hồng cũng lo quá. Hồng mới 1 ly mà đã thấy say rồi. Hải còn mời nữa, Hồng biết làm sao đây ? Nhưng thật là may, vừa có hai vợ chồng một ông khách bước vào, cả tụi «con nít» này đều đứng dậy. Hồng thừa cơ hội bước né sang một bên, định xin về. 12 giờ rồi. Về trễ Me mắng chết.

Mỹ-Thanh cho biết rằng Ba Má của nàng đi chúc Tết các nhà bà con, có nhẽ chiều tối mới về. (Mỹ-Thanh là người Nam). Mỹ-Thanh rủ Hồng ở lại dùng cơm trưa với nàng, và Hải. Thanh có hai người chị đã có chồng, và có gia-đình riêng, một người anh ở trong Quân-đội, làm Trung-úy hiện ở Huế. Ở nhà, chỉ còn Hải. Thanh và một đứa em trai 10 tuổi.

Hồng nhất-định xin về, vì không xin phép trước Thầy Me. Nhưng trong thâm-tâm, Hồng hơi tiếc, muốn ở lại chơi một chỗ nữa. Hai vợ chồng ông khách chỉ chúc Tết mấy câu, rồi để danh thiệp lại, xin cáo từ. Hải đưa họ ra ngoài đường xong, trở vào, gặp Hồng và Thanh cùng ra đến cửa. Hải thấy Hồng chào về, tỏ vẻ buồn :

— Hồng ở lại chơi, về chi vội ?

— Dạ, thôi ạ, xin cho về, kẻo Me.. em chờ.

Trong lúc Thanh chạy trở vào hốt nắm hạt dưa, Hải đứng yên lặng nhìn Hồng. Chàng có đôi mắt mơ-mộng làm sao ! Hồng cúi mặt, không dám ngó Hải nữa, nghe Hải nói rất khẽ :

— Hải muốn đến thăm Hồng, có được không ?

Hồng khẽ đáp :

— Dạ không. Gia-đình em nghiêm lắm.

Chàng lặng lẽ hình như thất-vọng. Hồng ra về, tự nhiên cũng thấy nao nao buồn ...

Tại sao Hồng buồn nhỉ ?

Ngồi trên taxi về nhà, Hồng cứ như ngây, như dại. Tâm-trạng của Hồng lúc đi, và lúc về, thay đổi hẳn. Chỉ vì gặp Hải chăng ? Mới quen nhau lần đầu-tiên, sao đã... thân-mật được ? Vì câu chuyện nô-đùa bâng-quơ với Thanh và Hải chăng ? Vì đôi mắt... «quyển-rũ» la-lùng của chàng trai ấy ? Vì những cử-chỉ thân-thiện và lịch-sự của chàng ?

Từ trước, Hồng có bao nhiêu bạn trai học cùng lớp, cùng trường. họ cũng nói đùa với Hồng nhiều, sao Hồng không để ý đến, mà lần đầu tiên gặp Hải, mỗi cái nhìn, mỗi lời nói mỗi nụ cười của Hải đã làm cho Hồng tự-nhiên như vương-vương cái gì... ? Cái gì êm-êm như tơ, lưu-luyến như thơ ấy nhỉ?... (Còn nữa)



(Tiếp theo P. T. số 55)

★ NGUYỄN-VỸ

MỘT trong các ảnh thường xuyên trong đời tôi, là những Tháp Chàm. Cung-điện nguy-nga của các vị Vua chúa ở Huế, hay là những lâu-đài lộng-lẫy như "Đinh Độc-lập", như các buildings tối-tân tráng lệ nhất ở Sài-gòn, không hề gọi cho tôi một cảm-giác chiêm-ngưỡng sâu-dậm bằng một Tháp Chàm đồ-nát, quạnh-quẽ, trên một cánh đồi.

Có lẽ tại vì tôi là một người Việt-nam sinh-trưởng trên đất Chàm, bị tiêm-nhiễm bởi khí thiêng Đất-nước của Indravarman, Sinhavarman..... Hồi còn bé, tôi là một đứa học-trò thích ngồi chơi, hay nằm ngủ dưới bóng Tháp-Chàm những buổi chiều thứ năm chủ-nhật.

Lần này đi Nha-trang (1), mục

(1) **Nha-Trang**, do tiếng Chàm Jyatran.

đích của tôi cũng là tìm lại nơi bóng Tháp hoang-vu của truyền-ký đôi chút tĩnh-mịch và yên-lặng cho tâm-hồn. Nhưng có một điều quan-trọng mà tôi đã quên lửng, là chính những ngày Tết các Tháp-Chàm không còn hiu-quạnh nữa, mà lại là nơi ồn-ào náo-nhiệt nhất ở Nha-Trang! Cả một gò Tháp đông-nghet những người đến lễ-bái, vang dậy tiếng nói tiếng cười, tiếng giầy tiếng guốc, tiếng còi xe hơi chập ních dưới đường, tiếng máy phóng thanh của một xe quảng-cáo kiểm tiễu, đóng ngay bên cạnh!

Tôi hỏi anh phu-xe:

— “Đức Bà” có linh thật không, mà người ta đến cúng lễ và xin xăm đông quá vậy, anh?

Anh xe vừa đạp chậm rãi, vừa nói chuyện:

— Dạ linh lắm chứ. Có người lên đến lấy cắp đồ nữ-trang của Bà vừa về đến nhà là chết hộc máu mồm ngay. Người vợ phải lật-dật đem nữ-trang đến trả lại Bà.

Tôi mỉm cười:

— Chuyện có thật không?

— Dạ nghe họ đồn vậy đó.

Các bậc Thần-Thánh có linh hay không, tôi không dám nói quả quyết, nhưng riêng tôi, tôi không

tin nơi sự linh-nghiệm của việc xin xăm. Gặp những trường-hợp khó khăn mà tôi vẫn bình-tĩnh tranh đấu tự sức của mình, tôi cũng không quên đến xin các vị Thần linh một quẻ xăm để kêu cầu một sự giúp đỡ nhiệm-mầu, tin-tưởng một kết quả... để-phòng một thất bại. Tôi đã đến Lăng-Ông Bà Chiều một buổi trưa vắng xin Ông Lê-văn-Duyệt một quẻ xăm. Một đêm giao-thừa tôi cũng đã xin xăm nơi đền Bà “Thánh-Mẫu” ở Dalat... Một hôm lễ Ramadam tôi đến xin xăm Bà Thánh-Mẫu Chà-và ở đường Trương-công-Định, và hôm Tết tôi cũng thành khẩn cho được một quẻ xăm của Bà Chúa-Xứ Poh Nagar của người Chàm.

Nhưng không có Đức Ông hay Đức Bà nào đã giải-dáp đúng những lời cầu nguyện của tôi.

Tôi biết Lê-văn-Duyệt là nhà Vô chú không phải là nhà Văn, cho nên bốn câu thơ của ông ban cho tôi không được hay ho thâm-thúy lắm, nhưng dịch nghĩa ra, đoán rộng, đoán hẹp, phân tách từng chữ từng câu, cũng đều sai hẳn với những điều tôi thắc-mắc, không đúng với thực trạng của tôi. Bà Thánh Mẫu Dalat, Đức Tả-nhưng-Đạo ở đền Ngọc Sơn Hà-

nội, ông Thánh Đồng-Đen trên Hồ Lăng-Bạc, Bà Nữ Thần Chà-Và, bà Chúa-Xứ Nha-Trang... đều nói chuyện bông lông mây gió... Lòng thành của tôi tỏ bày câu tâm-sự hình như không được các vị Thần linh chứng giám.

Nữ thần Thiên-Y-A-Na có ban cho tôi trong khối trầm-hương nghi-ngút, đêm Mừng-một Tết ở Nhatrang 4 câu thơ sau đây:

*Đông phong hiu-hắt hết đêm trường,
Cây cỏ vui mừng đón Thái-Dương.*

Cánh hạc bay cao, chưa mở cánh,

Ai kia dương ná ẩn trong sương.

Trước hết, tôi không phải là con hạc, tôi chỉ là con chim cà-cưỡng, hay con chim tu-hú mà thôi. Tôi cũng không thấy trên trần-gian này có ai dương ná muốn bắn tôi. Nếu là tay thiện-xạ, thì họ bắn chim Ưng, chim Đại-bàn, chứ đi bắn chi một con tu-hú hay con chích-chè? Còn nếu là trẻ đùa nghịch, thì chúng bắn với hòn sỏi, đâu có làm gãy cánh chim. Và lại, nếu *cây cỏ vui mừng đón thái-dương*, thì *sương mù* hẳn đã tan hết rồi, còn đâu nữa để cho ai *ẩn-nấp* mà

dương ná?

Tâm-sự của tôi như một mớ tơ vò, mà Bà chúa Chàm Pô Nagar chỉ cho có 4 câu thơ làm quà, tôi không thỏa-mãn. Tôi ghi vào đây chỉ để giữ chút kỷ-niệm trầm-hương của Thiên-Y-A-Na công-chúa. Thiên-Y-A-Na là tên do người Việt đặt cho nàng. Gọi đúng theo tên Chàm thì là Poh Nagar. Sự-tích của nàng, do người Việt đặt ra từ thời xưa, cũng không giống như sự-tích do chính người Chàm kể lại, (Tháp này xây từ năm 817, dưới đời Vua Chàm Narivarman I). Theo người Chàm thì Poh Nagar là một vị Nữ-Thần do Trời làm phép mầu nhiệm cho áng mây và bọt nước biển hòa hợp lại mà hiện thân ra. Nàng được Trời cho ngự-trị trên đất Chàm này, có lẽ từ hồi khai thiên lập địa, cho nên dân Chàm mới gọi là BÀ CHÚA XỨ. Nàng có 97 ông chồng, nhưng chỉ có ông POH YAN AMO là được nàng thương hơn hết, và có oai-quyền hơn hết. Nàng được 38 người con gái, hiện nay có 3 người được người Chàm còn thờ, là POH NOGAR DARA, RARAI ANAIH, là hai nữ thần ở Phan

Rang, và POH BIA TIKUK là nữ-thần ở Phan-Thiết. Poh Nagar đã dạy cho dân Chăm cây lúa, dă gạo, nấu cơm, và trồng cây trầm để đốt hương thơm cúng trời. Đó là sự-tích vị Nữ-Thần mà người Chăm tôn làm bậc Thánh-Mẫu.

Còn truyền-thuyết Việt - nam mới đặt ra sau này thì khác hẳn. (Người Việt - nam chiếm đất Jayatran vào khoảng năm 1653, cách nay mới hơn 300 năm). Theo thuyết ấy, do ông Phan-thanh-Giản có ghi trên tấm bia (dựng năm 1856, dưới đời Tự-Đức) mà ngày nay chúng ta còn thấy ở phía sau Tháp Bà, thì «Thiên - Y - Thánh - Mẫu» giáng-sinh ở núi Đại-An, Khánh-hòa, Nàng ở đây một mình, đêm đêm thường ra chơi trong vườn dừa của hai vợ chồng già ở gần đấy. Khi nàng được mười tuổi, một hôm ông già bắt gặp nàng đang hái dừa. Hai vợ chồng già không có con, sẵn được đứa bé côi cút đem về làm con nuôi. Nàng lớn lên, bỗng có trận lụt đại hồng-thủy, một khúc cây trầm to lớn trôi dạt qua đấy, nàng biến thân vào cây trầm, để cho giòng nước cuốn trôi sang tận bên Tàu, tấp vào bờ Bắc-

Hải. Một vị Hoàng-tử chừng hai-chục tuổi, đi ngang qua đấy thấy cây trầm (cũng gọi là cây Kỳ-nam) thơm và đẹp lạ-lùng, bèn sai người chở về kinh-đô, để trong vườn ngự-uyên. Một đêm trăng, Hoàng-tử đi dạo mát trong vườn, thấy một thiếu-nữ vô-cùng diễm-lệ hiện ra bên cây trầm ngào-ngạt hương thơm. Nàng tiên ở Jayatran với Hoàng-tử Trung-quốc yêu nhau, rồi hôm sau Hoàng-tử được Vua cha cho phép kết-hôn với nàng. Sống chung một thời-gian khá lâu, công - chúa Thiên-Y-A-Na đã sinh được một Hoàng-nam tên là Tri và một Hoàng-nữ tên là Quý. Một hôm, nàng nhớ quê-xưa, liền dắt hai con biến thân vào cây gỗ trầm thả trôi về Jayatran. Vợ chồng ông già vườn dừa đã chết từ lâu. Nàng lập đền thờ. Nàng dạy dân Chăm trồng lúa, và mở mang sinh-kế. Rồi một buổi sớm, nàng cỡi chim Loan bay về Trời...

Trên đây là kể sơ-lược sự-tích của Thiên-Y-A-Na, ghi trên tấm bia, do Cụ Phan-thanh-Giản viết bằng chữ Hán, đề ngày 20 tháng 5, Tự-Đức năm thứ 9. Ông «Hiệp biện đại-học-sĩ, lãnh

Lễ-bộ Thượng-thư» Phan-thanh-Giản, có mấy lời thắt-mắc ở đoạn cuối bài Bia : «Có một điều mà tôi lấy làm lạ, nếu Ngait quả là Thiên-nữ thì đến đây làm chi, toan sống trọn đời với núi non thì lại bỗng dưng vượt biển Nam sang Bắc kết duyên âu-yếm cùng Thái-tử rồi lổi hẹn trăm năm mà trở về núi ải.

Đến sau, cảnh còn người mất gió mây trôi nổi ra oai thần - thánh như vậy thì hành-vi bậc thần-thánh không tự - chủ nhất định được hay sao, thật tôi rất lấy làm lạ ! »

Cụ Phan-thanh-Giản tỏ ý ngạc nhiên, vì Cụ còn tin một phần nào nơi sự-tích viễn-vông trên kia do người Việt ta theo-dặt đó thôi. Chứ sự-tích chính-thức do người Chăm kể lại mới đúng, vì Poh Nagar chỉ là vị Nữ-Thần trong Thần-thoại của Chăm.

Cụ Thượng thư bộ Lễ Phan-thanh-Giản tin rằng Thiên-Y-A

Na «Thánh Mẫu», là vị Nữ-Thần linh-ứng của đất Chiêm-Thành, cho nên có lẽ các vua triều Nguyễn đã tin theo lời Cụ mà cho xây trên đỉnh đồi Ngọc-Trần, gần kinh-đô Huế, ngôi đền Huệ-nam-Điện để thờ bà «Thánh - Mẫu Thiên-Y-A-Na». Một năm hai lần Xuân Thu một vị Thượng Quan của Nguyễn-Triều, đại diện nhà Vua đến tế lễ tại điện. Thì ra các Vua ta đã đến xâm-chiếm đất của Chăm, lại phải cúng lạy một người đàn-bà Nữ-Chúa của dân-tộc bại trận, để tạ lỗi nàng, và cầu xin nàng phù-hộ cho ! Lịch-sử thật là mỉa-mai vậy thay !

Cho đến ngày nay, một kẻ du-khách đến thăm Nha-Trang, cũng không khỏi bị quyến-rũ bởi một u-hoài vạn-cổ. Nó cũng bán-khoản bước vào khung cửa tò-vò, đứng trước pho-tượng duyên-dáng diễm kiêu của nàng Công-Chúa linh-thiên, trao gởi vài lời tâm-sự...

— HẾT —



* Ý-nghĩ thoáng qua : Lạc-quan

Bầm-tĩnh của con người là lạc-quan thái-quá. Thí-dụ : ai mua vé số cũng hy-vọng trúng số độc-đắc ! Trái lại, không ai đi đường mà nghĩ rằng mình có thể bị tai-nạn xe-cộ ! B.T.

ATALA



● Chateaubriand
TRẦN - CHU dịch

(Tiếp theo P.T. số 55)

III. - TẮN THẨM KỊCH

KH I trở về, cha Aubry và Chactas thấy Atala đang trầm mình tự tử. Bình sinh, mẹ nàng đã hiến dâng nàng cho Thánh nữ đồng trinh, nên khi bà sắp qua đời, nàng thề rằng nàng sẽ vâng theo lời nguyện ước của bà.

Bị mắc vào giữa mối tình với Chactas và lời thề dâng mình cho Nữ-Thánh, nàng bèn tự đầu độc cho vện chữ tuyền, nhưng không hay biết rằng Đức giám mục ở tòa thánh Québec (tòa Thánh có toàn quyền ở khu vực xứ Canada và Lonisiane) có thể giải cho nàng

khỏi lời thề, và sự quyền sinh của nàng, đối với giáo đồ, là một trong tội.

— Trước tiên, tôi không biết đến những điều nguy-hiểm của những lời thề của tôi. Đây lòng nhiệt thành và ý niệm chân thật về tôn giáo, kiêu hãnh với giòng máu Tây - ban - nha cuộn cuộn trong người, tôi chỉ thấy quanh tôi toàn là những người đàn ông không xứng đáng được nắm lấy tay tôi. Tôi hoan hỷ không có người chồng nào khác, ngoài Thượng Đế mà mẹ tôi đã cầu nguyện được dâng lên Ngài cả thể xác và tâm hồn của tôi.

«Hỡi người tù binh trẻ đẹp»

em đã thấu rõ và rất cảm-động cho tình cảnh của anh, em đã giám nói chuyện với anh bên giàn hỏa táng giữa rừng; chao ôi, lúc bấy giờ em thấy tất cả cái trĩu nặng của lời ước nguyện»...

Khi Atala vừa dứt lời, tôi thét lên, siết chặt nắm tay và nhìn người giáo sĩ một cách hăm dọa :

— Tôn giáo của ông như vậy mà ông lắm tán dương với tôi ! Hại thay cái lời thề đã cướp mất nàng Atala thân yêu của tôi ! Hại thay Thiên Chúa đã phản lại tự-nhiên ! Hỡi giáo sĩ, ông đã đến làm gì trong khu rừng này ? »

Người giáo sĩ bỗng trả lời tôi, giọng dễ sợ :

— Hãy cứ lấy người, khắc phục cái say đắm và tự ngăn cản người lại ! Người, kẻ phạm thượng, hãy chú ý đến sự giận dữ của thiên thần ! Hợp với người lắm rồi, vừa bước chân vào đời, đã phàn nàn những nỗi đau khổ ! Người đã tỏ ra dấu hiệu gì về nét chịu đựng ? Nhưng người đã chịu đựng những nỗi bất công nào ? Đức hạnh : người đề ở đâu ? Đức hạnh nào đã cho người cái quyền phàn nàn như thế ? Người đã làm được cái gì ?

Chao ôi, bất hạnh làm sao, con chỉ dâng lên những đam mê say đắm và con giám trách cứ Chúa Trời !

«Khi con đã sống qua 30 năm tự đây ải trên núi rừng như cha, con sẽ không còn nóng nảy xét đoán những chủ định của Chúa Trời. Lúc bấy giờ con sẽ thấy rằng con không hiểu biết được điều gì, con sẽ thấy con không là gì cả, con sẽ thấy không một hình phạt nào nghiêm khắc, không một tội ác nào kinh khủng mà cái thân xác đòi bại này xứng đáng đề chịu đựng».

Mắt vị giáo sĩ chói ngời, chòm râu dài đập vào ngực, những lời nói như sét đánh làm cho ông tựa hồ như một vị Thiên Thần. Khuất phục trước vẻ trang nghiêm của ông, tôi quỳ sụp dưới chân ông, xin ông tha thứ cho những nỗi lờ lẫm.

— Con ơi, ông đáp lại, một sự ăn-năn tràn ngập lòng cha, một sự ăn-năn hiền-dịu. Con ạ, đó chính không phải vì cha mà cha quở trách con. Chao ôi ! Con yêu quý của cha, con đã nói có lý : cha chẳng làm được trò trống gì khi đến khu rừng này, và Thượng-Đế không có người lão

bộc nào mà không xứng đáng như cha.

«Nhưng con ơi, Thượng-Đế, Thượng-Đế, là một vị Thiên-thần mà không bao giờ ta giám trách cứ. Con hãy quên đi cái lỗi lầm của cha, nếu cha đã xúc phạm đến con. Nhưng chúng ta hãy lắng nghe Atala, người thân yêu của con đang đau khổ kia kia. Có lẽ có thuốc men, chúng ta chớ nên thất vọng. Chactas, chính nhờ một tín-ngưỡng rất thần linh mà em con đang tràn trề hy-vọng»...

Đến chiều tối, cơn bệnh của Atala phát hiện ra nhiều triệu chứng dễ sợ. Chân tay nàng tê buốt, người nàng rã-rượi. Nàng bảo tôi :

— ‘‘Nắm chặt lấy bàn tay em, anh không thấy nó lạnh buốt lắm sao ?

Tôi ghen-ngào siết chặt tay nàng. Tóc tôi dựng đứng lên, sợ hãi. Nàng lại nói thêm :

— Anh yêu, hôm qua, chỉ có cạỵ dụng chạm của anh làm cho em phải rùng mình ; và bây giờ em thấy không còn cảm-xúc với tay anh nữa, hầu như em không còn nghe thấy tiếng anh nữa, và những đồ vật trong

hang hình như tan biến đi dần dần. Có phải không anh, những giọng chim líu-lo đương ca hát ? Có phải không anh, mặt trời vàng ủa đã phải sắp lặn đi rồi ? Chactas yêu dấu của em, trong bãi hoang-vu, những tia nắng vàng chắc sẽ huy-hoàng chiếu toả trên nắm mồ của em, anh ạ,

Nàng lo-lắng, cái lo-lắng khả ái diễm-kiều, và những lời chân thành thống thiết làm cho chúng tôi sứt sùi, nhòa lệ. Thoáng thấy vậy, nàng nói tiếp :

— Cha và anh ạ, hãy tha thứ cho con, con yếu lắm rồi, nhưng con có thể trở nên mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, cái chết đến quá trẻ và trong lúc tâm hồn con tràn đầy nhựa sống. Lay cha, xin cha hãy thương con, xin cha hãy nâng đỡ con. Cha có tin rằng Mẹ con đã vui lòng và Thượng Đế có tha thứ những tội lỗi con đã mắc phải hay không ?

Vị giáo sĩ hiền hòa, giọt lệ. Ông vừa dùng bàn tay run-rẩy thăm-lệ, vừa đáp lại, giọng sứt-sùi :

— Con ạ, tất cả những điều khổ hạnh của con đều do sự thiếu hiểu biết mà ra. Chính nền văn hóa man dã và sự thiếu thốn một

nền giáo huấn cần thiết đã đánh mất con ; và con cũng không biết rằng một tín-đồ có thể tự ý sử-dụng đời sống của mình. Vậy con hãy tự an-ủi lấy con, con chiến thần mến của cha, Thượng Đế sẽ xá tội cho con, vì tâm hồn con quá bình dị. Mẹ con và người giáo sĩ đã dẫn dắt bà không cần-thận sẽ có tội nặng hơn con ; họ đã vượt quá quyền hạn của họ khi họ làm đau khổ con, với những lời cầu nguyện không kín đáo ; nhưng Thượng - Đế sẽ khoan dung đối với tất cả mọi người. Chính con đã hiến cho cả ba người một tấm gương khủng-khiếp về những sự nguy hiểm của lòng sùng bái và lỗi lầm có thể xảy ra của ánh sáng giáo-tông.

Hãy yên tâm, con ạ ; kẻ nào mà dò xét chân thành tận đáy lòng của họ, họ sẽ suy đoán rằng những ý định của con hoàn-toàn tinh khiết, và họ sẽ không xét đoán trên hành-động của con, vì điều này con đáng phải mang tội.

Còn về phần đời sống, nếu con siêu thăng để nhập cảnh Thiên-Đàng thì, con ơi, con không thiệt thòi gì bao nhiêu khi con từ bỏ cõi trần này. Mặc

dầu con đã sống trong sự cô đơn, con đã nhận lãnh những nỗi ưu-phiền ; như vậy, con sẽ nghĩ thế nào nếu con đã là một trong những chứng nhân cho những tệ tục của thời-dại, hay nếu khi lang thang trên những bờ sông Châu-Âu, những tiếng than của đau khổ nào-nùng trên miền đất xa xưa ấy dội mạnh vào tai con ?

Trên cõi trần này, người dân sống trong đồng cỏ hay nơi những lâu đài, tất cả đều than vãn, tất cả đều phải chịu đựng ; người ta đã thấy những đức Hoàng - hậu sang trọng cũng khóc than như bao nhiêu người đàn bà tầm thường trong trần thế này và người ta ngạc-nhiên khi thấy những vị Thiên-tử đang ngự trị trên ngai vàng cũng đổ lệ chẳng biết bao nhiêu !

Mỗi tình mà con tiếc-nuối đó là cái gì ? Con ơi, con chỉ nên khóc như con khóc cho một giấc mộng. Con có biết rõ chẳng tâm hồn của những người trai trẻ và con có thể nào ngồi đếm được bao nhiêu sự đổi thay của ước muốn của họ ? Đó, đúng hơn, con ngồi đếm được bao nhiêu đợt sóng cuộn-cuộn mà biển-cả đã đập vào bờ trong cơn giông bão vậy.

Atala con ơi, những sự hy-sinh, những ân-huê đầu phải là những sợi dây vô thủy vô chung : một ngày kia, có lẽ sự ghê tởm lại đến với những nỗi chán-chường, quá-khứ chỉ còn như thoảng một gợn mây buồn mong-manh nhạt màu trong ký-ức, và người ta chỉ còn thấy dường như bị ám-ảnh bởi những điều bất tiện nơi một sự liên-hợp đáng khinh-bĩ, nghèo nàn. Con ạ, chẳng phải nghi-ngờ gì cả, những mối tình cao đẹp nhất đời chính là những mối tình của con người do Thượng-Đế tạo dựng nên. Một thiên đường đã được tạo lập cho họ, họ sống vô tội và bất diệt đời đời. Họ vui lòng với tất cả, tâm hồn và thể xác họ được viên-mãn : Bà Ève được sinh trưởng để phù hợp với ông Adam, và ông Adam để phù hợp với bà Ève. Tuy nhiên, có phải chẳng bao nhiêu cặp nhân tình sau ông Adam và bà Ève đã không duy trì được cuộc hạnh phúc vương trôn ấy ? Nhưng có lẽ con nên tự nhủ rằng... rằng con tìm thấy được niềm êm dịu của hôn nhân ít hơn là cái vẻ quyến rũ nơi sự ngông cuồng của tuổi trẻ đang khao khát ái-tình. Ôi, tất cả mộng-tưởng huyền-hoặc mơ-màng phù-hư của một ao-ước hảo-

huyền binh-hoạn !...

Con hãy nghe một kinh nghiệm quý báu đã dạy rằng nếu con người điều hòa trong tình thương mến, có thể cung-ứng không ngừng theo một cảm tình luôn luôn đổi mới, chắc chắn rằng sự cô đơn và thần Ái-tình đã đặt họ ngang hàng với Đức Chúa Trời, vì đó là hai thứ khoái lạc bất tuyệt của Đấng Tối cao. Nhưng tâm-hồn con người hay mệt-mỏi, và chung đụng với người nào đã nuôi dưỡng cho họ một mối tình sung-mãn, họ mong sao cho được đổi mới để tránh khỏi nỗi chán-chường. Nơi họ, luôn luôn có những điểm mà hai tâm hồn không còn rung động, họ không còn thấy tâm-đồng ý hợp như thuở ban đầu, và như vậy, cuộc đời họ chán-nản ê-chề, ta với mình tuy một mà hai !

Cuối cùng, con yêu quý của ta, trong khi mơ tưởng đến hạnh-phúc, điều lỗi lầm lớn của người đời là quên hẳn sự suy nhược của cõi chết còn lưu-luyến ở trần gian này ; điều ấy con phải biết đến để đoạn tuyệt. Bổng hạnh-phúc diễm kiều của con dầu chóng hay chầy, cái nhan-sắc của nó cũng sẽ đổi thành cái diện mạo nhàn - uó

điều hoà mà phần mộ đã giành cho gia-đình Ève-Adam ; ngay chính mắt của chàng Chactas cũng không thể nào nhận ra con nơi đám những bà xơ trong phần mộ. Tình yêu không thể nào khuếch trương cái thế lực của nó được đến tận chiếc quan tài. Cha đã nói cái gì ? (Ôi, vạn sự đều giả dối !) (1) Cha đã nói gì về quyền lực của những tình bằng hữu, tình yêu đương trong thế gian này ? Con yêu quý của ta, con có muốn biết sự lan tràn của quyền lực ấy ? Nếu sau khi chết một đôi năm, người nào lại trở về cuộc trần, cha ngờ rằng họ sẽ được đón tiếp niềm nở bởi chính những người đã đồ cho họ bao nhiêu giòng lệ để mong vơi bớt nỗi nhớ nhung : người ta lệ làng gây ra bao nhiêu những liên-hệ khác, người ta dễ dàng nhuộm lại bao nhiêu những thói quen, sự hòa hợp tự nhiên với con người, và cuộc đời của chúng ta có là gì, ngay cả trong tấm lòng của những người bạn chí thiết của chúng ta ?

Con yêu quý của ta, con hãy biết ơn tấm lòng từ thiện của Thượng-Đế, vì Ngài đã nhanh lẹ cứu vớt con ra khỏi bề trầm luân như thế này...

Lúc bấy giờ, giọng nói của

Atala đã yếu quá rồi. Bóng tử thần đã nhuộm vàng khoé mắt, vành môi. Những ngón tay của nàng run-rẩy mấp-máy như muốn tìm kiếm một vật gì. Nàng muốn cố bảo toàn lấy những mảnh linh-hồn khi thoảng khi hiện. Bỗng nhiên, nàng ráng hết sức tháo gỡ bức tượng Chúa Jésus trên thập-tự-giá nơi cổ nàng, nhưng không nổi nữa, nên nàng van-tôi mở hộ nàng và nàng bảo tôi :

— Khi em nói chuyện với anh lần đầu, anh nhìn thấy trong ánh lửa hồng, bức tượng này sáng chói lên trên ngực em, ; đó chính là cái báu vật duy nhất của em. Cha Lopez của anh và của em đã gửi báu-vật ấy cho mẹ em mấy ngày sau khi em ra đời. Anh hãy nhận nơi em cái di-sản quý báu ấy, ôi, anh yêu dấu của em ! Anh hãy giữ nó để nhớ đến những điều bất hạnh của em, của cả chúng ta... Anh còn phải trông cậy đến Thượng-Đế của những kẻ bất hạnh, trong những nỗi ru phiền của đời anh. Chactas yêu dấu, em có một lời nguyện ước

(1) *Vanitas vanitatum, et omnia vanitas, Vanité des vanités, et tout est vanité. Ecclésiastes, I, 2*

cười cùng và em cầu mong anh thực hiện. Chúng ta kết bạn với nhau trong một đời sống ngắn ngủi nơi trần thế, nhưng sau đời sống này còn có một cuộc đời dài hơn. Em cảm thấy ghê sợ lắm sao, khi phải xa lìa anh vĩnh viễn. Hôm nay em chỉ muốn đến trước anh, và em sắp đợi anh trên cõi Thiên-đường. Nếu anh yêu em, anh hãy tu luyện cho thành một con chiên trung-thành của Chúa, vì Chúa sẽ sắp đặt cho cuộc kết hợp của chúng ta sau này. Chúa sẽ ban cho anh những phép màu huyền diệu, cũng như Chúa đã giúp cho em có thể từ biệt anh, bất tử trong những phiên muộn của niềm thất vọng. Tuy nhiên, Chactas, em chỉ muốn anh hứa với em, một lời hứa giản dị, một lời thề, và em chẳng biết rằng lời thề này có đắt giá lắm hay không. Em cũng chẳng rõ lời cầu nguyện của em có làm cho anh xa rời những người đàn bà có điểm phúc hơn em trên cõi trần này hay không...

«Ôi Mẹ ơi, xin Mẹ tha thứ cho con những lỗi-lầm. Chao ôi! Hỡi Đức Thánh-Nữ Đồng-Trình xin Thánh-Nữ hãy nguôi nguôi cơn giận! Ôi, tôi yếu quá đi rồi!»...

Ngập chìm trong đau khổ, tôi hứa với Atala rằng tôi sẽ ngoan đạo. Trong cảnh ấy, vị Giáo-sĩ vùng vượn dậy, vẻ mặt ưu sầu, hai tay chống lên thành hang đá. Ông bảo với một giọng run run :
— Đây là lúc... lúc con về với Chúa rồi!

Thoạt nghe ông, một sức mạnh siêu quần nào ép buộc tôi quỵ xuống, gục đầu vào chân ngài... Và vị giáo sĩ đã mở trống một hang nhỏ, kín đáo, trong ấy có cái bình bằng vàng bao phủ bởi một tấm khăn lụa. Ông sụp xuống, kính cẩn lạy với một lòng sùng bái sâu xa. Chiếc hang bỗng chốc trở nên có thần-cảm lạ lùng, người ta nghe thấy trên không những giọng nói của Thiên-Thần và tiếng rung động của những chiếc móc sắt của Ngài; và khi vị giáo sĩ kéo chiếc bình ra, tôi như thấy chính Thượng Đế từ sườn núi tiến về...

Vị giáo sĩ mở toang chiếc bình đựng vật lễ, hay ngón tay run run lấy ra một chiếc bánh trắng như bông tuyết và Ngài bước lại chỗ Atala nằm, lăm-bầm cầu nguyện, đôi mắt mờ-màng. Nàng con gái của Đức Chúa Trời bây giờ mắt hướng lên trên không, ngây-ngất đê-mê. Tất cả những nỗi đau khổ của nàng như dừng hẳn lại, toàn

thể đời sống nàng như quy-tụ lại nơi miệng nàng; đôi môi nàng hé mở, thành khăn tìm Đức Chúa Trời cồn lặn khuất trong chiếc bánh Thần-linh. Tiếp theo, vị giáo sĩ tẩm một chút bông gòn vào nước thánh để tẩy lễ, xác nhẹ vào thái-dương của nàng, nhìn nàng trút hết linh hồn, và bỗng nhiên ông cầu khẩn :

— Hãy đi đi, linh hồn của Thánh-Nữ; hãy đến tiếp với Đấng sáng tạo của con !

Ngần đầu lên, nhìn bình nước Thánh, tôi phều phào :

— Lạy Cha, thứ thuốc này có làm cho Atala sống lại hay không, thưa Cha ?

— Phải đấy, con ạ. — vị giáo sĩ trả lời, vừa ngã quỵ xuống tay tôi, — thứ thuốc này sẽ làm cho Atala của con sống một đời sống đời đời, con ạ...

(Còn nữa)

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187

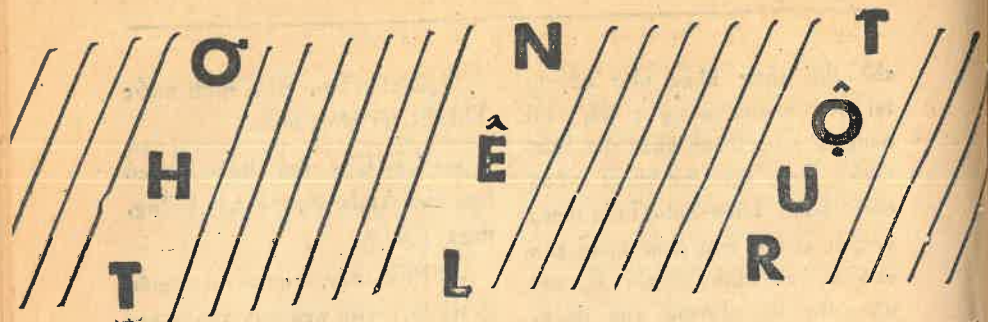


PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



TRÒ HỀ

(Tin các báo : một giáo-sư trường đại-học bên Mỹ chán nghề mô phạm, xin vào làm việc tại một gánh « xiếc » để thủ một vai hề.)

Có một vị giáo sư đại học,
Ngán dạy nghề « học chọc bát cơm ».
Nhưng là rất cổ, mỗi mồm,
Quanh năm ra-rả, sớm hôm tối ngày.
Câu triết lý dở, hay, hay, dở,
Đạo nhân luân nhồi sọ, sọ nhồi
Nhồi bao nhiêu cũng thể thôi,
Mà xem cái tấn tuồng đời khác đâu.
Vòng danh lợi quanh bầu thể tục,
Chữ kim tiền chen-chúc cạnh tranh.
Lạ chi thể thái nhân tình,
Lừa người là một, dối mình là hai.

Cuộc phù thế dọn sai vốn dĩ,
Chữ thánh hiền nghĩa lý gì đâu.
Tóc xanh đến thừa bạc đầu.
Trò hề thôi cũng trước sau trò hề.
Trải ngày tháng đi về chán ngắt,
Tủi mình chưa vẽ mặt như ai.
Phải đâu thua chí kém tài,
Giáo sư thêm ngán cái đời giáo sư.
Thảo đơn vội đem đưa gánh « xiếc »,
Quyết ra trò cho biết mặt đây.
Dở hay thể sự phôi bày,
Hơi đâu che cái mặt đầy giả danh.
Đạo đức giả cố tình giữ mãi,
Tấn tuồng đời mặt trái càng dơ.
Bịp đời đóng mãi vai trò,
Dạy mình chưa dễ bây giờ dạy ai ?
Lấy phấn son đem bôi lên mặt,
Giả cùng chân rõ thật như in.
Vai trung mặt đỏ, mặt đen,
Nịnh thần mặt trắng, đảo điên mặt chì.
Mặt không phấn chắc chi mặt thật,
Bôi phấn son mà lật mặt đời.
Hy trường ta quyết bán cười;
Cười ra nước mắt, mặc người khen chê.
Nhìn trường đời mặt hề lắm kẻ,
Ngắm gương mình chưa dễ nào ai.
Hề kia đóng hết mấy người,
Mà đời mấy kẻ đáng vai trò hề.

● TÚ.BE

MỒI HỜI NƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 55)

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Ông Ngọc - Minh đang ngồi trong văn-phòng trường Đạo-Đức ngẫu nhiên chứng kiến vụ một cô nữ sinh nghèo, tên là Phạm-thị-Toàn bị đuổi vì thiếu mấy tháng tiền học phí.

Về nhà, ông viết thư mời cô ấy đến nhà ông. Ông đề nghị giúp tiền để cô Toàn được tiếp tục học cho đến kỳ thi.

Cô đã lau mấy ngăn kệ nhưng ở đâu trong đôi mắt sâu mờ nó lại trào ra, chảy trên hai bên má, một giọt, hai giọt, lặng-lẽ rơi xuống áo.

Cô Phạm-thị-Toàn không còn ngượng nữa. Ông Giáo Ngọc - Minh tuy mới biết cô chưa đầy một tiếng đồng-hồ, nhưng đã hiểu rõ nỗi lòng cô rồi. Cô còn che-giấu sao được nữa?

Bây giờ đây cô coi ông Giáo như một bậc ân-nhân ngẫu-nhiên mà gặp, cô không biết nói một lời gì để tỏ hết nỗi lòng biết-ơn sâu xa thành - kính của cô.

Toàn gục đầu xuống thành ghế, khóc nức-nở...

Nghe tiếng giày của ông Giáo từ nhà trong bước ra, cô Toàn lau nước mắt. Ông Ngọc-Minh đến gần, trao cô một bao thư:

— Cô cầm lấy, và sáng ngày

MỒI HỜI NƯỚC MẮT

mai cô cứ vui-vẻ đi học lại như thường. Tôi chỉ yêu cầu cô một điều thôi. Việc tôi giúp đỡ cô không có gì lợi-dụng cả, và tôi mong cô đừng cho một người nào hay biết. Số tiền trong bao thư này, đủ để cô trả hết 4 tháng học-phí cô còn nợ nhà trường, và học-phí tháng Hai này, thêm chút ít để cô mua sắm sách vở hoạt các món chi-tiêu cần-thiết hằng ngày. Từ nay cho đến kỳ thi, cứ mỗi tháng tôi sẽ gửi giúp cô đủ số tiền cô cần-dùng để đi học. Nếu cô ngại đến đây, thì tôi gửi em nhỏ của tôi cầm đến nhà cô...

Cô Nữ-sinh Phạm-thị-Toàn không dám cầm bao-thư, Cô ái-ngại, vì sự giúp-đỡ của ông Ngọc-Minh là một việc cô thật không ngờ. Cô không biết cô có nên nhận-lãnh hay không, và nếu nhận-lãnh thì sao?

Toàn cúi mặt xuống, suy-ngĩ rất lâu. Ông Ngọc-Minh nói tiếp:

— Nếu cô có thắc-mắc điều chi, cô cứ nói thiệt tôi nghe. Có sợ tôi lợi - dụng cô việc chi chăng?

Toàn khẽ đáp:

— Dạ, thưa ông, không.

— Cô ngại rằng tôi sẽ đòi lại số tiền này chăng?

— Dạ không.

— Hay là cô sợ mang ơn tôi, rồi sau này cô khó xử cách nào với tôi chăng?

Toàn làm thinh. Ông Ngọc-Minh nói tiếp:

— Số tiền này không có là bao. Cô đừng nghĩ rằng đây là một ân-huệ. Chỉ là một sự giúp đỡ rất thường, không có chi đáng để cô phải lo ngại. Tôi không đòi hỏi hoặc bắt-buộc cô một điều chi cả. Cô tiếp tục học đến tháng sáu thi đỗ, ấy là tôi vui mừng. Cô thi đỗ, ấy là cô sẽ trả ơn cho tôi đó. Nói cho cùng, dù cô sẽ thi rớt chăng nữa, tôi cũng không buồn, vì cô đã cố gắng học-hành, xứng-dáng với sự giúp-đỡ của tôi. Cô nên tin rằng tôi không bao giờ tiếc sự giúp-đỡ của tôi đâu.

Toàn ngừng mặt lên nhìn ông Ngọc-Minh. Ông hơi bối-rối, vì đôi mắt còn rớm lệ của cô trông như hai viên ngọc huyền lóng-lánh. Nỗi buồn và đau-dớn của cô càng làm tăng thêm vẻ đẹp thủy-mị diễm-kiều của cô Nữ-sinh 18 tuổi. Ông Ngọc-Minh muốn tránh những cảm-xúc mạnh

trong phút hội-kiến, ông quay lại bàn xa-lông lấy gói thuốc, rút ra một điếu châm hút. Ông quay lại cô Nữ-sinh, đưa cô bao thư. Toàn vẫn chưa dám cầm và lễ phép nói :

— Thưa ông, ông có lòng từ-thiện giúp đỡ em, em xin cảm tạ lòng ông... Nhưng em ngại...

— Cô ngại điều chi ?

— Ông chưa biết em... Em cũng lần đầu-tiên được hân-hạnh đến đây, em không dám đường-đột... làm phiền ông.

— Cô không làm phiền gì tôi cả. Miễn là cô đừng nghi-ngờ lòng thành-thật của tôi thôi,

— Dạ, em đâu dám nghi-ngờ... Ông quá tốt với em như thế này, em chỉ ngại thôi.

— Cô đừng ngại gì hết. Cô nghe lời tôi, cầm bao thư này rồi cứ vui-vẻ tiếp tục việc học.

Ông Ngọc-Minh trao bao-thư tận tay cô Toàn. Cô không thể từ chối được nữa. Cô bẽn-lên cầm lấy :

— Dạ thưa ông, em xin cảm tạ tấm lòng độ-lượng của ông. Em tiếp tục đi học được là nhờ ơn của ông, em không dám quên.

— Cô cố gắng học-tập, thế là tôi mừng.

Phạm-thị-Toàn tay cầm bao-thư, cúi đầu từ giã ông Ngọc-Minh. Ông đưa cô ra đến tận cổng.

Đi bộ từ Thị-nghè về, cô Phạm-thị-Toàn suy-nghĩ lung lắm. Lên cầu Thị-nghè, cô vừa đi vừa mở bao thư ra coi : hai ghim giấy bạc hai ngàn đồng và một xấp lẻ năm trăm đồng. Cô cất lại trong bao thư, bỏ vào túi. Cô mừng như trúng số độc-đắc. Từ trước đến giờ, chưa lần nào tự-nhiên cô được số tiền lớn lao như thế. Cô tính thăm : 5 tháng tiền học còn thiếu là 1,500\$. Dư 1.000\$, cô mua mấy quyển sách đang cần. Vẫn còn dư bảy tám trăm... Lòng thơ lai-láng bồi-hồi, cô Nữ-sinh mong về mau đến nhà để viết bức thư tỏ hết cả nỗi lòng tri-ân sâu xa của cô mà lúc này trước mặt ông Ngọc-Minh, cô quá xúc-cảm nghẹn-ngào không nói được nên lời. Cô vẫn lan-mạn nghĩ-ngợi không hiểu sao ông Ngọc-Minh lại rất tử-tế với cô như thế. Cô cho rằng trên đời không làm gì có được hai người như ông giáo Ngọc-Minh. Thật ra, ông không biết cô là ai cả, cha mẹ của cô, gia-dình của cô, nhà cửa của cô, ông hoàn-

toàn không biết một tí gì. Ông chỉ mới thấy cô lần đầu tiên trong văn-phòng ông Hiệu-trưởng trường Đạo-Đức và cũng lần đầu tiên ông biết cô là con nhà nghèo, thiếu trường 5 tháng tiền học. Thế thôi. Còn đối với ông, cô cũng chẳng biết gì hơn !

Dù sao, cô không một chút nghi-ngờ lòng thương người của ông. Tiếp-xúc với ông đầu tiên, cô đã nhận thấy nơi cử-chỉ của ông hoàn-toàn là một người đứng-dẫn, và cao-thượng. Nhớ lại đôi mắt của ông nhìn cô với một vẻ hiền-lành và giọng nói của ông rất dịu-dàng, chân thật cô nữ-sinh thấy lòng mình hồi-hộp nao-nao...

Cô tin rằng sự gặp gỡ ngẫu-nhiên này là một may-mắn đẹp-đẽ nhất trong đời cô... Không có gì khiến cô phải lo ngại. Bởi lẽ nó đẹp quá, nó bất ngờ quá, nên cô bồi-hồi tặc-dạ. Cô vui-sướng không xiết kể. Trong tuổi thiếu-nữ bẽn-lên khỗ-nhục của cô, chưa có lần nào cô cảm thấy đời sống vui-tươi tung-bừng như bây giờ. Cô hân-hoan lắm.

Về đến nhà, cô viết bức thư sau đây :

Dakao, ngày ..

*Kính thưa Ông Ngọc-Minh,
Giáo-sư,*

Em rất cảm-động về sự giúp-đỡ vô cùng quý báu của Ông. Em xin nguyện với Ông rằng em sẽ hết sức cố gắng học-hỏi mong thi đậu T.H.Đ.N.C. kỳ này, để xứng đáng với lòng thương-xót cao-thượng của Ông. Sự nâng-đỡ của ông là một ân-uit lớn lao không xiết kể cho kẻ nữ sinh nghèo gần tuyệt-vọng. Em không biết nói gì hơn để tỏ hết lòng tri ân sâu rộng của em đối với bậc Ân nhân cao quý, nhưng em sẽ chăm lo trau dồi học vấn và tánh nết, để không phụ lòng quảng-đại của Ông.

Kính xin Ông nhận nơi đây chút lòng tôn kính chơn thật và cảm-động của em.

Kính thư

PHẠM-THỊ-TOÀN

✱

CHƯƠNG III

Ánh thời giúp việc cho Cô Năm, em gái ông Ngọc-Minh, về ở tạm nhà bà Cô ở xóm Bàn-Cờ. Ngay buổi tối bà Cô thấy Ánh ôm gối về, bà rất ngạc nhiên. Ánh bảo :

— Ở đây, người ta tử - tế, nhưng công việc nhiều quá, con làm không nổi.

— Con đã kiếm được chỗ làm khác chưa ?

— Thừa cô, chưa.

— Thời buổi bây giờ biết bao nhiêu thanh-niên thiếu-nữ thất nghiệp, đi xin làm đây tở cho người ta cũng khó chớ không dễ đâu, nghe con ! Được chỗ làm giàu sang như vậy mà con không ráng làm cho lâu bền, cô tiếc lắm đó.

— Chuyện gì rồi cũng là do số phận hết, cô à. Không lẽ đời của con cứ đi làm dứa ở hoài sao ?

— Không làm dứa ở thì làm dứa gì bây giờ ? Thời buổi này ai mà không đi làm thuê làm mướn ? Nhưng con gái như con, ăn rồi nằm không cả đống đó, con không thấy sao ?

— Con đâu có muốn ăn-không ngồi-rồi.

— Cô biết. Nhưng cô dặn con ở đời này mình là phận nghèo, làm ở đâu cũng phải ráng chịu lụy chủ, thì được lâu bền hơn. Thôi con ở nhà nghỉ ít bữa, sáng mai cô ra chợ Bến-Thành kiếm việc cho con. Ở Bùng-Binh, cô gặp nhiều mối quen.

Ánh dứt gói quần áo dưới manh chiếu rách để làm gối. Ánh nằm xuống nghĩ ngợi liên miên, tới khuya chưa ngủ được. Làm ở nhà Cô Minh-Tú mấy tháng, Ánh dành dụm tiền lương được bảy trăm đồng. Ánh giấu xấp-bạc ấy trong một túi áo cánh nhét ở dưới đáy gối. Lần đầu tiên, Ánh đã đem mồ hôi nước mắt để đổi lấy chén cơm và dành dụm được ngần ấy tiền kè cũng đã khá nhiều đối với Ánh. Ánh có hai quyết-định cho công việc làm từ ngày mai. Thứ nhất là đi kiếm Hoàng. Thứ hai là lấy vài ba trăm đồng đi may một cái áo dài bằng hàng trắng, và một quần trắng. Ánh có ít tiền không muốn mua hàng màu. Ánh cho rằng hàng màu mà rẻ tiền mặc coi xấu lắm, thà mặc đồ trắng thanh-nhã hơn và hợp với Ánh hơn.

Nhớ đến Hoàng, Ánh buồn rười-rượi trong lòng. Ông giáo Ngọc - Minh thì Ánh muốn quên, và có lẽ Ánh sẽ quên được trong vài ba ngày. Chớ Hoàng. Ánh quên làm sao được ? Hình ảnh của người bạn học cũ, đã nghèo mà còn đến giúp cho Ánh được 150 đồng bạc trong lúc Ánh đau nằm li-bì, không ai săn-sóc thuốc-men, hình ảnh của người

bạn trai nét-na dịu-lành ấy làm sao phai mờ được trong trí-nhớ của nàng ? Ánh biết Hoàng yêu Ánh, tuy yêu âm-thầm, nhưng yêu nhiều lắm mới lo lắng cho nàng được như thế chứ.

Tuy Hoàng chưa bao giờ nói ra, có lẽ vì tính nhút nhát, có lẽ vì sợ Ánh không bằng lòng, nhưng Ánh đã thấy rõ tình yêu âm-thầm của người bạn nghèo trong đôi mắt âu yếm nhìn nàng, trong giọng nói bờ-ngờ vì cảm-động, thiết-tha vì chân-thật, và trong từng cử-chỉ sẵn-đón ân-cần. Ánh muốn biết số tiền 150\$ trước kia Hoàng làm gì mà có ? Hay Hoàng mượn của ai ? Ánh muốn gặp Hoàng để tạ ơn tấm lòng thành của bạn. Hai năm xa cách Hoàng, từ hôm Ánh đau dậy và bỏ nhà ra đi, trốn người cha ghê khốn-nạn, hai năm không được gặp Hoàng. Ánh bồn-chồn thương nhớ. Hai năm, bao nhiêu lần Ánh đi ngoài đường cố ý tìm xem có bóng chàng đâu không ? Mỗi lần có dịp đi ra phố, bất cứ nơi nào, Ánh cũng liếc mắt ngó quanh, dòm tận xa xa, kiểm cùng các nẻo vắng, xem có Hoàng đi lang-thang kiếm nàng chăng ? Nhà lâu đồ sộ, cao lên đến vút mây xanh, cửa sổ tô điểm đủ màu, xe hơi bóng-

lóang chạy vùn vụt như thoi đưa, người ta đi qua lại đủ các hạng giàu sang, vàng ngọc sáng-ngời, hột xoàn lóng-lánh, chen lẫn nhau với đám người nghèo-khổ rộn-rịp giữa Saigon hoa-lệ. Nhưng Ánh không quan tâm đến gì cả, không để ý đến ai cả. Chỉ có Hoàng thôi. Chỉ một bóng người thất-thểu mà nàng tìm khắp mọi nơi, mỗi mòn con mắt, đau đớn tắc lòng.

Sáng nay, Ánh quyết về các xóm cũ mà đôi bạn trẻ đã từng gặp nhau lúc nàng còn đi bán hàng rong : Cầu Muối, Cầu Ông-Lãnh, Arras, Cây-Mai..

Ánh đi rào khắp các phố, các xóm, mong gặp một người quen cũ, để hỏi dò tin tức. Bạn học chung trường ngày trước nay cũng biến đâu mất cả...

Tìm lại Hoàng là cả một sự khó khăn. Ánh hồi tiếc trước kia không hỏi địa-chỉ của người bạn học cũ, và bây giờ muốn gặp Hoàng để trả lại số tiền 150 đồng, không biết làm sao gặp được. Chiều thứ bảy, Ánh đến tiệm may để lấy áo, tình cờ gặp một người bạn cùng học một lớp, cậu Định. Trông thấy Ánh, Định đang đi vét-pa liền thẳng xe, chào vồn vã:

— Ô cô Ánh ! lâu quá bây giờ mới lại gặp !

Ánh cũng vui vẻ :

— Anh Định ! Dạo này anh làm gì ?

— Tôi làm ở hãng thuốc.

— Hèn chi đi Vết-pa, sang quá xá !

— Còn Ánh, bây giờ làm đâu ?

— Tôi làm việc nhà.

Định nhìn Ánh với đôi mắt rành mành :

— Nhà ở đâu ? Mình đến thăm được không ?

Ánh hiểu liền giọng nói và nụ cười có tình-ý của người bạn học cũ, nên thân-nhiên đáp :

— Tôi ở xa lắm.

Định dăm-dăm nhìn Ánh, ra chiều thân-mật :

— Ánh đẹp hơn hồi đi học nhiều... Nhớ Ánh quá mà không biết Ánh ở đâu để tới thăm. Ánh có chồng chưa, nói cho mình mừng ?

— Cảm ơn anh, nhưng tôi không nghĩ tới chuyện đó. Còn nhỏ mà, lo làm ăn giúp đỡ cha mẹ đã chớ.

— Còn mình, mình nói thiệt với Ánh là mình chưa có vợ. Đời buồn lắm, Ánh à.

— Có chi mà buồn ? Sao anh không cưới vợ ?

— Đang kiếm đây. Bây giờ

làm có lương tháng đủ xài, nhưng được nhà Ba Má mình có tiền, ông hứa hễ chừng nào mình có vợ thì ông bỏ cho cái vốn để vợ chồng ở riêng chồng đi làm, vợ buôn bán. Kề như vậy cũng sướng đó, nhưng mình muốn tự ý kiếm người nào thích thì mình cưới, chớ người ta làm mối cho hai ba đám rồi mà mình không ưng đám nào hết.

— Sao vậy ?

— Tại không thích chớ sao. Mình muốn kiếm người bạn gái nào thiệt đẹp và mình đã quen biết tính nết... À ... Ánh à... Ánh ở nhà chớ không đi làm đâu thiệt hả ?

— Thiệt.

— Ánh à... Ánh tuổi gì nhỉ ?

Ánh cười, bông-lon :

— Tuổi con cộp !

— Thôi, dón hoài. Năm nay Ánh bao nhiêu tuổi, mình hỏi thiệt đó mà.

— Nói chơi, chớ tuổi con... con... gấu !

Hai người cùng cười. Nhưng Ánh hỏi :

— Anh em chị em học trường Chợ quán hồi đó, bây giờ đi đâu mất cả sao tôi không gặp ai hết ! Như Mai nè, Tuyết nè, Cúc nè, Hoàng nè... Ờ, anh Hoàng, bây giờ anh làm gì, anh Định ?

(Còn nữa)



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ **Bác sĩ Nguyễn-trần-Huân, Paris**

Đã nhận được quyển « *L'œil écoute* » của Paul Claudel, do, anh gửi cho — Xin thành-thực cảm-tạ thịnh-tình của anh.

★ **Ô. Cao-Quang, Paris.**

Đã gửi P.T. đến ông bằng phi-cơ, chắc ông đã nhận được ?

★ **Bạn Văn Tym - 126 Bùi-thị-Xuân Saigon**

Chữ « *Yên-sĩ phi-lý thuận* » là do tiếng Anh *Inspiration* (đọc : in-s'-pi-rê-son) = cảm-hứng.

● chữ *cas* (gặp cái *cas* đó) là Pháp ngữ = trường-hợp.

★ **Cô Vương-huyền-Trang, Ngô-tùng-Châu Giadinh**

● Ô.Ô = Ông, Ông. (viết theo Pháp-ngữ : một người thì đề : Monsieur, viết tắt là M, nhiều người thì đề : Messieurs, viết cho gọn là M.M.) Việt-ngữ : một ông thì đề : Ô, nhiều ông thì : Ô.Ô. (Nhưng ông có tên sau đây...)

● Nhân-sinh quan = (Triết) quan-niệm đối với đời sống của con người. Mỗi người có mỗi ý-nghĩ, hoặc nhận-xét khác nhau về đời sống : kẻ cho rằng sống là vui, đời đáng sống, kẻ khác cho rằng đời là bể khổ, lại có kẻ cho rằng đời là một cuộc chiến-đấu thường xuyên, hoặc đời là một trò hề v.v. ấy là đại-khái một vài nhân- sinh quan thông thường.

★ **Ô. Nguyễn-Phú-Tính — Đài phát thanh — Huế**

Truyện « *Tuần, chàng trai nước Việt* » đặt khung cảnh ở miền

Trung cho nên các nhân-vật đều nói tiếng miền Trung. Trung phần ở giữa hai miền Nam và Bắc, và tiêu-biểu cho toàn thể nước Việt. Bắc và Nam có vài ba yếu-tố cách-biệt, Trung thì dung-hòa được cả hai. Nhận xét tổng quát, những sự kiện lịch-sử trong giai-đoạn 1910-1960 ở Bắc, Trung, Nam vẫn không khác nhau mấy.

Bạn sẽ thấy rằng trong bộ Lịch-sử ký sự này khung-cảnh sẽ di-chuyển luôn luôn lúc dời ra Bắc, lúc đổi vào Nam, tùy theo nhu-cầu của mỗi giai-đoạn, và các nhân vật sẽ có những hành-động và ngôn-ngữ xác-thực, hợp với địa-phương và thời-gian tính.

● Hiện-tượng *Ảo Ảnh* trên bãi sa-mạc (Mirage. Theo nhà Bác-học Monge, trong quyển « Théorie des Ombres et de la Perspective » giảng giải về hiện-tượng ấy thì trên các bãi sa-mạc, hoặc đất bằng và rộng mênh mông bát ngát, ở vùng nhiệt đới, khi nào mặt đất bị nóng quá độ, không khí cũng bị đun nóng, tỷ-trọng có thể mỗi lúc mỗi tăng lên với bề cao. Một tia sáng đi vào lớp không khí ấy phải bị cong xuống mặt đất. Nếu tia sáng ấy phản chiếu toàn thể một vật ở xa (như một khóm cây chẳng hạn), thì ta thấy một hình ảnh lộn-ngược của khóm cây kia, y như thể có một vũng nước ở nơi đó. Ta đứng đằng xa (thí dụ như đứng xa 5 cây số), mắt ta không trông thấy khóm cây thật, mà lại thấy ảo-ảnh lộn ngược của khóm cây ấy trên mặt bãi cát, để ta cứ tưởng rằng có một vũng nước phản- chiếu khóm cây, nhưng ta càng tiến tới thì ảo ảnh ấy càng lui dần, và sự-thực thì không có vũng nước nào cả.

★ **Bạn Nguyễn-kinh-Luân — Saigon**

● Đặc-tính của những người lai, (bất luận lai Tàu, lai Tây, hay lai Ấn-Độ chẳng hạn) là : hai tính chất của hai giống người khác nhau không hòa-hợp với nhau được. Thí dụ người đàn ông Việt lấy vợ là một người đàn bà Pháp và sinh con. Người con lai ấy, hoặc là giống Pháp hẳn, hoặc là giống Việt hẳn (theo thuyết nhất-chủng, monogénisme). Nếu nó ở bên Pháp với má nó nó sẽ theo về Pháp—căn hoàn-toàn. Nếu nó ở Việt với cha nó, nó sẽ hoàn-toàn như người Việt.

Nếu người con lai ấy sau lấy vợ (hoặc lấy chồng) người Việt thuần-túy, đứa con của họ sẽ là Việt thuần-túy, và không còn lai

nữa. Hoặc trái lại, lấy vợ (hoặc chồng) người Pháp chính tông thì đứa con của họ sẽ là Pháp chính tông. Trường-hợp của bạn hỏi về « Lai Trung-Hoa » cũng thế.

★ **Ông Léon Kong Billy — Tuy-Hòa**

● Sứ-thần Phan-thanh-Giản sang Pháp, nói tiếng Việt, có Trương Vĩnh-Ký theo làm thông-ngôn.

● Pietermaritzburg là thủ-đô xứ Natal, trong Liên hiệp Nam-phi-Châu.

● Thí-sinh tự-do, là Thí-sinh không có ghi tên trong các niên khóa của một trường Công-lập, hay tư-thục. Tự-học rồi đi thi.

★ **Bạn Ngô-thành-Long KBC 4396**

Đã nhận đủ các bài, sẽ đăng. Thành thật cảm ơn.

★ **Bạn Thanh-Thủy — Huế.**

Mấy số P.T. bạn hỏi, đã hết từ lâu. Thư xin cứ gửi vào.

★ **Bạn M. Trung-học Trương-vĩnh-Ký**

● Cây mận = *prunier*, plum-tree

● Cây anh đào = *cerisier*, cherry-tree.

Cây anh đào rừng = *merisier* (ở Dalat gọi là cây mai) wild cherry tree

Cây mai (Bạch mai, hoàng-mai) = *prunellier* — sloe tree.

Cây mơ (ngoài Bắc có nhiều nhất là vùng Chùa-Hương) = *Abricotier*, Apricot-tree.

☆ **Bạn Trần-tâm-Giao — Đà nẵng**

● Bức họa gửi đăng lên báo, phải vẽ bằng mực đen. Đừng tô màu. Đừng vẽ bằng bút chì.

● Việc chuyển ngan sang Pháp để học lớp hàm-thụ không phải dễ.

● Kịch của Molière sao gọi là « mang nhiều sắc thái kịch của Corneille » ? Kịch của Molière là hài-kịch, của Corneille là bi-kịch, sao giống nhau được ?

☆ **Ông Ng Ngọc-Chánh, 51 Hồng-Bàng, Nha trang**

U.S.O.M. = United states Operation Mission

U.R.S.S. = Union des Républiques Socialistes Soviétiques.

I.C.C. = International Control Commission.

J.E.O. = Journal d'Extrême Orient (Tên tờ nhật báo Pháp ở Saigon : Viễn-Đông nhật báo)

Đài B.B.C. = British Broadcasting Corporation (Đài phát thanh Anh quốc) đọc là = *Bi-Bi-xi*

Bột D.D.T = DéchloroDyphénylTrichloréthane, (danh từ khoa học)

O.K. = (Do chữ *All correct* mà ra)

★ **Cô Nguyễn Thị Quý, Đà-nẵng**

Nên để người bạn trai của cô toàn quyền quyết định thì hơn.

★ **Bạn Lê Văn Đa, 135 Phan-Bội châu, Huế**

● Những con tem có ghi chữ «*Comunicacione*» là của Ý.

● *Sarawak*, nhượng địa Anh ở Bornéo, trong Quần-đảo Indonesia.

● Mark, là đồng tiền Đức.

★ **Bạn Thanh-Sắt, H.Q.T Long An**

● Một Hải-lý bằng 1852 mét.

● Tàu thủy chạy «*gút*», nghĩa là mỗi giờ chạy được «*hải-lý*».

★ **Ô. Hoàng-Tuấn, 310 A, Phan-thanh-Giản Saigon**

● P.T. từ số 1 đến số 20, Ông thử hỏi nơi nhà sách Khai-trí, phố Lê Lợi

● Bài có giá-trị sẽ đăng, và có tiền nhuận bút. Bản thảo không đăng, không trả lại.

★ **Ô. Nguyễn Bích 543/49 Phan đ. Phùng Saigon**

● Trái bom đầu tiên, xuất-hiện ở Đức hồi Thế kỷ XVI, (Trong sử sách không ghi tên người chế tạo) ở Pháp hồi thế-kỷ XVII.

● Về các trận đánh lớn trong kỳ Đệ-nhi Thế-chiến, chúng tôi đã có nhiều bài tường-thuật, và sẽ kế tiếp đăng dần.

★ **Em Trần-thị-Tri, An-Thái, Thăng-Công**

● Tình cảm trong thơ em rất dồi-dào và cảm-động, nhưng lời thơ chưa được ổn. Cảm ơn thư em.

● Các bạn : VŨ-NGỌC-VI-HUYỀN (Qui-nhơn) THANH-VÂN (cao Lãnh), HỒNG-NHẬT (Saigon), L.L (Saigon), TÂM-THANH (Huế) LÊ-QUANG (Cần Thơ) LƯU-HỮU-SƠN (Ba-Xuyên) Thành-thực cảm ơn thư của các bạn.

★ **Các bạn gửi bài về Tòa soạn** — Chúng tôi có nhận được đủ cả. Đang xem. Xin đa tạ.

Đang in và sẽ phát hành
cuối tháng 5 - 1961

ĐỜI THỨC GIÀ

THƠ

của cụ UNG-BÌNH Thúc giạ thị

Sưu tập và trình bày :

Cô TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG (Huế)

Ấn-loát và xuất bản :

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233, Phạm-ngũ-Lão — Saigon

ĐÍNH CHÍNH

Trong Phổ-Thông số 55, bài Quận He, xin bạn đọc sửa lại giúp :

Trang 17 xin đọc là *Võ trác Oánh* thay vì *Dánh*

Trang 18 — làm *Chúa tôi họ Trịnh* thay vì *làm tôi Chúa Trịnh*

lòng *Lôi động* thay vì *Tôi động*

Trang 20 xin đọc là *Đình văn Giai* thay vì *Đình-v-Giài*

Xin thành thật cảm ơn. Đa tạ

Bán :

MAGNÉTOPHONE (8.000\$)

Hỏi : Ông Trần hà Trì — 120/4 Hùng Vương

Bệnh viện Hồng Bàng CHỢ LỚN

4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC - SĨ ĐẶNG - VĂN - HỒ

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v... »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
(B. s. Đặng văn Hồ)

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bệnh Ho gà chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1.2 phần 10, so sánh với mấy năm trước.

Nếu bệnh như không còn phải sợ chứng khảm huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần - hưng - Đạo — Saigon.



NƯỚC NGỌT CON CỌP mỗi chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài tuổi thọ

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA- BUỒN NÔN- ỚI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU- NO HƠI- SÔI RUỘT
BAO-TỬ CỎ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Được cho
SÂN PHU, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MƠI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie **TANA**

42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

Phát hành tại THUỐC BÓ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tiện Đại lý
và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị :
• SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

K.D. số 182/HĐHD — Saigon, ngày 25-4-1961
In tại nhà in TÂN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quảng nhiệm NGUYỄN-VỸ

Một câu danh ngôn của Phật :

अक्कोधिन जिने कौधं असाधुं साधुना जिने ।
जिने कदरियं दानेन सध्धेन अलिकवादिनं ॥

(Lấy hiền-hòa thắng giận-dối, lấy nhân-át thắng bạo-tàn
Lấy từ-thiện thắng nghèo-nàn, lấy chân-thật thắng dối-tráo)



Bầy Voi điên đang khuất-phục trước Phật từ bi.
Subjugation of the Mad Elephants by the Buddha
(Bức chạm trên Tháp Amaravati, Andhara (India))